

Chàng
có chi
bí mật!



Chúng em là hai
nữ sinh. Vào mỗi
bình minh và tối
khi đi ngủ,
hai em siêng chải răng
với **thuốc đánh răng**

Perlon

có ly tử FLUOR mẫu nhiệm
bảo vệ nướu răng
chống sâu răng.
Nhờ thế răng chúng em
lúc nào cũng trắng trong
và thật khoẻ.

Perlon

bạn của
răng non

PHỐ THÔNG

Tạp-chí Văn-Hóa ra ngày 1 và 15

Giám-đọc : **NGUYỄN - VỸ**

Số in thêm

161

15 - 11 - 65

Yên Bằng

- Thần thoại Hy-lạp La-mã . ĐÀM-QUANG-THIỆN
- Tuần, chàng trai nước Việt . . . NGUYỄN-VỸ
- Minh ơi ! **DIỆU-HUYỀN**
- Nhân vật phi thường : Zaharoff . **TÂN PHONG**
Con đường qua cống hậu nhà thương **LAN ĐÌNH**
Vua và thiếp **TẠ-QUANG-PHÁT**
- Một đoạn văn của Choloikov và
giải Nobel văn chương 65 . . **VŨ MINH THIỀU**
- Bức thư Paris , **NGUYỄN-VĂN-CỔN**
Đời sống của giống cá Thu . **ĐỖ-TRUNG-THỊNH**
Những cuộc tình duyên ly kỳ . **LÊ-TRĂNG-KIỀU**
- Người chiến quốc : Phạm-Thơ . . **THIẾU-SƠN**
Vua Quang-Trung giải quyết vấn đề
ruộng đất như thế nào ? . . . **PHẠM-VĂN-SƠN**
- Thơ : **YÊN BẰNG, NGỌC HÂN, HẠNH LINH n.v.p**
HOÀI THƯƠNG, PHƯƠNG DUYÊN, HỒNG
KHẮC KIM MAI v.v..

TRUYỆN DÀI

- **LỬA TÌNH** của **TRẦN-TUẤN-KIỆT**
(xem mục lục đầy đủ ở trang 4-5)

NGUỒN VUI = SỨC KHỎE
của mọi người và
trong mọi gia - đình



KHÚC NGỌT CON CỌP Ờ ĐÀU
ĐÂY LÀ KHỎE MẠNH. SỐNG LÂU. YÊU ĐỜI



PHỔ THÔNG
TẠP-CHÍ

GOP PHAN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT NAM
PHỒ BIÊN VĂN-HÓA ĐÔNG-TÂY KIM-CÔ

Giám-đọc, Chủ-bút: Nguyễn-Vỹ

Tòa-soạn: 231, đường Phạm-Ngũ-Lão, Sài-gon — Đ.T. 25.86T



NĂM THỨ VIII ★ số 161 ★ 15-11-1965

1.— Thu dạ lễ hoài.	Đình-nhật-Thận	6	—	9
2.— Một đoạn văn và giải Nobel văn chương 65.	Vũ-minh-Thiều	10	—	17
3.— Vua và Thiếp	Tạ-quang-Phát	18	—	21
4.— Cửa một tâm hồn (thơ)	Yên-Bàng			22
5.— Người phụ nữ mở phòng trình thám tư .	Lưu-Bàng	23	—	27
6.— Con đường qua công hậu nhà thương .	Lan-Đình	28	—	32
7.— Thần thoại Hy-Lạp La mã	Đàm-quang-Thiện	33	—	38
8.— Trên bãi biển buổi trưa (thơ) .	Nguyễn-hùng-Trát			39
9.— Lời chào (thơ)	Ngọc-Hân			40
10.— Tuổi chàng trai nước Việt	Nguyễn-Vỹ	41	—	45
11.— Vua Quang Trung giải quyết ruộng đất	Phạm-văn-Sơn	46	—	52
12.— Khuất mặt trời (thơ)	Hạnh-Linh			53
13.— Bức thư Paris.	Nguyễn-văn-Cồn	54	—	58
14.— Người em sâu mộng (thơ)	Hoàng-Thắng			59
15.— Đời sống cá Thu	Đỗ-trung-Thịnh	60	—	65
16.— Thăm nhà (thơ)	Phương-Duyên			66

17.— Buổi sáng (thơ).	Hồng-khắc-Kim-Mai			67
18.— Những cuộc tình duyên ly kỳ . . .	Lê-Tràng-Kiều	68	—	73
19.— Văn thơ thế hệ	Tăng-Kỵa			74
20.— Người chiến quốc: Phạm Thơ . . .	Thiếu-Son	75	—	82
21.— Nhân vật phi thường Zaharoff . . .	Tân-Phong	83	—	87
22.— Chiều gặp gỡ (thơ)	Đàng-năng-Giáo	88	—	89
23.— Minh ơi!	Diệu-Huyền	90	—	99
24.— Cô gái điên (truyện)	Thùy-Dương-Tử	100	—	107
25.— Sách báo mới	P. Thông	108	—	109
26.— Lửa tình (truyện dài)	Trần-tuấn-Kiệt	110	—	113
27.— Thư bạn đọc	Phổ-Thông	114	—	117
28.— Đáp bạn bốn phương	Diệu-Huyền	118	—	130



- ★ Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
 - ★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
 - ★ Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỔ - THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chí PHỔ - THÔNG » và đừng viết tắt.
 - ★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
 - ★ Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- Copyright by PHỔ THÔNG, printed in Việt-Nam.

● Tổng phát hành PHỔ - THÔNG toàn quốc:
ĐỒNG NAI, 270, Đề-Thám — Saigon

● Tổng-phát-hành PHỔ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu

● Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique

● Our general agent in Europa & Africa

LONG-HIỆP

13 Rue de la Montagne Ste Geneviève — PARIS 7^e
(vente — abonnements — Publicité) ●

THU DA

LỮ HOÀI

ĐÌNH NHẤT THẬN

(xem nguồn gốc và tiểu sử tác giả
trong Phê Thông 160)

Thu dạ tinh, thiên quang ẩn ước,
Cách sơ liêm đạm chước kim bôi.
Thiên thời nhân sự tương thời,
Phù sinh nhược mộng, kỷ hồi vi hoan ?
Nhân đối cảnh hoa gian nguyệt chiếu,
Cảnh liêu nhân, thụ diều phong suy.
Giá bán liệu thiếu nhân tri,
Nhân lai phong nguyệt dữ thù vi thu ?
Thi tứ tuyết di du nhĩ ái,
Tử tam bôi tiêu sái ly hoài.
Đặng tiền độc đối thư trai,
Thương tởn khách địa hữu hoài cố nhân
Hương thủy ngoại hối vấn ngư vạn ;
Tông hà lai trạo tẩu gian biên ?
Bồi bồi nguyệt dạ sương thiên,
Hân-sơn ảm nhận khách thuyền cánh phi.
Khúc giang thủy hà thi Đại-Đỗ,
Nhất cô chu hệ cố viên tâm.
Thời lưu bất thủ thi ngâm,
Linh nhân lữ tứ chuyền thâm hương tình,
Tích ngã vãng thanh thanh liễu như,
Lưỡng tam chi sơ ngữ hoàng oanh.
Nhi kim cúc dĩ hàm anh,

Liễu âm đình ngoại, hàn minh lưu thiên !
Tích ngã khứ phiên phiên đào kiềm,
Lưỡng tam chi sơ chiếm đông phong.
Nhi kim lan dĩ thành tưng,
Đào yêu hiên ngoại lạc tông hàn sương !
Hồ vi hồ thê lương khách xá ?
Nhật ưu du kỷ cá quán đồng.
Yên năng dạ dạ thư phòng ?
Ba tiêu khắp lộ, côn trùng minh thu.
Hồ vi hồ du du lữ quán ?
Tuế thoan tuần dĩ bán sương yên.
Yên năng mộ mộ tây hiên ?
Phong dao đình trúc, nguyệt huyền ốc lương.
Bất thị tổ hà lang đầu bút
Tương trung can vị quốc tông quán.
Thử thân không tự phong trần,
Toạ trung hư thị, tâm thần đồ vãn.
Bất thị tổ hà nhân bông hịch,
Tương hiểu tâm lý thích tông quán.
Tha hương hà sự bàn hoàn ?
Bạch vân phi xứ, mẫu đan khai thần.
Kim nhật tự hải tần viên cố,
Nhất khinh phạm trục độ quy lãng.
Hương hồn phát phát như tăng,
Trục phạm hốt dĩ phá tăng tăng ba.
Minh nhật tự sơn gia viên thiếu,
Phiến cô vân đới hiệu phù không.
Hương tâm diều diều như bông,
Tùy vân hối dĩ quá trùng trùng san.
Hà xứ thị hương quan nhận tẩu ?
Du tai nan ngư tận tâm tình.
Dạ gian Diệu-đế chung thaub,
Hải môn cổ hưởng, ngư thành pháo thời.
Giang khúc khúc trường hồi khúc khúc,
Cảnh du du dạ phục du du !
Tiêu diều quán lữ đình thu !
Lân gia thung chữ, giang đầu trạo thanh.
Ta khách địa vu oanh tâm sự,
Thần khuê nhân tình tự khả liên !

Cảnh tham dăng diệt án tiên,
Hàm tình yếm phiến không huyền nguyệt minh.
Cò chằm lý tam canh mục mị,
Phiến u hoài thùy thị vi lân.
Tình đầu dạ bán vô nhân,
Thuy lai báo điệp, tỉnh thần minh kê.
Hữu thời hoặc hương khuê tịch chiếu,
Hạ đường lai dục thảo hoa lâu.
Hốt kinh yển nhĩ nê sào,
Loan tu kính chiếu, phượng sầu lại sơ.
Hữu thời hoặc chức cơ dạ tỉnh,
Hó đồng lại sơ chỉnh dăng minh.
Hốt văn nhận độ giang thanh,
Cơ dung túc đập, thoa đình thủ phao.
Khả lân dạ phần cao đạt đán,
Dạ trầm trầm bất kiến giai âm!
Trịch thoa vọng vọng đình âm,
Sương hàn tất xuất thỉnh ngâm thanh sâu.
Vọng bất kiến du du ngã độc,
Cổ khuê môn tái phục ngôn hoàn.
Thỉnh gia kê xướng tây lan,
Hàm tình ý kỷ, khiêu tàn cò đình!
Khả lân nhật dăng đình tự tảo
Nhật tà tà bất đáo hồi thư.
Lãm y bộ bộ khang cù,
Thiền minh dương liễu đới sầu mi khan.
Vọng bất kiến phiến phiến ngã độc,
Cổ cầm hiên cưỡng dục vi tình.
Hốt chiêm điệp hí lan bình,
Hàm thê xuyên cực phục hành tây viên,
Kim tất vị thu thiên tỉnh hảo,
Ngã lương nhân tương đảo quy kỳ.
Hoàng tri thế lộ nhiều Khê,
Quan san thiên lý vị kỳ hạt lai.
Kim tất vị ngã ly vĩnh cửu,
Tự Trường an hoặc bảo khám trừ.
Phong tình quán tự phong lưu,
Phần hoa thần hữu hoàng châu để thành.
Cầu phi hữu nhân tình đã giả,
Hồ nhi xuân nhi hạ nhi thu ?

Do lai tử các hồng lâu,
Anh hùng bất trú, trượng phu nan chi!
Nhu thử giả, thùy tri chi giả ?
Yên ba trung xử ngã tâm sâu.
Ngang tàng khởi thiếu niên du!
Phong lưu cựu thái, giang hồ cố gia.
Lữ cảnh mỗi tòng nga lý thống,
Hương hồn không hương mộng trung du!
Giang sơn khách diệt tri hồ ?
Tình trung cảnh thiết, lộ đồ gian nan!
Tuy viết dĩ tảo tần phụ sự,
Nội tề gia, thượng tự tổ tiên.
Gián mao hoàng thùy vi kiên,
Yên tri chủ quỹ năng hiền phụ nhân.
Khả tri giả thập phần gia ấu,
Nhất môn trung cộng bảo vô nguy.
Biệt thời chính tại hải nhi,
Niên lai tướng dĩ phát thùy nha sinh.
Khả ái giả kỳ huynh chi tử,
Niên thập tam thập tứ trung lai.
Ngô huynh diệp viết hạnh tai!
Đề kim vị giác thùy khai học đường.
Khả turgia đồng song nhị Khê,
Chi lan hương tế tế do văn.
Mã bôi tự ấp khinh trần,
Vị thành thử hậu, cố nhân diệp từ!
Bất tri hậu Bắc kỳ khởi phi!
Nhị ngô huynh dĩ vị hồi thân ?
Ta tai đồng bệnh tương lân!
Nhất tiêu tương nhất hướng Tần nhất phương.
Tương hà nhật cảnh tương đối ngữ?
Tự khuê tình hựu tự khách trung.
Nhi kim thu nguyệt thu phong,
Thu ngâm thu âm tình trung giả thùy ?
Đối ly cảnh, lệ thùy song nhãn,
Cổ hương khuê lộ hạn trùng san.
Tửu tàn độc ý lan can,
Giác lai nhỡa khán lệ hoàn thê lương!

(xin xem bài dịch kỳ sau)

1° **đoạn văn của GHOLOKHOV và giải**

**NOBEL
VĂN - CHƯƠNG
1965**

* Vũ-minh-Thiều

... Về đêm, trọng pháo Đức bắn phá rất. Đầu đạn, cách từng khoảng, xa xa lại nghe thấy tiếng đại bác. Một vài phút sau, trên đầu chúng tôi, cao vọt trên nền trời đầy sao, có tiếng loảng xoảng, một tiếng hú dội lên, rồi xa dần. Sau chúng tôi, về phía lộ, mà ban ngày xe cộ đi lại rộn ràng, tãi lên mặt trận đạn được, khi giới, một ngọn lửa tỏa một ánh sáng vàng tiếu theo một tiếng nổ vang như sấm rền.

Giữa khoảng những tiếng nổ, khi yên tĩnh trở lại khu rừng.

ngươi! ta thấy tiếng kêu lanh lảnh của muối, tiếng uôm uôm của ếch trong bị xáo động ở các đầm lân cận, gọi nhau hái hùng..

Hầu hết những binh sĩ trong đại đội chúng tôi là người Tây-bá-lợi-á. Vậy mà đất đai Uy-Ken chúng tôi chống giữ kịch liệt. Nhiều bè bạn tôi đã gục chết ở nơi này, nhưng chúng tôi giữ quân Đức không phải ít, chúng tôi

MỘT ĐOẠN VĂN

rút lui, nhưng chúng cũng liềng xiềng!

Nuốt ngon lành khói thuốc đang hút, trung úy Go-ra-si-mô nói một giọng khác, dịu dàng:

— Đất Uy - Ken thật đẹp, cảnh trí tuyệt-mỹ! Nếu mỗi làng, mỗi xóm, đối với chúng tôi quá thân mật, cũng vì chúng tôi đã đổ máu ở đó, không chút dè xen. Máu huyết, bạn đã biết, càng ràng buộc thắm thiết mỗi giây liền, lạc... Vì vậy, rồi một làng mạc nào lòng thấy, se lại se lại, — Thật là điều bất hạnh. Niềm tiếc nhớ se thắt làm bạn đau lòng. Chúng tôi rút lui, xấu hổ không dám nhìn thẳng mặt dân chúng..

Mikhail CHOLOKHOV
(bản dịch của VŨ-MINH-THIỀU)

Giải Nobel văn chương 65 và cuốn « trên sông Don êm đềm »

Nếu hỏi một nhà phê bình Nga, trong văn học sử Nga hiện đại, những văn hào nào nổi danh nhất, chắc chắn sẽ được trả lời: Gorki, Alexis Tolstoi và Cholokhov.

Sau Maxime Gorki, cây cầu nối văn học sử cổ điển Nga với văn học sử Sơ - viết, tác giả những cuốn « Tuổi thơ », « Kiểm ăn », « Người mẹ », v.v... chết đi một cách bí ẩn năm 1936 (1) và sau Alexis Tolstoi, một cây cầu khác

nữa, nối liền hiện tại với quá sử, tác giả những cuốn « Con đường thống khổ », « Pi-e đại đế »,... thì kể đến Mikhail Cholokhov, được coi như cổ vấn văn hóa của nhà độc tài Staline và vì chúa tể các nhà văn Nga hiện đại.

So với biểu tượng hùng vĩ, đầy màu sắc của bá tước Alexis Tolstoi, vốn thuộc một đại gia đình đã sản xuất cho Nga biết bao danh nhân, như bá tước Léon Tolstoi, tác giả những văn phẩm bất hủ « Chiến tranh và hòa bình », « Cuộc phục sinh », « Anna Kha-lê-ninh », v.v..., thì Mikhail Cholokhov có vẻ ần khuất, khiêm nhường. Ở ông, không thấy có gì kỳ dị, kinh ngạc. Đời cầm bút của ông mộc mạc, chính trực.

Đặc điểm của ông chỉ vì ông là dân Cô-dắc (2). Ông là người Cô-dắc đầu tiên trong văn học sử Nga. Sinh năm 1900, ngay thiếu thời ông đã tham gia

(1) Maxime Gorki chết năm 68 tuổi. Theo báo Nga Novyi Mir, Mạc tư khoa tháng 6-1933, thì mắc bệnh lao đã lâu năm, Gorki chết vì thuốc độc của một viên y sĩ do chính Staline chủ mưu đầu độc.

(2) Cosaque — dân miền Ukraine ở Nga, nổi tiếng về kỵ binh.

Thế chiến thứ nhất và nội chiến. Trong kế hoạch ngũ niên đầu tiên, ông cho xuất bản phần thứ nhất cuốn «Trên sông Don êm đềm», được độc giả và giới phê bình đề ý ngay.

Nhưng thật ra cuốn sách chưa được đặc biệt hoan nghênh. Sự dàn dụa, tính cách khách quan của Cholokhov không hợp với thị hiếu đương thời: người ta chuộng sự mới lạ, táo bạo hoặc thiên vị. Nhưng với tính kiên nhẫn cổ truyền của tổ tiên, ông tiếp tục viết thiên tiểu thuyết này một cách đều đặn. Ông viết liền trong thời mười lăm năm mới hoàn thành cuốn «Trên sông Don êm đềm»; một cuốn sách có lẽ dài nhất trong văn học sử Nga hiện đại, và lần lần càng chiếm được lòng ưu ái của độc giả. Bản anh hùng ca Cô-dắc của ông khoác một tính cách hợp thời nhất vào lúc nhà độc tài Staline phục hưng lại những tập tục cổ truyền của giòng giống này vốn vẫn giữ nguyên được những bản sắc đặc biệt và đã lâu nay thường bị ngờ vực là giới tư sản phản cách mệnh. Trước kia, người ta e ngại ở ông điều gì, thì nay người ta càng mến chuộng ông.

Người ta ca tụng tình yêu quê hương, những mối giây ràng buộc ông với xứ sở, tất cả cái bản sắc đầy hương vị, chứa chan trong tác phẩm «Trên sông Don êm đềm» của ông.

Nay Cholokhov được xếp vào hàng những nhà văn cổ điển của Nga. Ông đã góp phần vào công cuộc xây dựng xã hội Nga với cuốn «Đất hoang cây xói». Cũng như các nhà văn Nga khác, ông đã tham gia cuộc Thế chiến thứ hai và cho xuất bản một tác phẩm về chiến tranh: «Họ chiến đấu cho Tổ quốc». Nhưng những văn phẩm này không mang thêm sự mới lạ gì. Hình như ông chỉ là tác giả một văn phẩm độc nhất, nếu ông không thay đổi hẳn nghệ thuật của mình.

Có người gọi cuốn «Trên sông Don êm đềm» của Cholokhov là cuốn «Hòa bình và chiến tranh» (1) của Nga hiện nay. Phải nói tác phẩm của Cholokhov thật hùng tráng và đầy lòng nhân ái. Cuốn tiểu thuyết thật sống động, lâm li và chất

(1) nhắc lại tác phẩm bất hủ «La guerre et la paix» của Léon Tolstoi.

phác. Đó cũng là một tài liệu bậc nhất về thời kỳ nội chiến ở Nga. Nếu văn phẩm không khơi lên một cuộc tranh luận trừu tượng nào, nếu thiếu sót hẳn yếu tố tôn giáo, không phải vì vậy mà buồn tẻ khô khan. Hình như nó diễn tả ngấm ngấm hơn là phát biểu bằng lời. Không cần phải nhấn mạnh, hình như hầu hết trên các trang giấy, tác giả luôn luôn nhắc nhở đến những đề tài muôn thủa của phẩm giá con người, sự thực và nền công bằng.

Chuyện diễn ra hồi sắp xây ra đệ nhất thế chiến tại một làng Cô-dắc giàu có. Ruộng đất phì nhiêu, đời sống phong phú, tục lệ cổ truyền từ ngàn xưa, vào thời này, ta có thể rút ở đó ra những bức họa đồng quê tuyệt mỹ. một cuốn phim hấp dẫn về phong tục của cả một miền. Nhưng thật ra, Cholokhov không phải là một nhà phong tục học đầy tình cảm; ông vốn e sợ những sự chài chuốt, giả tạo. Ông tả tình, tả cảnh không chút kiêu cách. Những nhân vật diễn tả đều là những nông dân cổ xưa, dưng cảm. Ít bị tiêm nhiễm nền văn minh mới. Chứa chan

sinh lực và rất yêu mến hoạt động, họ tiêu biểu người dân Cô-dắc, một giòng giống hiếu chiến, tham lam, kiêu hãnh về những đặc tính và nền tự trị của mình. Mặc dầu đặt cao cái phẩm giá của dân Cô-dắc, chính họ lại dễ cho lương năng điều khiển. Rồi như một trận cuồng phong, những phần nợ đầy bạo tàn thổi qua miền quê tươi đẹp này, phá tan cả cảnh êm dịu của đồng nội. Những cảnh diên rồ, man rợ, giết tróc, hận thù đều được phê diễn trong những đoạn văn bình dị, mộc mạc, xen kẽ với những cảnh yên tĩnh, chan chứa những thú vui miền đồng áng.

Rồi chiến tranh bùng nổ, lôi cuốn cả hai phe thù nghịch ra xa hẳn giòng sông Don êm đềm. Và cũng ở đây nữa, với một tình cách khách quan đặc biệt, tác giả phê diễn cả hai bộ mặt của cuộc đời quân nhân: Khía cạnh vô nhân đạo và khía cạnh dưng cảm. Cũng chính ở đây, ảnh hưởng của Léon Tolstoi vốn thấm nhuần hầu hết tác phẩm của Cholokhov tỏ ra rõ rệt nhất. Nhưng người ta cũng còn thấy cả ảnh hưởng của Re-

marque nữa (1). Thêm vào đó, còn kinh nghiệm bản thân của tác giả ở ngoài mặt trận, không phải cuộc đời của một quân nhân giàu có, hiền hách, nhưng là một quân nhân khom lưng dưới gánh nặng của số phận.

Nhưng tất cả đây mới chỉ là màn đầu : cuộc Cách mệnh nổi lên và lúc mới khởi đầu tằm thắm kịch Cô đắc. Giữa lúc quân đội tan rã, khi nước Nga bị chia ra làm hai phe thù nghịch kịch liệt, cả một dân tộc lúc này không biết ngã về bên nào ? Theo phe Cộng, thù nghịch của tư bản ruộng đất, chính là căn bản nền thịnh vượng Cô đắc hay ngã về phe Bạch Nga vốn chủ trương nền móng cũ, cái hệ thống mà trong thâm tâm không một người dân Cô đắc nào không khinh miệt ? Theo bước những kẻ vô sản tham lam, chỉ muốn vơ lấy của cải của mình, hay hướng về những « kẻ phản động » lôi cuốn mình vào một cuộc phiêu lưu đẫm máu ?

Thoạt đầu, tưởng như cán cân nghiêng về phe Bôn-sơ-vít. Nếu số đông những người đứng tuổi ngã về phía chống cách mệnh thì nhóm Thiếu niên lại có cảm tình với bọn đó. Chia rẽ trong các gia

đình cỡ kính, giàn xếp, hàn găm không xong. Họ liền tìm một giải pháp khác ; trùng lập, không xen kẽ vào công việc của nước Nga nữa : mặc cho phe Đỏ hay phe Trắng làm gì thì làm, miễn là để cho miền sông Don được định đoạt lấy số phận của mình. Với sự nâng đỡ của quân Đức xâm chiếm miền Ukraine, một vương quốc giòng sông Don được thành lập, như một xứ đệm giữa quân Bạch Nga nay lùi về phía Caucase và Hồng quân, ngừng lại trên ranh giới miền Cô đắc. Nhưng quân đội Đức rút lui, thế quân bình không tồn tại được nữa. Bọn Bôn-sơ-vít tấn công miền Cô đắc. Sau một cuộc chống trả yếu ớt, mặt trận tan rã và phần lớn xứ sở bị phe Cộng chiếm đóng. Dân chúng tiếp đón chúng lòng tin tưởng, hy vọng nền tự trị của mình được tôn trọng, một khi quân phản cách mệnh đã rút khỏi vùng sông Don. Thật là ảo vọng, vì chính thể Mác-xít không dung

(1) Văn hào Đức tác giả cuốn sách trừ danh « Ở phương Tây, không có gì lạ » tả cuộc Thế chiến thứ nhất.

thứ những biện pháp nửa vôi. Những tên ủy viên đỏ tiến vào làng mạc với địa vị chủ nhân ông ; chúng muốn diệt bỏ ngay chính thể địa phương. Lòng tự ái dân địa phương nổi dậy và cuộc nổi loạn toàn thể bùng lên.

Hơn một lần nữa, dân chúng chỉ muốn được tự do và bảo đảm được những đặc quyền của mình. Họ muốn tự cai trị lấy nhau một cách dân chủ. Nhưng lòng dũng cảm của một quân đội ở hợp không bù đắp được sự thiếu thốn về vũ khí và quân số. Những người nổi loạn buột lòng phải gọi sự giúp đỡ của quân Bạch Nga. Với những lực lượng tiếp viện, Hồng quân bị diệt trừ hết ở miền sông Don. Cuộc khủng bố của quân Bạch Nga kể tiếp cuộc khủng bố của Hồng quân, nghĩa quân bị giải tán, người ta tái lập những đoàn quân Cô đắc cò xua, gò bó trong một kỷ luật nghiêm khắc và phải tham gia vào cuộc tấn công Bạch quân về phía Mạc tư khoa. Lại khởi diễn một cuộc chiến tranh mệt mỏi, dân Cô đắc theo một cách miễn cưỡng. Một lần nữa, mệt mỏi và óc chia rẽ lại xuất hiện. Bị phản công, quân đội Cô đắc tan vỡ ngay, lôi cuốn theo cả cuộc rút

lui của toàn thể lực lượng Bạch Nga. Hồng quân lại tái chiếm vùng sông Don, lần này mãi mãi. Lại những cuộc khủng bố, những ô kháng chiến bị diệt hẳn : kết thúc những tự do và đặc quyền của dân Cô đắc, sáp nhập hẳn miền sông Don vào Liên Bang Xô viết.

Trong tấn thảm kịch của vùng Cô đắc này, còn diễn ra tấn thảm kịch thể thảm của một cá nhân. Ngôi bút của Cholokhov không những chỉ trình bày một bức tranh lịch sử vĩ đại, nhưng còn diễn tả thêm cuộc đời của một quân nhân, Grégoire Melekov, lúc là kỵ binh, lúc là sĩ quan, chủ tướng của đám loạn quân, một chiến sĩ Bạch Nga, cầm đầu đội quân ở hợp, sau cuộc thất trận của quân Bạch Nga còn tiếp tục đánh du kích một cách vô vọng. Người ta có thể coi cuộc đời của nhân vật này như một tấn thảm kịch của một con người chính trực. Quả vậy, Grégoire không những là người ham mê, gan góc, không những là một người Cô đắc ràng buộc với những tập tục cổ truyền của xứ sở, cùng chia xẻ số phận với cả dân tộc mình, nhưng còn có một

tấm lòng thiết tha và một thiên bầm luôn luôn tôn trọng sự công bằng. Giữa những biến cố hãi hùng, chàng vẫn theo con đường chân chính, vẫn vẫn lương tâm, luôn luôn tìm kiếm sự thực. Giá trị của Cholokhov là ở chỗ đã đề sự ngờ vực lưng lờ ở chỗ này. Sự thực có phải về phía những người bảo thủ hay về phe cách mệnh, về phía những người dân Cô đắc, hay về phía Hồng quân và Bạch Ngà, người nào cũng muốn bảo vệ nền thống nhất của xứ sở. Tác giả trình bày những nhân vật, không ngã về phe nào, khi họ đáng yêu, khi đáng khinh miệt, vừa bỉ dòi, vừa hào hùng. Ai ai cũng có lỗi, ai ai cũng có lý. Về phía này, về phía nọ, đều chông chát lỗi lầm, mọi người đều phạm những tội nặng và cả hai đều cố bảo vệ những giá trị chân chính. Grégoire không những có một đường lối khác biệt, nhưng còn có óc phán đoán. Chàng chối từ mọi cuộc hòa giải và kết cuộc bị coi như một kẻ phá đám. Chàng không ở phe đảng nào: vì quá cương trực, thành ra ở đâu họ cũng ngờ vực chàng. Cuối cùng chàng lâm vào một cảnh cô quạnh hãi hùng.

Tác giả bỏ rơi chàng vào giữa lúc chàng kiệt lực, mệt mỏi vì

cuộc chiến đấu không lối thoát. Chàng trở về làng nơi chôn rau cắt rốn, đặt mình dưới chế độ cộng sản, như vậy có phải là một sự cải hóa không? Thật ra, chỉ có định mệnh thắng. Cholokhov đã diễn tả nỗi tuyệt vọng sâu xa của con người đầy quả cảm, kiên nhẫn, kiêu hùng. Nếu chàng đầu thú, chỉ vì đau óc chàng đau khổ: sau cái chết của người yêu, chàng cảm thấy cô đơn quá, cuộc đời đối với chàng không còn có ý nghĩa gì nữa.

Thiên tiểu thuyết hùng tráng này còn là một chuyện tình cảm. Tình yêu tha thiết của Grégoire với Aksinia, vợ một người hàng xóm của chàng. Một tình yêu tội lỗi, bạo tàn lúc khởi đầu, nhưng càng chung sống, càng trở nên thanh cao, có nhiều đoạn cảm động xót xa. Với một thể văn dàn dặt, linh động, cô đọng nữa, ông tả cái chết của nàng Aksinia. Chính đoạn này có thể coi là đoạn tuyệt mỹ nhất trong tác phẩm của Cholokhov.

Nhưng cuốn sách không phải là đặt vào tay ai cũng được, như phần lớn các sách của Nga số hiện nay. Cuốn « Trên sông Don êm đềm » có nhiều đoạn tả chân quá thô bạo. Nói như vậy không

phải chê trách tác giả, vì ông đâu có khoái trá gì khi diễn tả những cảnh khủng khiếp và những điều ti tiện. Gấp cuốn sách lại, người ta còn như tiếc rẻ, không có cảm tưởng nặng nề, xót xa, thường thấy trong các sách mô tả các cuộc nội chiến. Ở Cholokhov, ta thấy một thứ gì êm đềm, trong sáng, qua toàn thể văn phẩm, truyền nhiễm cả cho độc giả. Có phải

cái cảm quan về tạo vật, về vũ trụ đã phú cho ông sự bình thản này chăng? Người ta không sao nói được, nhưng mặc dù vì lý lẽ gì chẳng nữa, chính là nhân sinh quan đã thắng thế trong văn phẩm tuyệt tác này mà sự chết thường thấy nhắc nhở đến luôn luôn. Hy vọng đã nảy sinh ngay ở cảnh hoang tàn thê lương.



★ HOAN HỒ ÔNG CẢNH SÁT

Một bà tưu ngưu đến Ty Cảnh-sát báo :

— Thưa ngài thứ lỗi cho. Tôi báo nhầm. Tôi không bị mất số nữ trang nào cả.

— Thưa bà — Ông Cảnh - sát đáp — Mượn quá rồi ! Thủ phạm đã nhìn nhận tội lỗi, là đã đánh cắp nữ trang của bà rồi.

★ DANH NGÔN

● Một bậc anh hùng cứu nạn giúp nguy, thì cốt nhất phải lao tâm, khổ lực.

Tăng-quốc-Phiên

● Une femme est comme votre ombre : courez après, elle vous suit, fuyez-la elle vous court après.

Alfred de Musset

(Người đàn bà như chiếc bóng : chạy theo nó thì nó trốn, trốn nó thì nó theo.)

◆ TẠ-QUANG-PHÁT

Chúng tôi viết bài này theo tài liệu trong Tây-sơn thuật lược, một quyển sử biên niên mỏng nhưng rất có nhiều tiểu tiết mà có lẽ ít người biết đến.

VUA và THIẾP

*Chiến công bình bắc, huy hoàng
Chịu nghe lời thiếp vững vàng
nước non »*

VUA Quang Trung Nguyễn Huệ nhà Tây - sơn là một người áo vải, có sức khỏe tuyệt luân, lại cơ trí quyền biến, mưu mẹo như thần, khởi lên ở đất Tây-Sơn thuộc huyện An-khê tỉnh Bình-định.

Vua có tóc ngắn, mặt đầy mụn, có một con mắt nhỏ, nhưng cái trông rất lạ. Ban đêm không có đèn thì ánh sáng từ trông mắt ấy phát ra soi sáng cả chiếu. Vua là một tướng

quân bách chiến bách thắng, có thể đoán trước thời gian mình toàn thắng không sai, như lời của Vua cười nói với Ngô văn Sở và Ngô thì Nhậm khi quân Mãn Thanh tràn sang: « Chúng nó sang bên này là mua lấy cái chết. Ta ra chuển này thân coi việc quân đánh giữ, đã định xong chiến lược, đuổi quân Tàu chẳng quá mười ngày là xong việc. » — Quả thật về sau đạo quân xâm lược Việt Nam của Tôn Sĩ Nghị chỉ trong mười ngày là bị quét sạch ra khỏi biên thùy.

Sau khi bình định xong giặc bắc, Vua đặt quan bí thư, đề mỗi tháng sáu lần châu giăng giải kinh sử cho Vua nghe. Vua

VUA VÀ THIẾP

không có học cho nên không biết sử sách.

Một hôm Vua hỏi quan bí thư: « Trong sách sao chép quá nhiều việc thế? » Quan bí thư tâu: « Sách sử chép sự tích thiện ác của bậc đế vương và lý do hưng phế đề đời sau biết mà soi xét răn đe. » — Vua hỏi: « Như thế thì từ xưa có ai đánh Tàu không? » « Nước ta có Trần Hưng-Đạo đánh quân Tàu ở sông Bạch-đăng, Lê Thái-Tổ đánh quân Tàu ở thành Đông - quan, nhưng đều là đánh chúng tràn sang xâm chiếm, chớ chưa có vị nào tiến sang Tàu mà đánh chúng cả. » — « Ta sẽ đánh đề người xem. »

Quan bí-thư này là người ở Ngọc-động thuộc tỉnh Thanh-hóa, tên họ chưa khảo ra.

Vì cố tâm bắc phạt, Vua xuống sắc lệnh cho công-viện và lại chiến y đề gửi cho gia thiếp của các đại thần cắt giữ, hẹn ngày nào đủ hai mươi vạn (200.000) chiếc áo để ban cấp cho quân sĩ thì ngày ấy Vua sẽ đem binh đánh Quảng-tây.

Lúc ấy quần thần của Vua đều là những đại tướng giàu kinh luân, nhiều thao lược, nhưng không có vị nào dám hờ môi can ngăn Vua về việc đem trưng chọi đá ấy, vì ai ai cũng khiếp sợ cái uy dưng lẫm liệt của Vua.

Một hôm vua vừa vào trong viện đề xem xét, có một người thiếp họ Hoàng dòng dõi của Hoàng Nghĩa Giao, quan đại tướng của nhà Lê, vợ của quan Thái-úy Điều, giả vờ không biết có Vua ở đấy mới nói với đồng bọn rằng: « Nay quen thắng mà đánh Tàu, nhưng Tàu thì to mà ta thì bé, nếu rui không thắng thì làm sao? Chẳng bằng cứ trị dân mà hưởng lộc nước, việc gì phải đi tìm ở xa. »

Vua nghe được hết lớn: « Người kia là ai mà dám can trở việc quân của ta? » Vua liền sai bắt người thiếp ấy ném xuống biển. Nhưng rồi Vua lại hối hận bảo rằng: « Người kia nói cũng hợp lý. » Vua liền ra lệnh tha cho. Việc chuẩn bị cướp phá nước Tàu mới dứt.

Ôi ! Một câu nói mà bài được việc binh, cứu được sinh linh khỏi cơn máu đỏ, đem lại thanh bình cho non sông thật là lời nhân đức.

Huyết thống anh hùng vẫn còn tiềm tàng ở tâm lực của nàng. Nàng thật xứng là giòng dõi nhà tướng, phận vóc liễu yếu đào mà dám can ngăn một ông vua uy hùng bách thắng. Không biết trước phu thời ấy nghe được câu chuyện này có cả thẹn hay không ?

Nhưng vua Quang-Trung là người phân bội giai cấp nông dân của mình. Là hạng bình dân áo vải. Nguyễn Huệ đã đem ca trường mưu lược ra chinh nam dẹp bắc đề lên ngôi tác uy tác phúc mất hết bản tính bình dân. Vua biết nghe lời người đàn bà họ Hoàng nhưng không biết thưởng thức tâm hồn dũng cảm dám lên tiếng can ngăn của nàng.

Đối với lời can nhân đức và hợp lý của nàng, Vua chỉ hơi hận tha cho nàng khỏi chết cũng chưa đủ. Đề nêu gương mình biết nghe lẽ phải, biết chuộng trung thần dũng cảm,

biết không thẹn hỏi kẻ dưới, Vua phải ân cần an ủi nàng và ban thưởng cho nàng xứng đáng, vì nàng đã đem cả tâm mạng ra đề đòi lấy cái thanh bình cho dân tộc.

Hắn vì cái phân bội giai cấp, cái bất thân dân, cái ngăn lời can gián của Vua mà triều Tây-sơn không được cấp sĩ phu cũ của nhà Lê ủng hộ, tuy Vua là vị cứu tinh của dân tộc đã đui đờ được mấy lần nạn ngoại xâm.

Việc suýt ném người đàn bà họ Hoàng xuống biển đã phản tuyên truyền cho triều Tây-sơn rất lớn. Đã không thống nhất được tư tưởng của nhân dân, đã không dạy được cấp sĩ phu dài lưng tốn vải hiểu biết tâm địa của quân Thanh là xâm lược, suy xét việc rước voi về giày mà tổ của vua Chiêu-thống là phân bội và nhận thức việc đưa quân Thanh vào để tự trông ách nô lệ vào cổ mình là ngu đần, Vua lại quá tự tôn, Vua chỉ biết yếu tố quân sự mà không hiểu yếu tố dân tâm. Vua toan giết một người đàn bà dũng cảm trung can để cho nhân dân thấy

mà kinh hai lách xa mình.

Một triều đại oanh liệt bách thắng lừa quân Xiêm, đuổi quân Mãn chột lưng lấy huy hoàng rồi chột tàn rụi tiêu điều trong một thời gian mười bốn năm ngắn ngủi chỉ vì thiếu yếu tố ủng hộ của nhân dân.

Có người bảo là bởi số trời theo lời sấm của cụ Nguyễn Bình Khiêm :

*Đầu cha lộn xuống chân con (1)
Mười bốn năm tròn hết số thì
thôi*

Nhưng hẳn là tại mình không biết khôn khéo tuyên truyền đề thu phục dân tâm mới đưa đến số trời ngắn ngủi như thế, cũng như một thân cây mọc trên một mảnh đất quá sỏi, chóng vượt lên cao một cách quái lạ rồi cũng mau tróc gốc ngã xuống một cách dễ dàng. Cây ấy đổ quá chóng là vì số ư ? Hay tại mình không biết



★ DANH NGÔN

● *La plus grande punition qu'on puisse faire à un homme qu'on a pris votre femme, c'est de la lui laisser,*

Sacha Gultry

(Sự trừng phạt nặng nề nhất đối với kẻ đàn ông nào lấy vợ anh, là để người vợ đó cho hắn.)

vun bởi cái gốc.

Câu chuyện vua Quang Trung toan giết một người đàn bà dũng cảm trung can là một bài học quý giá cho chúng ta. Đó là một sự kiện rất tầm thường còn con nhưng có ảnh hưởng rất lớn về việc phế hưng tiêu trưởng của một triều.

Người đàn bà họ Hoàng này đã được vua Quang Trung chịu nghe lời và đã suýt vùi thân dưới đáy biển rất tiếc là không được sử sách ghi tên để chúng ta chiêm ngưỡng và noi gương.



(1) *phần trên đầu trong chữ Quang (vua Quang Trung) lộn xuống làm phần dưới chân trong chữ Cảnh (vua Cảnh Thịnh) = triều Tây-Sơn chỉ truyền từ vua Quang Trung đến vua Cảnh Thịnh mà thôi.*

của một tâm hồn chết

★ yên bằng

*Có những niềm đau phủ cuộc đời
Nụ cười chết lịm giữa hoa môi
Xin em khúc hát sầu muôn thuở
Tôi cánh chim xanh bạt cánh trời*

*Muôn dấu chân xưa lộng ý tình
Không ngăn giòng lệ đỏ mi trinh
Tôi mơ hồn đón hương huyền ảo
Năm tháng mờ phai một bóng hình...*

*Một chút sầu tơ lên ý sương
Ôi đâu tình tự một con đường ?
Ai đem hơi thở vào phiên mộng ?...
Đề đến muôn đời mang tiếc thương !*

*Em tựa cành khô lá chết kia...
Gây bao sầu mộng dưới trăng ngà
Chợt cơn gió thoảng lên làn tóc
Hương vỡ tan rồi theo tiếng ca*

*Tôi khách tình say bóng bụi mờ
Muôn đời theo dệt những trang thơ
Xin trao một khối buồn phương-thái
Ôi xót-xa đau... dạ hững hờ !*



**người
phụ - nữ
đầu tiên
mở phòng
trinh
thám tư**

● I-ƯU-BẰNG

V ALLADOLID (Castille)
5 giờ rưỡi sáng ngày 17-
12-1964. Mưa lất phất
rơi trên thành phố.

Trong quán nước, một
nhóm người Pháp đang
thì-thăm nói chuyện với nhau. Họ
bao quanh một người đàn bà trẻ
tuổi, tóc hung vàng, mặt có vẻ bơ
phờ vì mất ngủ. Nàng rút trong
túi ra một bản đồ và chỉ vẽ trên
đó bàn cãi với mọi người. Tất cả
các chi tiết đều được trữ-liệu
chu đáo.

Người đàn bà trẻ cho biết :

— Sáng nay, «hàng» sẽ vượt
biên giới.

Thoạt nhìn, cảnh trên không
khác nào như được rút ra từ một
« xen » điện ảnh, trong một cuốn
phim mà tài tử chính là một nữ
thám tử, kêu gọi như một nữ
nhân vật của Peter Cheyney, nhiều
trực giác như Sherlock Holmes và
cám dỗ như James Bond.

Nhưng không, đây không phải
là chuyện xi-nê mà là một chuyện
có thật, xảy ra gần một năm nay
tại một thành phố nhỏ của Cas-
tille (Tây ban nha.) Đây là hồi
cuối một cuộc phiêu lưu kỳ lạ
huy động sáu nhà trinh thám, đội

hỏi hàng trăm giờ chuẩn bị tỉ mỉ ba chiếc xe đặc biệt và 4 chuyên quan sát ở ngoài quốc.

Đây cũng không phải là một vụ buôn lậu khí-giới mà chỉ là một hoạt động nhằm trả lại cho một bà mẹ người Pháp đứa con trai năm tuổi bị cha bắt về Tây ban nha.

Người đàn bà trẻ tuổi tên Anne-Marie Albert-Labro-Nghề nghiệp thám tử tư.

● **Bắt cóc đứa bé**

Giương mặt tròn, nước da hồng hào, môi không bôi son, nhìn sơ qua Anne-Marie không có cái vẻ ghê gớm của một nữ thám tử vào sinh ra tử. Nhưng người đàn bà mới 26 tuổi nhỏ nhắn, xinh xắn, tốt nghiệp trung tâm quốc tế Nghiên cứu Cảnh sát, giám đốc một phòng trinh thám tư ở Ba-lê vẫn có thể đội lốt bất cứ một hình dáng tùy sự đòi hỏi của tình thế từ một nữ tu sĩ đến một thiếu tá Anh-quốc.

Chuyên môn về nhu đạo, về Karaté, về cận chiến, nhà nữ thám tử của chúng ta giữ hai nhiệm vụ nguy hiểm: phản gián và thu hồi

những trẻ nít bị bắt cóc.

Nàng kể lại:

— Trên phương diện pháp lý, em bé François-Guichard bị cha bắt cóc kể như mất luôn dù rằng tòa án xử giao đứa con cho người mẹ nuôi. Vì người cha Tây-ban-nha và đứa con lấy quốc-tịch ở phía bên kia biên-giới. Hơn nữa phán quyết về ly-dị của tòa án Pháp không có hiệu-lực gì đối với Tây ban nha.

Do đó, để đem đứa trẻ về cho mẹ, nhà nữ thám-tử phải tính chuyện bắt cóc. Nhờ các chỉ điểm viên, nàng biết người cha đang ăn náu với con trai tại Valladolid (Castille) sau khi dọn nhà nhiều lượt để đánh lạc hướng theo dõi. Để biết từng chi-tiết trong nếp sống hàng ngày của người cha, Anne Marie phải đi đi lại lại nhiều chuyến.

Khi đầu đó xong hết rồi, người ta lại hay tin đứa bé ngã bệnh. Kế hoạch phải dời lại ngày khác.

Cuối cùng ngày 17-12, một toán cảm-tử gồm Anne - Marie, năm thám-tử và Simone Guichard, bà mẹ, núp trước trường học ở trung tâm Valladolid và chiều xuống là bắt cóc thằng bé François.

Bây giờ còn phải trở qua biên giới. Trời dờn tuyết. Con đường ngoằn ngoèo chạy xuyên qua núi. Anne-Marie chỉ dẫn cho tài xế chạy.

Đọc đường thấy có mấy người Tây ban nha bị thương trong một tai nạn xe hơi, họ rước luôn và lúc tới biên giới lính thấy nế vội vàng xô lại đẩy giúp chiếc xe trơn trượt trên băng tuyết mà quên cả việc khám xét.

Người đàn bà đầu tiên mở phòng thám tử

Vài ngày sau, một nhật báo lớn ở Ba-lê đăng hình Anne-Marie lên trang nhất. Lúc đó hàng triệu người Pháp mới biết qua nụ cười của nhà «thám tử duyên dáng» vừa thành công trong một vụ bắt cóc ly kỳ.

Anne-Marie thường tâm tình:

— Tôi là một đứa bé ngoan hay đúng hơn quá ngoan và kín đáo. Nhưng ở đời có lắm thứ buộc mình phải cứng rắn, tập cho quen thoát khỏi những hoàn cảnh hiểm nghèo.

Cho đến hôm nay, một người bạn của nàng quả quyết rằng ở nàng có hai con người: một cô gái mới lớn đa cảm, phòng đầy búp bê, và một người làm «áp phe» sáng suốt và cứng rắn, đối với những viên thanh tra làm việc cho nàng.

Sự nghiệp của nàng khởi đầu như một cơn phịch trời; 21 tuổi, mới lấy chồng được 4 tháng là chồng chết vì một tai nạn xe hơi.

Nàng học về trinh thám và năm 1962 lao đầu vào nghề bằng cách mượn hai gian phòng trong một tòa nhà thuộc khu thương mại ở Champs-Élysées. Nàng là người đàn bà đầu tiên ở Pháp can đảm mở một phòng thám tử tư.

Nàng 23 tuổi nhưng trông như mới 18. Để ra vẻ đứng đắn, nàng mang cặp kính to tướng.

Phản gián về kỹ nghệ.

Một hôm, một ông trạc ngũ tuần, chừng chạc, tới gặp nàng tự giới thiệu là giám đốc một công ty chế tạo máy móc điện tử. Ông giải thích qua loa rằng một nhân viên của ông đã giao những

dự án kỹ thuật trong hãng ông cho một hãng khác. Ông muốn biết tên của kẻ gián-điệp đó trong vòng tám ngày.

Anne-Marie nhận lời, và không bao lâu sau, nàng trở nên chuyên viên về phân-gián kỹ-nghệ. Không tuần lễ nào mà không có một kiến trúc sư đến nhận chuông nhà nàng, tức tối vì mấy dự án nghiên-cứu của ông bỗng dưng biến mất. Hoặc một kỹ-sư tới cho biết một bộ máy ông vừa phát minh bị kẻ lạ đánh cắp. Hay một ông thợ may danh tiếng, một chủ hiệu kim-hoàn tới nhờ nàng tìm hộ tên trộm đã lấy cắp những kiểu mẫu mới nhất của mình.

Đề lột mặt nạ những tên gián-điệp kỹ-nghệ, nhà nữ thám tử của chúng ta đã dùng phương pháp theo dõi thật kín đáo. Có lần nàng giả trang những ba nhân vật khác nhau để theo dõi một nhân viên bị nghi là lấy cắp kiểu đem bán cho hãng khác.

Nàng giữ dáng dấp của bà nội trợ đi chợ về và nhờ thế bà bắt gặp được sự liên lạc giữa kẻ kia và «liên lạc viên».

Lần khác nàng trốn trong một

cái tủ bụi bặm suốt năm tiếng đồng hồ để rình rập.

Nhưng muốn chỉ đích danh kẻ có tội, phương pháp ưa thích nhất của nàng là tới xin làm việc gần bên kẻ đó. Dưới chức vụ vay mượn, nàng mở cuộc điều tra một cách âm thầm kỳ xong mới thôi. Tên gián-điệp không biết mình bị theo dõi, thế nào cũng phạm một lỗi lầm. Có ai nghi ngờ được một cô gái duyên dáng dễ mến như Anne-Marie lại là một thám tử lợi hại.

● Dạy thêm hàm thụ

Nhờ thành công hết vụ này đến vụ nọ, «công ty Albert-Labros» phát đạt trông thấy. Trung bình, lệ phí hỏi tin tức một giá từ 500 tới 800 quan. Những «vụ lớn» có thể kiếm được cả triệu quan.

Mặc dầu suýt bị tù, trong vụ đứa bé François, nàng chỉ lãnh một số tiền vừa phải vì bản tính nàng yêu trẻ.

Ngày nay nàng không cần cập kiến nữa, nhất là từ khi nàng nổi danh nhờ báo chí tường thuật

những vụ thành công mới nhất của nàng.

Lợi dụng tiếng tăm thu hoạch được, nàng mở trường thám tử tư đầu tiên ở Pháp bằng hàm thụ. Chương trình huấn luyện rất đầy đủ từ luật y tới tâm lý trình thám qua những phương pháp điều tra khoa học, lấy dấu tay, vi phim, v.v...

Tự học ba bốn giờ mỗi ngày trong một năm (6 tháng đối với những học viên có kiến thức, tổng quát vững chắc hay có nhiều thi giờ dư dả) học viên có thể

trở thành thám-tử tư, thanh tra trong các cửa hiệu «Khi đột» và cả cảnh sát trưởng vì chương trình cũng chuẩn bị cho cuộc thi tuyên chính thức của Sở An ninh.

Trong số học viên có đến 50% là phụ nữ, 2 cô gái mới 14, 15 tuổi.

Dựa vào những thành tích đã qua, người ta tin tưởng Anne-Marie sẽ còn thành-công rực-rỡ hơn nữa. Và công lớn nhất của nàng là đã mở đầu cho phụ-nữ dẫn bước vào nghề trinh-thám tư.



★ GIẢI QUÁN QUÂN VỀ TRỤC THĂNG

Phi công Nga Boris Galitsky vừa đoạt giải quán quân về trục thăng với tốc độ 340 cây số giờ. Giải trước đây của người Pháp Jean Boulet 334 cây số.

★ DANH NGÔN

● Une femme n'aime jamais qu'un seul homme. Mais elle lui donne plusieurs nous.

(Le Clown Carlton)

(Một người đàn bà không bao giờ yêu độc nhất một người đàn ông. Nhưng nàng đặt cho chàng nhiều cái tên.)

CON ĐƯỜNG QUA CỒNG HẬU NHÀ THƯƠNG

TÔI thích làm ký-giả, và mới xin giải ngũ, để viết báo. Trên đường đến tòa soạn, tôi phải đi qua cái cồng hậu của một nhà thương. Gần được một quãng, lại ít kẹt xe. Ở đó, lâu lâu tôi vẫn gặp cỗ xe tang nằm đợi trước thềm cái nhà xác, nước sơn của chiếc linh xa cứ đen rời-rời trông đến bi-quan

Nhiều lần, những tràng hoa phúng chỉ toàn màu trắng, đã ám ảnh tôi muốn biết số tuổi của người chết. Không hiểu sao lần nào tôi cũng mừng tượng thấy một tấm thi hài con trai, xinh nhỏ, bình thân và tươi hồng như trong giấc ngủ hồn

nhien. Nhưng chính những đường nét nguyên tội ấy mới khiến tôi càng buồn.

Đáng lẽ, ở một nước chiến tranh, ở một xã hội dù sao cũng đã có vẻ cơ khí, và ở một cuộc sống khó khăn vất vả, thì chẳng mấy khi tôi còn đủ thời giờ để nghĩ ngợi với những cái chết người dung.

Nhưng khu nhà thương bao giờ cũng gọi cho tôi liên tưởng đến một phần việc khoa học. Cho nên, những xác chết từ trong nhà thương trả ra thì hay làm tôi thắc mắc một số vấn đề như số phận, định mệnh, cuộc đời, vân vân...

Chiều hôm trước, đúng vào lúc tôi sắp giắt xe ra về, thì nhận được tin báo bị đóng cửa. Dọc đường, mưa dầm, nên quang vắng, tôi cứ phó mặc chiếc xe như một con vật, con ngựa chẳng hạn, tự nó biết tìm lối mà đi. Còn tôi để dành tâm óc sống cho mình.

Tôi nhớ rõ, bấy giờ tôi chẳng buồn bực chút gì cả, nhưng lại liên tưởng đến khu nhà thương, cỗ xe tang.

Sáng hôm sau, tôi vẫn đến tòa soạn như thường. Đám thợ nhà in đứng kín ngoài cửa. Anh nào cũng ăn mặc chỉnh tề, chải chuốt khác hẳn mọi ngày. Nhưng anh nào cũng đăm chiêu. Ngẫu nhiên, họ thống nhất cả từ thái độ đến dáng điệu, đứng vắt chéo chân, tay khoanh trước ngực, vai tựa cửa, mắt rời đi đâu rõ xa.

Trong tòa soạn vẫn có sự mâu thuẫn này. Vào lúc bận rộn, đám thợ nhà in phải xoay tròn ra để vác giấy, chạy máy, mặt sủi mồ hôi, khắp mình nhọ bần, thì trông họ lại tươi vui hơn là những lúc được làm đóm, đứng không.

Ngồi vào bàn giấy, một lát, tôi chợt nhớ ở đây còn thiếu một thứ âm điệu sóng lớp ì-àm từ các buồng máy vắng lên.

Trước kia, tiếng máy in đã gây khó chịu cho tôi một thời-gian khá lâu, trong người cứ cồn cào, vắng vắng, thật đúng « chỉ muốn điên lên được. »

Nhưng dần dà, tiếng máy in đã hòa tan vào hơi thở, luôn kín trong thớ thịt của tôi, tới mức, ngồi giữa một vũng ồn ào, xô động, mà tôi vẫn nghe thấy cả những va chạm vô danh, vụn vặt ở tận đâu xa lọt về.

Bây giờ, những cái máy in ngừng quay, bên cạnh đôi chữ cô đơn, không ngờ tôi cũng vắng vất y hệt ngày nào chưa quen ngồi gần tiếng động lớn.

Ngồi xuống mái càng chán, tôi chợt muốn đi dạo một vòng. Tạt qua phòng bên, tôi ngạc nhiên, vẫn có một người đang cắm cúi viết bài, ánh nền vàng vọt — hôm nay lại bị cúp điện — càng nhuốm cho ông vẻ già yếu, mòn mỏi, và món tóc khoang bạc xõa xuống vầng trán nổi gân xanh tạo thành một nỗi chịu đựng cùng cực.

Tôi bỏ ý định đi dạo một vòng, trở về chỗ ngồi. Từ vóc dáng của nhà báo tuổi tác vừa rồi, bỗng nhiên, tôi chợt muốn kiếm điếm lại những lần đau buồn trong đời, trong nghề mình.

Nhưng lục lợi mãi, tôi vẫn chỉ thấy khoảng tối sau lưng mình vừa tĩnh vừa nhỏ quá. Tuy vậy, cũng còn một chút gì sần sạn trong ký vãng, mà tôi chưa nhớ ra.

Đạo ấy, tôi chưa hề đề ý, biết đến sự kiện « cai thầu văn nghệ » hằng có chung quanh mình.

Có lần bà chủ nhà bảo tôi phải lo tiền hoặc « sang » nhà, nếu không bà ta sẽ bán hoặc cho người khác thuê. Đang lúng túng, may sao tôi gặp một người quen vừa làm chủ báo. Anh bảo tôi viết cái truyện đăng dần.

Truyện của tôi khởi hứng từ câu ví « thân em như hạt mưa sa, hạt rơi xuống giếng, hạt ra ngoài đồng ». Tôi định cho bốn người con gái, mỗi người ở một trường hợp, hoàn cảnh và bản sắc khác nhau, xoay quanh một người con trai mà nhờ nghề nghiệp, vì thời cuộc, đã có nhiều cơ hội chứng kiến đủ cả bốn nếp sống của bốn người con gái kia.

Tôi ước lượng truyện sẽ dài vừa đủ số tiền trả lãi mười phần đề « sang » nhà.

Trong số bốn người con gái tôi đã kể đến một cô da trắng, từ bên kia Thái-bình-dương, chỉ vì một sự tức mình mà đã bỏ chồng, bỏ con, xông vào hết thảy những biển cố Đại Hàn, Congo, Lào, Việt.

Tôi định, về sau, sẽ gắng thu xếp đề trả cô ta về với người chồng, gã điền chủ sói đầu, bụng phệ, ngậm ống điếu, vẫn chờ đợi ở một góc trời Viễn-tây.

Mới được một tháng, anh chủ báo đã bảo tôi phải cho cô ta yêu người con trai vai chính trong truyện. Tôi vâng theo, đành phải biện giải ép ưỡng đề lái câu chuyện sang hướng khác.

Hơn một tháng, anh chủ báo lại bảo tôi « viết sôi nổi lên ». Tôi hỏi « thế nào là sôi nổi ». Anh trả lời « truyện đăng nhật báo không phải là truyện đăng tập san phải *hôn hít* thật nhiều vào »!

Tôi đang băn khoăn, thì người ta đã xếp bài của tôi vào một góc trang hèn mọn, xen giữa những dòng chữ rao vặt trông hết sức bỉ ổi.

Một tháng bạn đã cười khẩy. Nó viết văn đã khá nổi tiếng, nhưng không đủ sống, phải làm

nghề săn tin phòng trà, khen chê ca sĩ, ở đầu ở trán đã ghi nhiều vết sẹo của những nhát gươm gót sắt. Nó bảo tôi: « Nhục thật đấy, nhưng chưa đáng gì. Còn có trường hợp chúng nó hứa trả mình đến hai chục ngàn, nhưng cuối tháng chỉ nhận được có năm chục đồng, đúng năm chục đồng, vì đủ thứ lý do. Vậy thì hãy xếp cái « quân tử Tàu » lại, giỏi là giỏi làm sao lấy được đủ tiền mồ hôi nước mắt của chúng mình trong túi chúng nó ».

Cũng nó cho tôi biết cái gọi là « cai thầu văn nghệ » ở đây. Người ta đứng giữa, nhận « trám » bài cho chủ báo, rồi đi gọi người viết, trả tiền rẻ hơn, để ăn lãi.

Anh chủ báo quen tôi thuộc vào hạng người vừa không biết viết báo vừa không biết làm báo. Cho nên anh phải bám víu vào một « chuyên viên công thần » nào đó, kiêm chức « cai thầu văn nghệ ».

Giữa tôi và hắn, đương nhiên anh chủ báo phải chọn hắn.

Nhưng bây giờ thì tôi lại gặp cái nạn khác. Những cái phong bì, bên trong hai chữ « đình bản » cũng màu đen, cũng nhỏ nét, mà vẫn hiện ngay vào mắt

như cả một búng máu, cục lửa đỏ ngòm !

Trong khi báo bị đóng cửa, trên quảng đường đi tắt sau khu nhà thương, có lần, tôi chợt nhớ đến một người bạn đang nằm dưỡng bệnh, đúng nhà thương này.

Tôi quanh xe ra mặt tiền, định bụng đọc qua tấm bảng treo ngoài cổng, để xem giờ nào được vào thăm. Đang ngược trông, thỉnh lình một chiếc xe du lịch vượt lên, ép sát, khiến tôi loạng choạng đâm xe mình vào hông xe người ta.

Trong xe chỉ có hai người, một thanh niên—cầm lái—và một thiếu nữ, trông họ có vẻ tình nhân hơn là vợ chồng. Thanh niên bước xuống, nhìn ngay vào chỗ cửa xe bị móp. Nhưng không hiểu nghĩ sao, anh lại nhún vai, bỏ đi: « Tôi bỏ qua ».

Đứng lại, tôi đang ngần ra vì cử chỉ, thái độ hào hiệp của anh, bỗng mùi xăng bốc lên nồng nặc. Tôi cúi xuống, chính thùng xăng của mình mới bị dẹt, bẹp, rúm nứt công, chảy thành vôi. Đem vào tiệm, cái này xây cái ung, tổn mất hơn nghìn bạc.

Từ đó, tôi càng có lý do để tự nhủ khôi hài, con đường đăng sau khu nhà thương thật đúng là con đường định mệnh của

mình. Bởi vì con đường chỉ có một chiều, đi ngược thì sẽ bị cảnh binh phạt, đi lối khác thì đụng xe, tốn tiền một cách vô duyên.

Trong thời gian chờ sửa xe, buổi sáng, tôi thường thả bộ qua một dãy phố, coi như có dịp vận động cho khỏe người. Nhờ vậy, tôi đã để ý thấy hai thằng bé, không hiểu là anh em hay đôi bạn, vẫn co quắp ôm nhau ngủ trần ở cái thềm hiên của một tiệm bán đàn.

Hai đứa hay dậy trưa, nên rất khó đoán chúng kiếm ăn bằng nghề gì. Đánh giày hay ăn xin thì phải thức ngay từ lúc các quán diêm tâm mở cửa bán hàng. Có lẽ chúng lau xe ở các rạp hát, kiếm việc bắt taxi cho lính Mỹ, phải thức khuya nên mới ngủ bù cho lại sức.

Ở góc phố xẽ với tòa báo, có một bà Tàu già ngồi dựa cột đèn bán thuốc lá lẻ. Một cái thúng đựng mẹt chữ không phải cái ngăn kính như thường thấy.

Sáng nào tôi cũng thấy bà ấy cúng Thần Tài bằng ba nén

nhang đặt năm trên gói bánh bèo. Tôi vụt nhớ hồi tôi còn bé, có một bà hàng xóm, tối ba mươi Tết nào cũng cho tôi tiền đề nhờ tôi sang xông nhà sáng sớm ngày đầu năm. Tôi nghĩ chắc vía mình tốt lắm.

Sớm nay, đến tòa báo, tôi đi thẳng ra góc phố, định bụng sẽ mua mở hàng cho bà Tàu già, một gói thuốc, một bao diêm. Ngay lúc, hai thằng bé vẫn ngủ nhờ ở hiên tiệm đàn, đi vượt tôi, xấn đến mẹt hàng của bà Tàu già, một đứa cúi xuống nén hương châm nhờ diều thuốc. Bà Tàu già sợ xúi quẩy, nhẩy cẳng lên, vừa đuổi đánh hai đứa vừa chửi mắng những câu gì khó hiểu, chỉ thấy xoe xoe, xoe xoe.

Tôi trông theo hai đứa. Chúng nó vẫn cời trần, đang nép vào nhau, chia phiên nhau hút chung diều thuốc. Nhìn chúng nó co ro, tôi chợt nhớ đêm qua trời mưa to lắm. Ngay sáng nay cũng còn lạnh lạnh, vắng vắng tiếng gió heo may.



★ DANH NGÔN

Il n'y a qu'une manière d'être heureux par le cœur : c'est de ne pas en avoir.

(Paul Bourget)

(Chỉ có một cách sung sướng vì trái tim : là đừng có trái tim.)

THẦN THOẠI HY LẠP LA MÃ

★ Đám-quang-Thiên

Ulysse, Eole những
Lestrygons và Circe

M ÛNG vừa thoát chêt, Ulysse lại cho tẩu đi. Chẳng bao lâu chàng đèn một cái cù lao nổi trên có lâu đài của Eole. Vì thần gió tiếp đãi chàng như một thượng khách. Trong một tháng Ulysse cho quân sỹ nghỉ ngơi, và kể cho chủ nhân nghe mọi cuộc phiêu lưu của mình. Eole có quyền hãm hay thả các thứ gió nên lúc Ulysse từ biệt đi, ông đích thân buộc một bầu chứa các thứ gió vào tẩu của chàng. Bầu đó làm bằng da con bò già chín năm.

Tất cả các thứ gió mạnh nhất đều bị nhốt trong ấy. Chỉ một mình gió zéphire là được tự do thổi ở ngoài mà thôi. Trong chín ngày, tẩu của Ulysse chèo đi không ngừng. Vì muốn chóng đèn, chính Ulysse đã giữ tay lái lâu quá nên đèn này thứ mười, lúc quê hương yêu dấu đã hiện ra đằng xa với những mái nhà có khói tòn, chàng mệt quá phải nghỉ một lúc. Chàng nằm lăn ra ngủ một cách say sưa. Những bạn đồng hành của chàng tưởng trong bầu có nhiều vàng bạc nên tò mò muốn xem, liền mở bầu ra. Bao nhiêu gió bão trong tẩu đã bỏ cùng tung ra một

lúc. Mặt bể nổi sóng dữ dội và làm cho đoàn tàu trôi đi thật xa quê hương của họ. Sáu ngày liền họ lênh đênh trên mặt biển mặc cho gió dập sóng vùi. Đến ngày thứ bảy, họ rạt vào bờ một cửa bể từ phía có núi đá che chở. Họ cho thuyền vào bên, rồi Ulysse trèo lên núi đá cao nhất nhìn ra tứ phía. Đất khắp nơi bỏ hoang và không mang một dấu vết gì của người cả. Nhưng ở đằng xa có khói tỏa lên. Ulysse liền cho ba người đi thám thính xem những người đốt lửa đó là ai. Họ đi đến gần chỗ có khói thì gặp một thiếu nữ không lộ dạng ra suối lầy nước. Nàng chỉ lâu đài của vua xứ đó cho họ. Khi họ đến tòa nhà trên thì hình dáng vua và hoàng hậu làm cho họ kinh sợ vô cùng. Vua Antiphate là một con quái vật không lồ như một ngọn núi gỗ ghe. Hắn dơ tay ra bắt một trong ba người và cho vào mồm ăn. Hai người kia thấy thế vội chạy trốn. Vua đó liền kêu lên một tiếng thì cả dân tộc Lestrygons chạy lại. Từ trên đỉnh những núi cao, bọn khổng lồ ném đá như mưa vào các tàu đậu

ngoài bên. Mười một chiếc tàu có người ở trong bị trúng đá chìm. Một chiếc tàu của Ulysse thoát. Trong khi dân Lestrygons thả câu xuống câu những người ngã xuống nước như câu cá, thì Ulysse cắt giây tàu của mình chèo ra bể và trốn thoát.

Lòng buồn bã, họ yên lặng chèo trên mặt bể và chẳng bao lâu họ đến một cù lao. Một mối họ đổ bộ lên đó. Trong hai ngày đêm liền họ nghỉ ngơi. Sáng ngày thứ ba, Ulysse mang khí giới trèo lên một chỗ cao gần đây để ngắm địa thế. Chàng trông thấy giữa một rừng rậm một lâu đài có khói lên nghi ngút. Nhưng biết mọi người đang đói, chàng bèn tìm kiếm con vật bản vẽ làm thịt ăn. Một vị thần giúp chàng làm hiện ra một con hưu rất lớn. Ulysse đâm chết con vật rồi vác nó lên vai mang về. Ăn cơm xong, chàng bảo các bạn : « Hỡi các bạn, tôi đã xem xét tình thế củ lao này. Ở giữa rừng rậm, có một tòa lâu đài rất rộng lớn. Chúng ta hãy chia ra làm hai bọn rồi rút thăm. Rút vào bọn nào thì bọn đó sẽ đi dò hỏi xem đảo này là gì và chủ nhân là ai.

Trong khi ấy bọn kia ở lại coi tàu.»

Lúc rút thăm thì đoàn quân của Euryloque phải đi thám thính. Hai mươi hai người vừa theo chàng đi vừa khóc vì họ nghĩ đến những sự dã man của tên Cyclope và của bọn Lestrygons. Chẳng bao lâu họ trông thấy lâu đài của nàng phù thủy Circé ở giữa rừng rậm. Họ càng đến gần càng nghe rõ một giọng hát du dương. Đó là tiếng của con gái Mặt Trời vừa dệt lụa vừa hát trong lâu đài. Từ phía chung quanh toàn những sư tử và chó sói. Các con vật đó đứng lên hai chân sau và vẫy đuôi chào đón những người mới đến. Bao nhiêu điều kỳ lạ đó làm cho bọn Euryloque ngạc nhiên dừng lại một lát dưới công lâu đài. Khi họ cất tiếng gọi, nàng Circé hiện ra và mời họ vào. Tất cả bọn theo vào, trừ có Euryloque nghi sợ có mưu mẹo gì chẳng nên không chịu đi. Circé mời các người ngồi vào bàn ăn, cho họ ăn mật và pho mát và cho uống một thứ thuốc mê. Họ uống xong thì nàng phù thủy lấy một chiếc đĩa khê đập vào người họ. Tức

thì họ hóa thành những lợn con và nàng nhốt họ vào chuồng lợn. Không thấy các bạn trở về, Euryloque vội về tìm Ulysse. Nghe nói họ biến mất, Ulysse mang cung tên và gươm đến tìm Circé. Chàng đang đi trong vườn của lâu đài thì gặp Hémès hiện làm một chàng thanh niên. Vị thần cho chàng một cành cây có phép giữ cho chàng khỏi bị mê khi uống phải nước thuốc của Circé. Đến cửa Ulysse gọi nàng phù thủy. Nàng rót thuốc mê mời chàng uống. Ulysse cầm uống một hơi hết. Circé tưởng chàng đã bị mê bèn cầm chiếc đĩa đập vào người chàng mà nói : « Cì mi nữa, mi hãy hóa thành lợn rồi vào chuồng với các bạn mi». Nhưng Ulysse rút gươm ra nhảy xổ vào Circé. Sợ hãi nàng kêu lên và ôm lấy đầu gối vị anh hùng mà năn nỉ. Ulysse nói : « Ta sẽ để cho nàng sống với điều kiện là phải trả lại hình dáng cũ cho các bạn ta. » Nàng phù thủy không những ưng thuận ngay lại còn mời bọn Ulysse ở lại chơi trên đảo nữa. Trong một năm liền, bọn Ithacien sống một cuộc đời êm đẹp, nếm mọi thứ rượu ngon và cao

lượng mỹ vị. Nhưng lòng tưởng nhớ quê hương thường đến ám ảnh họ. Và một hôm họ bảo Ulysse : «Hỡi Ulysse, anh hãy nhớ đền Ithaque, đền vị hiền thần của anh và đền lâu đài hoang tàn đang chờ anh.» Circé lúc biết Ulysse sửa soạn đi cũng không tìm cách giữ chàng lại. Nàng nói : « Hỡi Ulysse, anh không bắt buộc phải ở trong lâu đài này. Nhưng nếu anh muốn về được đền Ithaque, anh phải xuống xứ sở của Hadès mà hỏi linh hồn Tirésias. Chỉ có nhà tiên tri đó mới được Perséphone cho phép biết tương lai, chỉ có ông ta mới có thể cho anh biết chắc chắn con đường về».

Đề ăn úi và khuyến khích Ulysse khỏi ngại. Circé dặn chàng lồi xuống nơi ở của Hadès. Ulysse và các bạn từ biệt nàng lên tàu chèo ra biển. Thuận buồm xuôi gió chẳng bao lâu họ đến xứ của các người Cimmériens, ở ngay lồi vào xứ của Hadès. Nhớ lời Circé dặn, đêm đây họ kéo tàu lên bờ, đi qua một rừng cây bạch dương và cây sậy, đào một cái hồ ở chân một tảng

đá lớn, giết một con cừu đực và một con dê cái, hứng máu vô hồ đó rồi kêu khàn các người chết. Tức thì những linh hồn hiện lên hàng đàn hàng lũ. Họ chạy chung quanh hồ máu mà kêu một cách kỳ lạ. Nhưng Ulysse tay cầm gươm chặn không cho họ uống máu đó. Trước hết chàng muốn gặp Tirésias. Linh hồn của nhà tiên tri hiện ra, nhận biết Ulysse và nói : «Hỡi Ulysse, anh đã tạm biệt ánh sáng mà tới đây thì anh hãy cắt bỏ gươm đi và đứng ra xa để tôi uống huyết dưỡng sức này và có thể báo cho anh biết sự thật mà anh đang tìm kiếm».

Ulysse nghe theo và sau khi uống huyết Tirésias nói : «Hỡi Ulysse, anh muốn được về yên ổn, nhưng Poséidon sẽ làm cho anh gặp nhiều gian truân. Thật vậy, vị thần đó tức giận vì anh đã làm cho con ông là Polyphème bị mù. Nhưng anh và các bạn sẽ về được đền Ithaque với điều kiện là các anh sẽ không động chạm đến những đàn súc vật của Mặt Trời ở cù lao Trinacrie, nếu không tàu và các thủy thủ của anh

sẽ bị tiêu diệt hết. Còn anh, lâu lắm anh mới về được đền nhà, nhưng trên một chiếc tàu lạ. Anh sẽ thấy ở lâu đài anh một bọn đông đến phá tan cửa cửa của anh và còn đòi lấy vợ của anh nữa. Anh sẽ phải trừng phạt họ». Nói xong, Tirésias biến mất.

Ulysse lại thấy bóng mẹ là Anticlée hiện lên. Chàng nói : «Mẹ ơi ! Lúc con bước chân đi, mẹ còn khỏe mạnh sao bây giờ mẹ đã chết rồi ? Mẹ hãy cho con biết tin cha con, vợ con và con trai của con. Mẹ đừng đau con điều gì cả, và hãy nói tất cả sự thật cho con nghe».

Anticlée trả lời : «Con ơi, Pénélope vẫn trung thành và ngày đêm khóc nhớ con. Télémaque, con trai con, giống giọt đất của con. Cha con thì đã rời bỏ nơi thành thị về ở nhà quê. Ông cũng ngày đêm thương nhớ con. Còn mẹ, mẹ không bị bệnh gì cả. Chỉ có sự nhớ mong lo lắng đã làm mẹ chết đây thôi».

Sau lại đến linh hồn của những vợ và con các vị anh hùng đất Hy Lạp đến uống

huyết đen. Ấy là: Tyro, Antiope Alémène, Jocaste, Lédá và Phèdre. Họ đến nói chuyện với Ulysse, và khi họ biến đi thì linh hồn Agamemnon hiện lên. Nhận biết Ulysse, ông kể lại sự tiếp đón khốn nạn mà Egis-the và Clytemnestre đã dành cho ông. Linh hồn Achille cũng hiện đến. Phần nài số phận của mình, Achille nói : «Tôi thích làm một tên diễn tốt ở cho một thường dân ở trần hơn là làm vua của những bóng ma này». Trong những vị anh hùng chết ở Troie, chỉ có một mình Ajax không chịu đến. Sự uất hận vì không được hưởng đồ binh giáp của Achille đã theo chàng xuống tận dưới này. Sau những người quen biết, Ulysse còn thích được gặp các vị anh hùng của thời xưa. Nhưng trước khi họ đến, hiện lên một đám bóng ma đông đúc và ám ý quá làm cho Ulysse chợt thấy kinh hãi. Sự Perséphone cho Gorgone hiện lên, chàng vội rời bỏ nơi đó lên tàu đi với các bạn. Họ cho tàu trở lại đảo của Circé. Nàng bèn làm cơm rượu cho họ ăn. Xong bữa, Circé đưa

Ulysse ra một chỗ và nói riêng với chàng: «Trước khi chàng lên tàu về quê, tôi xin nói những sự trở ngại chàng sẽ vượt qua để chàng biết trước mà đề phòng. Gần đây chàng sẽ gặp bọn Sirens người chim mặt đàn bà. Họ sẽ tìm cách quyến rũ bằng tiếng hát. Chàng chớ đèn gần vì ai đèn gần chúng và nghe chúng thì không bao giờ trở về được quê quán với vợ con nữa. Xa hơn, chàng sẽ gặp con Scylla ghê gớm và gần đó con Charybde. Chàng nên đi gần Scylla mà tránh Charybde, và thứ nhất phải

bảo các bạn chèo cho mau qua những nơi nguy hiểm đó. Sau chàng sẽ đèn cù lao Trinacrie. Ở đó chàng sẽ thấy những con bò cái tơ và những con cừu cái béo tốt của Mặt Trời. Nếu các bạn không đèn đèn chúng thì sẽ yên ổn trở về được đèn quê hương, nhưng nếu họ phạm đèn đàn vật thiêng liêng đó thì họ sẽ bị chim dưới đáy bể trước khi về đèn quê nhà.

Sáng hôm sau, từ già Circé, Ulysse và các bạn lên tàu chèo đi.



★ **TÌNH YÊU LÃNH TỰ**

Tại Hoa Kỳ, bạc đồng có hình Tổng Thống Kennedy tự nhiên biến mất trên thị trường. Người Mỹ đã cất hết để giữ làm vật kỷ niệm đối với người họ yêu nhất.

★ **AI DÁM GIÀ HƠN SINH VIÊN NÀY**

Một sinh viên tên Alf-Kirk vừa tốt nghiệp ở viện đại học Baltimore, (tiểu ban Maryland, Mỹ). Tuổi anh ta vừa đúng 72 xuân xanh.

trên bãi biển buổi trưa

Dưới sức nóng trưa nồng nơi bãi biển
 Trên nền cát mịn anh viết tên của chúng mình.
 Nhưng nước triều lên xóa hẳn tên của anh.
 Những nét chữ kia bây giờ về đâu mất hút
 Phải chăng chúng tan trên đầu muôn ngàn làn sóng bạc
 Hay chìm vào thăm thẳm đáy biển sâu?
 Hay chôn vùi trong lòng cát ướt?
 Đã trôi về đâu? Đã mất về đâu?
 Ngoài kia trùng trùng nước cả đại dương,
 Ngoài kia đùng đùng sóng gập bủa đá,
 Ngoài kia gió biển loạn cuồng,
 Và trên cao, trên cao bóng mặt trời gay gắt.
 Anh bỗng nghe lòng mình giá buốt vô cùng.
 Ngày mai, ngày kia, tên của anh bị buông trôi vào dĩ vãng
 Và em không bao giờ, phải, sẽ không bao giờ còn nghĩ đến anh.
 Chợt nghĩ thế anh đã nghe đặng cay xao dậy trong lòng mình.
 Anh gục đầu trên bãi cát nhớ em.

★ NGUYỄN-HÙNG-TRÁT



lời chào

✧ NGỌC-HÂN

Gặp nhau ba thu trước
Ánh mắt thay lời chào,
Nhìn thôi, rồi quay bước,
Lòng thềm nhủ : ngày sau...

Khi người tròn tuổi mộng,
Ta phi chí sông hồ
Ái ân trong cảnh sống,
Minh sẽ cùng điềm tồ.

Rồi trên bước phiêu linh,
Vui cuộc đời lãng tử.
Mơ : ai vẫn nhớ mình,
Đốt hồn theo lối thứ.

Cách mấy mươi sông núi,
Mấy mùa lá thay màu.
Tình kia chưa có tuổi,
Đã thành tình thương đau.

Phương xa nghe tin nàng :
Vui rượu nồng pháo nổ
Tưởng như lòng mang tang,
Buồn suốt mùa thu đỏ.

Vẫn lê gót giang hồ,
Khấp nẻo đường đất nước.
Vị sông núi điềm tồ,
Gác sầu riêng dẫn bước.

Một chiều qua phố cũ ;
Chợt lại gặp người xưa.
Tần ngần tay cất mũ,
Nghe lòng dậy gió mưa.

Hạt ngã đời cách biệt,
É dè nàng nhìn ta.
Hờ như không quen biết,
Sẽ nghiêng đầu : thưa bà !



Tuần DÂN CHÚNG
LỊCH SỬ
XÃ HỘI HIỆN ĐẠI
CHÀNG TRAI 1910
NƯỚC VIỆT 1960

✧ Nguyễn Uy

(tiếp theo PT 160)

TẤT cả các hoạt động chính-trị ở Sài-gòn đều nao-nhiệt hơn ở Hà-nội và Huế vì thủ-đô Nam-Kỳ được hưởng chế độ tự-do hơn, nhưng chỉ ở trên bề mặt mà thôi. Như những đợt sóng xao-động trên mặt biển. Không có sóng-thần vùng dậy ở bề sâu. Tỉnh-thoảng có những trận gió lớn làm cho biển động, nhưng không có « lames de fond ». Quảng - đại quần - chúng không được tổ-chức mạnh-mẽ, cho nên sau những ngày sôi nổi, rầm-rộ, hầu như giả-tạo, do một vài nhóm trí-thức tiêu-tư-sản gây ra mà không có sự hưởng-ứng nồng-nhiệt của các tầng lớp nhân-dân, người ta thường thấy không-khí

nguội dần và tê ngắt. Vì thế nên người Bắc-kỳ và người Trung-kỳ thường phê-bình người Nam-kỳ là « lửa rơm ». Cho đến năm 1945 thành kiến đó cũng hãy còn.

Ở Trung-kỳ và Bắc-kỳ thì là « lửa than », nhưng không có cơ-hội cháy bùng lên, cho nên cứ âm-i dưới lớp tro nóng. Phải công nhận rằng sau 1945 không khí đã đổi hẳn, ở « Nam-Bộ » cũng như ở « Trung - Bộ » và « Bắc Bộ ».

✧

Trong lúc đó, lực-lượng quân-sự của người Pháp ở Đông-Dương như thế nào ?

Lúc Tuần còn là một cậu

« Lắc - léo - mè - dồng - lô » (1) ở trường tỉnh, mà « Nhà - Nước Bảo-hộ » gọi là « *Ecole franco-indigène* » (trường Pháp Bồn-xứ), thì Tuấn thấy trong tỉnh chỉ có một đồn lính *Khố Xanh*, tiếng Pháp là « *La Garde Indigène* », mà dịch đúng nghĩa là « Lính Bồn-xứ ». Đầy toàn là lính An-nam đặt dưới quyền một viên chỉ-huy Pháp gọi là *l'Inspecteur de la Garde Indigène*, « Quan Giám-Binh ». Những người « lính bồn-xứ » ấy lại cũng thường được gọi là « *les miliciens* », mà không biết ai đã dịch ra thành danh-từ chính-thức rất vô-nghĩa, là « Lính Tập ». Danh-từ « Lính Tập » lại rất thông-dụng trong dân-gian hơn là « Lính Khố-xanh ».

Nhận thấy rằng trong tỉnh chỉ có ba hạng lính, lính «phủ-lít» (Police, cảnh sát), lính Lê (Lính của các Quan An-nam), lính Khố xanh, mà hai hạng lính trên phải tập luyện gì cả, Tuấn nghĩ rằng có lẽ vì chỉ riêng có Lính Khố-xanh của Tây khi mới vào làm lính là đã phải tập đi, tập bước, tập nhảy, tập bắn, v.v... nên người ta gọi là « Lính Tập » chăng ?

Tuấn đã chứng-kiến việc mộ

lính Khố-xanh như thế nào rồi. Thí-dụ mỗi làng nhận được giấy của Phủ, Huyện, gọi về truyền lệnh phải tuyển chọn 2 người nông dân để đưa ra tỉnh làm Lính Tập. Thường ông Xã kiểm hai người tình nguyện trong đám dân nghèo không có ruộng đất, nhưng khỏe mạnh. Sự lựa chọn không, đến nỗi khó-khẩn vì đám dân nghèo khá đông. Hoặc có những gia-đình khá-giả nhưng đông con trai, thì một người tình nguyện ra đi lính Tập, vì tính phiêu lưu, vì có tham vọng làm Thầy Cai, Thầy Đội hoặc vì một lý-do nào khác. Có những thanh niên tuấn tú đã học giỏi chữ Nho, thuộc lầu kinh sử, nhưng vác lều chông đi thì mấy lần đều rút, hoặc những anh chàng thất vọng về tình - duyên, hay uất-hận vì gia-đình, họ tình nguyện đi lính Tập với tin tưởng sẽ được nhiên an-ủi. An-ủi nhờ công-danh, quyền-uy, chức-trước, vì tuy là làm lính Tập cho Nhà nước Bảo-hộ, nhưng vẫn được hưởng địa-vị và phẩm hàm của Triều-đình An-nam ban cho.

Từ một chú lính trơn lên được lon Quyền (lon vàng bằng một ngón tay, rồi lên chức :

Cai nhì (lon vàng bằng hai ngón tay).

Cai nhứt (lon vàng bằng hai ngón tay, kèm thêm một rẻo) được hưởng thọ hàm *Chánh cửu phẩm* của Triều-đình.

Đội nhì (lon bạc bằng một ngón tay) được hàm *Tùng Bát phẩm*.

Đội nhứt (lon bạc bằng hai ngón tay) được hàm *Chánh Bát phẩm*.

Quản (hai lon bạc) được hàm *Tùng Thất-phẩm*.

Một người cậu của Tuấn, họ Bùi, chữ Nho khá, chữ Quốc-ngữ thạo, con thứ mười của một gia-đình Phú-nông, tình nguyện đi lính Tập để lập công danh. Hôm đầu tiên ra tỉnh, cậu mặc áo dài đen, quần vải trắng, đầu búi tóc, đứng như con nhà gia giáo, theo nề nếp Nho - phong. Nhưng vào Đồn, cậu được lãnh bộ áo quần kaki của Lính Tập, và bắt đầu tập bước với các tân-binh khác, dưới sự huấn luyện hùng hồ, oai vệ, của một Thầy cai :

— Ấc, đơ !... Ấc, đơ !... Ấc, đơ ! (Một, hai !...)

— Ất-xoang... Hân-tò ! (Coi chừng... Đứng lại !)

— A oách !... oách ! (Quay bên phải !)

— Rơ-pô ! (Nghỉ !)

— Ga-ra-vu ! (Nghiêm !)

— Ặn-na-văng... mạt ! (Bước đi tới !)

Ấc, đơ !... Ấc, đơ !... Ấc, đơ !...

Một năm sau, cậu Lính Tập Bùi được đóng lon Quyền, và được dân-chúng và lính gọi là Bác Quyền. Hai năm, được đóng lon Cai-Nhì, và được gọi là Thầy Cai Nhứt... Bị phạm tội thiếu kỹ-luật bị xuống lon Cai Nhì. Hai năm sau mới được lên lại Cai Nhứt.

Về làng, Thầy Cai Bùi được « ăn trên ngồi trước » và được gọi là « Thầy Cửu », Cửu-phẩm của Triều-đình.

Toàn tỉnh chỉ có ba bốn Đồn Lính Tập đóng những nơi hiểm yếu mà thôi. Nhiều Phủ, Huyện, không có đồn Lính Tập, nghĩa là không có lính, trừ năm bảy chú « lính Lê » của Phủ, Huyện, để hầu hạ ông Quan An-nam. Lính này không có tập luyện, không có súng, không có khí giới nào khác. Thỉnh thoảng chú ra chợ, tay cầm một chiếc roi tre hay roi mây, để bắt

TUẤN CHÀNG TRAI

ạt mấy chị bán hàng, và mấy anh "cu-li" xe-kéo.

Theo lời ông Ngoại của Tuấn kể lại cho Tuấn nghe, thời-kỳ Nguyễn-Thân đi đánh "giặc" Phan Đình-Phùng, ông Ngoại của Tuấn lúc bấy giờ là một nông-dân vào hạng trung-lưu, bị tuyên mộ vào đoàn quân của Nguyễn-Thân. Đây là một cơ binh riêng biệt của Triều-đình An-nam, lính mặc áo kẹp-nẹp đỏ, — bên cạnh đội Lính Tập chính-quy của « Nhà Nước Bảo-hộ » Pháp-lang-sa.

Lính khố-xanh của Bảo-hộ bị Nghĩa-Quân Cách-mạng của Phan đình-Phùng và Cao-Thăng bắn chết khá nhiều trong nhiều trận oanh liệt.

Lúc Tuấn ra Huế, ở Huế một tháng, Tuấn thấy một Đồn Lính khố-xanh ở đường Jules Ferry (nay là đường Lê Lợi), gần trường Nữ trung học Đồng-Khánh.

Một đồn Lính Tây đóng ở Mang Cá, đề đề phòng những cuộc khởi nghĩa ở Huế, hơn là đề bảo vệ cho kinh-đô. Ngoài ra trong

Thành-Nội, Vua An-nam, « Đại Nam Hoàng-Đế », có riêng một đội lính Khố vàng, đề hầu Vua. Dưới thời Khải - Định, Triều-đình An-nam có 6 bộ (Lục-Bộ): Bộ Lại, Bộ Lễ, Bộ Học, Bộ Hình, Bộ Công, Bộ Binh. Nhưng các bộ ấy không có nhiệm vụ nào thực-tế, hoặc quan trọng. Như Bộ Công (công-chánh) chỉ lo gìn giữ các con đường trong Thành-Nội cho sạch cỏ. Còn Quan Thượng-Thư Bộ - Binh, Binh Bộ Đại-Thần, thì chỉ-huy Lính Khố-vàng mà phận sự là khiêng kiệu, cầm cờ, cầm quạt, che lọng cho Vua khi Vua đi tế Trời Đất trên gò Nam Giao.

Sau khi Khải-Định chết (động từ dùng riêng cho Vua là « băng hà »), viên Khâm-sứ Huế, Thủ-hiến của Nhà nước Bảo-hộ, bỏ hẳn Bộ Công và Bộ-Binh.

Quan Binh-Bộ Thượng-Thư cuối cùng của Triều Nguyễn, một cụ già rất đáng kính, có chòm râu bạc phất phơ hiền lành và nho nhã, không hề biết số lính của

TUẤN CHÀNG TRAI

Triều đình là mấy chục hay mấy trăm người.

Bảo-Đại về lên ngôi, « cải tổ Nội-các », cũng bỏ luôn Bộ Binh, và đổi danh từ cho vài Bộ khác: Bộ Giáo dục thay vì Bộ Học, Bộ Tư-pháp (Hình), Bộ Nghi-Lễ (Lễ)...

Ở Hà-nội, Tuấn đề ý đến Đồn Lính Khố - Xanh (ở Bắc - kỳ, không gọi là Lính Tập, chỉ gọi Lính Khố-Xanh) ở đường Đồng-Khánh. Ngoài ra còn nhiều đồn Lính Khố-Đỏ mà người Pháp gọi

là *Tirailleurs Tonkinois*. Lính này theo một quy - chế khác hẳn Lính Khố-Xanh.

(còn nữa)

1) Nhắc lại danh-từ này đã có nói ở chương I : « Lắc-léo mè, dòng-lô = phiên-âm 3 danh-từ « l'élève - maison - l'eau, dịch nghĩa đen của mỗi chữ là : học-trò - nhà - nước. Lỗi phiên âm và dịch-nghĩa khỏi-hài này rất thông-dụng vào khoảng 1910 - 1920 để chế-nhạo những người « An-nam » đầu tiên học tiếng Pháp, hoặc nói « tiếng Bồi ».



- Hay hỏi thì biết rộng, tự dụng thì hẹp hòi.
- Không lo, sao có được, không làm sao có nên
- Ai phải là ta học
- Có học những câu cổ nhân dạy thì mới hay

THU KINH

Chang-cường sinh lực
BĂNG
CETONIC 250 mg
VITAMINE
1423 877. DPDC

Đông
midol
1360/B.Y.T./DPDC.
trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

VUA QUANG TRUNG

giải quyết

vấn đề

**ruộng đất
và
thuế khóa
thê nào ?**

● PHẠM-VĂN-SƠN

(tiếp theo P.T. 160)

Bàn về chính sách công-thương-nghiệp của đời Quang-Trung ta cũng thấy người anh hùng của đất Qui-nhơn có những cử-chỉ mạnh dạn, tiến-bộ và thực-tế trái với các tiền-triều đã áp-dụng một chính-sách « ứ thương ». Với ngài nền kinh-tế công-thương-nghiệp không những phải đẩy mạnh ở trong nước để củng-cố cuộc sinh sống của quần chúng nông dân mà còn cần phải phát triển cả ra ngoài biên-giới. Có lần ngài tuyên bố : « Ta muốn dụng-cụ gì cũng được trong nước chế-tạo lấy để khỏi phải mua của Tàu ». Ý-kiến này khiến chúng ta

không thể không nhận thấy ở ngài một tinh-thần tự lập, tự-túc mà ngài đã cho ta những bằng cứ cụ thể trên lãnh-vực văn hóa : ngài cho trọng dụng chữ Nôm trên các công văn, tờ sức nghĩ rằng trước Ngài, văn Nôm đã được mở đường thì nay sao lại không khai-dụng triệt để khi quốc-gia đã độc lập, nhất là văn Nôm có thể phát huy đầy đủ các tinh hoa của dân tộc. Ngoài ra, Ngài không lợi-dụng ngoại-thương để phục-vụ nhu cầu nội-chiến và xa-xỉ như hai họ Trịnh, Nguyễn trước đây. Ngài chỉ muốn nước ta mang hàng hóa bán ra nước ngoài để

các sản-phẩm công, kỹ-nghệ khởi bị ứ-đọng, đồng thời giúp dân chúng có thêm tiền bạc chi dùng.

Rồi ngài đã đề-cập vấn đề giao-dịch thương-mãi với Phúc-Khang - An Tổng-đốc Lương-Quảng vào năm 1789. Như ta thấy yêu cầu phát-triển của xã-hội ta vào cuối thế-kỷ 18 không phải là chỉ thanh toán các tệ-đoan về ruộng đất và thuế khóa mà còn phải phục hồi công-thương-nghiệp. Đó chính là mở một nguồn sống mới trong khi từ ngàn đời người dân Việt chỉ biết có sỏi đất nhất cổ đề mưu sinh. Nguồn sống này có thể rất vĩ-đại nếu ta nhìn vào hoạt động của các nước láng giềng như Trung-quốc, Nhật-bản, Tiêm-la và các nước Pháp, Hòa-lan, Tây-ban-Nha, Bồ-đào-Nha, Anh-cát-Lợi v.v... bấy giờ đang kinh-doanh khắp các mặt biển, ra vào liên-lạc với các nước lớn nhỏ trên Thế-giới.

Vua Quang-Trung đã thấy việc buôn bán có mở rộng lớn từ trong ra ngoài thì nước mới giàu, dân mới mạnh, còn nếu toàn dân loanh-quanh ngàn đời với chế-độ tiểu-nông, thì cứ thua kém thiên-hạ mãi mãi. Nếu chính-sách phát triển công-thương-nghiệp được

phát triển đầy đủ trong một thời gian dài, nhất định xã-hội ta sẽ chuyển biến tốt đẹp và thực hiện được một bước tiến xa cho lịch-sử, có đâu cứ luàn-quần loanh quanh đến đời Tự-Đức vẫn không mở mắt ra được, rồi tất cả dân tộc đã rơi hết vào cái hố suy vong 80 năm sau mới thoát khỏi sau khi đã đổ ra biết bao nhiêu xương máu.

Vấn đề chốt là nguyên-nhân thất bại của nhà Tây-sơn. Trước vấn-đề này các nhà nghiên-cứu Lịch-sử có nhiều kiến-giải khác nhau.

Lịch-sử Tây-sơn bao gồm thời gian dài từ cuộc khởi nghĩa bắt đầu vào năm 1771 đến khi sụp-đổ hoàn toàn là 1802. Giai đoạn một là cuộc khởi-nghĩa với tất cả những hùng khí của nó đã san bằng trong chớp mắt hết thảy mọi lực lượng của chính quyền phản động Trịnh, Nguyễn và lực lượng xâm lăng Mãn Thanh. Giai đoạn hai là triều-đại phong kiến mới do ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn-Huệ, Nguyễn-Lữ cầm đầu xung đột với lực lượng quật khởi của Nguyễn-Ánh cho tới khi bị con cháu Nguyễn-Kim, Nguyễn-Hoàng tiêu diệt.

Trong giai đoạn này chúng ta thấy ba anh em họ Nguyễn (Tây-son) đã lãnh đạo nhân-dân vô cùng khôn khéo, Tây-son đã biết xướng nghĩa theo nguyện-vọng của nhân-dân nên cuộc tham-gia tích cực của nhân dân, đã thành một vũ-khí vô cùng sắc bén khiến hai tập đoàn phong kiến Trịnh, Nguyễn khắp nơi đều ngã gục như cỏ may trước trận cuồng phong. Đến cả hai chục vạn quân xâm-lăng của Thanh-đình cũng chỉ biết chạy dài một cách nhục-nhã từ Hà-Hội qua bờ sông Nhị, thân chất nghẽn dòng.

Nhưng khi các người anh hùng áo vải đã trở thành Bá-vương, vấn-đề chánh trị là thân phục nhân tâm đã gặp nhiều lầm lỗi đáng tiếc.

Việc thứ nhất là anh em Nguyễn Nhạc đã chia quốc gia Việt-Nam ra ba khu vực và sớm có óc cầu an hưởng lạc. Đáng lẽ miền Nam còn đang ở trường-hợp bất ổn, về mọi phương-diện cần được binh hùng tướng mạnh gìn giữ thì Đông-Bình-vương Nguyễn-Lữ đã lơ-là nên sáu phen mất đi mất lại với kẻ thù khôn lanh là Nguyễn-Ánh. Rồi vì khu vực ảnh-hưởng đã phân chia, ai lo việc nấy, lực-lượng Tây-son bị

suy giảm không đối phó nổi chúa Nguyễn tại vùng này, khiến Nguyễn-Ánh nắm được một vị-trí hết sức tốt đẹp để có người có của cung ứng cho cuộc Bắc-tiến.

Nguyễn-Ánh lúc này lại được nhiều kỹ-thuật-gia Tây-phương giúp sức, vũ khí và phương pháp chiến đấu lại tân kỳ thì sức của quân đội Trung-ương hoàng-đế ọ sao được, nhất là lúc này Nhạc, Huệ đã bất hòa, cuộc chiến đấu với chúa Nguyễn không có Huệ lãnh đạo thì cơ nguy đã rõ. Binh sĩ của Nhạc mất tinh thần một phần do điếm này rồi tới Quang-Trung vẫn số, Quang-Toàn lên ngôi quá ít tuổi, nội bộ triều đình chia rẽ thì quả triều Tây-son chỉ còn phất phơ như sợi tơ trước gió. Nguyễn-Huệ trước khi chết đã tiên báo cho các tướng-tá cái viễn ảnh đen tối này và đã cảnh cáo họ phải đoàn kết chặt chẽ để giữ vững lấy vương-triều.

Nhân tâm đã bị xáo trộn ngay từ trong lòng ba ông vua của triều đại mới thì những kẻ dưới quyền của họ cũng chịu ảnh hưởng xấu, vì thế sau này quân đội của Quang-Toàn vào Qui-nhơn đáng lẽ để phù nguy đã trở mặt cướp thành

bất tướng khiến họ Nhạc uất lên mà chết.

Còn người dân đối với triều Tây son trên ba Kỳ? Với miền Nam ta có thể nói nhà Tây-son chưa gây dựng được chút cảm tình nào trong dân chúng. Trái lại đồng bào ở đây lúc đó đang còn có nhiều mến thương với chúa Nguyễn vì họ đã được chúa Nguyễn từ nhiều thế hệ diu dắt họ vào xứ Đồng-Nai khai khẩn sinh sống yên vui. Họ còn truyền nói cho nhau từ đời ông cha đến con cháu cái ơn chúa Nguyễn đã mở cho họ con đường sinh lộ từ Quảng-bình vào Lộc-giã, Gia-Định sau cả một thế kỷ đau khổ đói rách, vì cuộc nội tranh. Đến Nguyễn-Ánh khoa phình phờ vượt ve dân chúng rất khôn khéo nên đồng bào Nam-kỳ đã hết lòng ủng hộ chúa Ánh trong cuộc tranh đấu với nhà Tây-son mà họ coi là vô chánh-nghĩa.

Miền Trung nghĩ gì về Tây-Son?

Sử cũ không nói nhiều về sự-nghiệp của ông anh cả nhà Tây-Son mà chỉ nói rằng Nhạc lúc đó đã già chỉ ham vui mà thôi. Người dân đã giúp anh em Tây-Son đánh đổ một chánh quyền mục nát lẽ tất nhiên mong được

cải thiện đời sống sau khi cuộc cách-mạng thành công. Nhưng khi họ thấy rằng cái công lao xương máu của họ không được đền đáp cụ thể và gấp rút, họ đi luôn từ thất vọng đến bất mãn. Có đâu họ chỉ muốn đòi ông vua này lấy ông vua khác, ngoài ra ông vua do họ gây dựng lên phải là ông vua tiến bộ và tốt sáng hơn ông vua nào hết. Một điều gần gũi họ cần thấy ngay trước nhất là vấn đề cơm áo, quyền lợi để họ đánh giá chính quyền thì bộ máy Nhà nước của Trung-ương hoàng đế lại thờ ơ, nhạt nhẽo, do đó quân lính thành Qui-nhơn đã không còn có hào khí trên 10 năm trước để cản đường quân Nguyễn-Ánh hàng năm tiến ra miền Trung. Về phần dân chúng ở đây hai câu ca dao:

*«Lạy trời cho cả gió nồm
Cho thuyền chúa Nguyễn dong
buồm chạy ra»*

cũng nói lên phần nào sự mong muốn thay đổi hoàn cảnh.

Miền Bắc đối với nhà Tây-Son cũng có nhiều quan-niệm hay ý kiến đặc-biệt.

Tây-Son hạ con cháu họ Nguyễn trong Nam như trúc chẻ ngói tan, uy-danh vang ra tới Bắc hà đã làm cho tập đoàn phong

kiến Lê-Trịnh kinh khủng. Tới khi ngọn cờ đào của Phú Xuân phát phới trên bộ dưới thủy từ vùng sông Nhị và miệt Sơn Nam, cái tàn lỵ của chúa Khải đã tiêu tan như mớ lửa rơm mặc dầu có các danh tướng như Hoàng-phùng-Cơ, Đinh-tích-Nhượng thuộc những dòng họ võ biên từng lập được nhiều chiến công hiển hách. Sau này Quang-trung đánh đuổi phong-kiến nhà Thanh một cách thần tốc nhân dân Bắc hà cũng hết sức thần phục. Nhưng Bắc hà là nơi trung-tâm của văn-hóa Việt-Nam, là đất thi thư lễ nghĩa của muôn đời, đẳng-cấp nho-sĩ vẫn có nhiều ảnh-hưởng đối với quần chúng. Đất này lại là đất của phong kiến từ ngàn năm nên người ta đã đón tiếp đám chiến-sĩ kiêu-hùng áo vải bằng một thái độ hết sức dè dặt. Người ta đã coi Nguyễn-Huệ là một kẻ đi chinh-phục, một kẻ chiến thắng. Kể từ 1672 sông Gianh (Linh-giang) đã là đường phân giới, chia đôi bờ thành hai quốc-gia, nay Bắc-hà có bại trận nhưng vẫn cao lòng tự-ái. Đã từ lâu trên giấy tờ Bắc-hà cũng như Nam-hà từng xưng với nhau bằng hai chữ « *bờn quốc* », « *quý quốc* ». Nguyễn-nhạc vào Thăng-long vô vẻ Lê-Chiêu-Thống cũng dùng câu:

« *hai nước chúng ta...* » thì tuy Tây-sơn có hạ được họ Trịnh mà dân Bắc-hà chán ghét từ lâu do chỗ giầy cao hơn nón (cường thần hiệp chúa), dân vẫn chưa có cảm tình với các người mới đến.

Đã vậy, Nguyễn-Huệ còn có một số cử chỉ vụng về, không đẹp trước mắt sĩ-phu cũng như dân chúng:

1) Nguyễn-hữu-Chính vạch đường chỉ nẻo, bày kế hoạch cho Nguyễn-Huệ tiến ra Bắc, lập được chiến công ở đây, lấy được công chúa nhà Lê chưa từng có hành động phản Huệ mà Huệ, Nhạc đã lên bỏ Chính lại Thăng long, gấp đem quân về Phú Xuân tính đề cho dân Bắc lột da Chính. Dân Bắc tuy ghét Chính về cái tội công răn cản gà nhà nhưng vẫn không chấp nhận được tính đa nghi quá đáng và sự hẹp lượng bao dung của Huệ cũng như sau này Huệ giết Võ-văn-Nhậm con rề của Nhạc chỉ vì « *mi tội hơn ta vì thế mi không thể là người ta dùng được.* »

2) Huệ vào Thăng-long tuyên bố phủ Lê là điều gượng gạo bởi Nguyễn-Nhạc cho tới bây giờ vẫn không tán thành chuyện Bắc-tiến của Huệ vì lý-do ảnh hưởng và quyền lợi (1). Lúc này Huệ

phải miễn cưỡng chiều ý vua anh, một phần có lẽ Huệ còn muốn đề một thời gian nghe ngóng tình hình miền Bắc. Nhưng ít tháng sau Huệ lại ra Bắc (Huệ ra Bắc thứ nhất vào tháng 6 năm Bính ngọ 1786 — lần thứ hai là tháng 4 năm Mậu thân 1788) và lần này nhân vua Chiêu Thống bỏ đào, Huệ vào động các tội cũ của nhà Lê ép phải làm biểu liên danh khuyến tiến. Nhưng việc này thất bại, do chén thuốc độc của viên Tham tri chính sự Nguyễn duy Trạc đã cương quyết lấy cái chết để phản đối việc Huệ muốn làm vua Bắc Hà. Trước dư luận bất mãn của sĩ dân Bắc Hà, Huệ đành nhượng bộ.

3) Tại đền Chính Trung trong khi cải tổ bộ máy triều đình, trước mặt các đại thần nhân sĩ Bắc Hà, Huệ đã hỏi một người: « Ông làm chi? » Người ấy thưa: « Tôi là Thám hoa ». Huệ hỏi:

— Thám Hoa là cái chi? Có làm được Tổng trưởng (Chánh tông) không? Câu hỏi mỉa mai này còn ngụ ý ngạo nghễ đối với nho sĩ miền Bắc vốn chuộng những lời nói văn hoa, tế nhị hơn. Như vậy họ không thể có cảm tình với kẻ chiến thắng là phải.

4) Hôm làm lễ tế thành phục vua Lê Hiền Tông ở nội điện chủ sáy Tây Sơn lấy tư cách là con rề, mặc áo tang trắng đứng ở nơi điện tả dự lễ. Một tiểu lại trong bọn người chấp sự lơi mím cười khi hành lễ, Huệ liếc thấy cho là khinh mạn liền truyền lính lôi ra chém ngay.

Trong buổi giao thời này, hành động này của Huệ cũng làm cho dân chúng giận hờn không ít.

5) Sau khi đánh chiếm được Bắc Hà, quân Tây Sơn vào cung điện chiếm được nhiều vàng ngọc, báu vật của vua Lê, chúa Trịnh đem về miền Trung. Việc này cũng suýt thành một cuộc xung đột đẫm máu giữa

1) Trong cuộc hội kiến với vua Lê-chiêu-Thống tại Bắc hà, Thái-Đức tuyên bố: « *Giận họ Trịnh chuyên chính, anh em chúng tôi mới phải làm việc tôn phủ này. Đất đai nếu của họ Trịnh, một tấc chúng tôi cũng không để, nhưng nếu của nhà Lê, một tấc cũng không lấy. Chúng tôi chỉ mong Tự-hoàng cầm vững kiền-cương, giữ yên bờ cõi, hai nước chúng ta đời đời hòa mục giao hiếu với nhau.* Câu này theo ý chúng tôi còn có mục đích ngăn đón mộng chiếm hữu Bắc-hà của ông em nhiều tham vọng (Cương-mục quyển 47 tờ 28 b-29)

Nhạc và Huệ, may sau đôi bên giải hòa được mới êm nhưng tin cũng bay ra tới Bắc-hà do mật thơ của Nguyễn hữu Duệ ở Nghệ-an gửi ra Thăng long cho Cống Chính...

Với quan niệm sĩ dân miền Bắc có nhiều thực chất phong kiến thuở ấy, qua những việc lật vật kể trên tuy nhỏ mà có ảnh hưởng chánh-trị lớn lao, nếu chúng tôi không lầm, anh em nhà Tây-sơn đã có những khí-độ không khác các lãnh tụ ngoại di vào Trung-quốc, nhất là những vụ tranh giành địa-vị quyền lợi giữa anh em, chú cháu, đại thần, tướng lãnh càng làm cho nhân dân mất hết tin tưởng và mỹ cảm.

Riêng về các việc cải cách của

vua Quang-Trung tuy tiến bộ, tuy hợp lý nhưng vì thất nhân tâm không ít lại bị bộ máy nhà nước có nhiều kẻ phản động của chế độ cũ chiếm đóng, phần thiếu thời gian hoàn chỉnh do Quang-Trung chưa rảnh tay quá 3 năm đã chết nên thành quả chưa được bao nhiêu. Nếu ông vua áo vải thông minh, lỗi lạc, nhiều thiện-chí này sống lâu, có thể triều đại của Ngài sẽ trở nên thịnh-vượng, ơn nghĩa sẽ thấm sâu vào các tầng lớp nhân dân thì chúa Anh vị tất đã thành công và con cháu của người chưa dễ đã bị dân huyện Phụng-nhơn (tỉnh Bắc-ninh) đem bắt nộp cho quân Nguyễn rồi chịu cái nạn voi dày ngựa xé của kẻ chiến thắng. ● ★



★ DANH NGÔN

- Nghe cho nhiều, rồi chọn điều phải, và cố làm kỳ được, xem cho rộng, rồi ghi nhớ lấy, để suy xét cho tường.
- Học rộng mà phải chuyên tâm, bền chí, hỏi những điều thiết thực mà suy nghĩ để hay cho tâm thân.
- Bất cập là dở, mà thái quá cũng không hay.

LUẬN NGỮ

khuất
mặt trời

Tưởng nhớ Trung úy
Trần thiện Gái (TĐ 111)

★ HẠNH-LINH NVP (Đồng-Hà)

Tuổi trẻ đầu rồi ALUOI ơi
Rừng hoang núi lạnh linh hồn người
Ngàn đêm tiếng nước ASHAO gọi
TÀBẠT ôm niềm đau cách đời.

... Đồi lạ từ hôm chuyển gió rừng
Thượng Lào buốt giá đã bao năm
Chân anh từ thuở vào sông núi
Đã mấy lần đau chuyện nhớ nhung

Vạn cánh chim trời mang xót thương
Khói cơm từng buổi ấm lên đường
Loài SÉN nào đã vào tâm sự
Và lá hoa nào đã vấn vương..

Tuổi anh : LAO BẢO mùa sương trắng
Trên suối : LA HY cọp gọi hồn
Nửa khuya chợt tủi loài chim núi
Nhớ nước nghìn thu trời BELUONG

Đêm anh gối súng LYTON cũ
Thương đá đau từ ngã thương lưu
SAVI khói nói chim thôn bản
SÉPAUL tiếng khèn trời trên lau.

Miếng cơm đưa muối anh chưa khóc
BIÊN GIỚI còn đi khuất mặt trời..

bức
thư

PARIS

● TỰU TRƯỜNG TẠI PHÁP

Từ ngày 22 Septembre cho đến đầu tháng Novembre, các trường học ở Pháp đã bắt đầu tựu. Cùng với mùa thu, với lá vàng rụng trong sương mai, học trò đã thấy nhan nhản trên các nẻo đường, ở thành thị cũng như ở thôn quê. Mấy hôm nay người ta đã thấy ở xóm La-tinh, nhứt là trên đường Saint-Michel cả trăm nam nữ sinh viên truyện trò, nô đùa đi đến lớp học. Các tiệm cà-phê đông đảo, tấp nập, kẻ thì hút thuốc, người uống tách trà, kẻ đọc sách hay tụ năm tụ ba ôn-

ào trò truyện. Nếu mình lắng tai nghe, thì họ nói đủ thứ tiếng, tiếng Anh, tiếng Ý, tiếng Đức, tiếng Á-rập, tiếng Việt-nam, v.v... vì trong Đại-học Paris, học sinh ngoại quốc cũng khá đông. Bên cạnh sinh viên Phi-châu màu da đen xạm, ta thấy vài sinh viên miền Bắc Âu-châu (Thụy-điền hay Đan-mạch) tóc vàng mắt xanh. Trên lề đường bên cạnh sinh viên Âu phương cao lớn, đôi khi ta thấy vài sinh viên Á-châu (Việt-nam, hay Nhật-bồn) nhỏ thó, lạnh lẽ.

Mấy năm gần đây, người ta đã thấy bóng dáng của vài thiếu

nữ đất Phù-tang trên đường Sanit-Michel, đôi khi một vài cô tha thướt trong chiếc kimono rất ngoạn mục; nhưng phần đông họ mặc theo y phục Tây-phương. Cổ nhiên họ là con cháu các gia đình khá giả, vì qua đây học, họ phải chi phí khá nhiều, đối với đời sống của họ bên Nhật.

Khác hẳn với những tên lính Nhật mà chúng ta đã «quen biết» gay go trong hồi Quân-Đội Nhật đóng ở Đông-Dương, những người sinh-viên Nhật, nhứt là nữ sinh viên, rất nhã nhặn và cử chỉ rất có lễ-độ. Phần đông nữ học sinh Nhật ở Paris đều học về cách cắt quần áo (coupe) và cách sửa sắc đẹp, còn nam học sinh của họ thì học hội họa hay văn chương.

Tôi nói chuyện với một cặp vợ chồng sinh viên Nhật, thì họ nói với tôi: «*Khi trở về xứ, nếu một nữ sinh viên nào mở một phòng sửa sắc đẹp (soins de beauté) hay một tiệm may đàn bà mà có tấm bằng đồng đẽ là «Tốt nghiệp ở Paris» thì họ sẽ có rất nhiều khách hàng*». Còn đối với các sinh viên Anh, Mỹ hay các xứ Âu châu khác, thì họ cho rằng nền văn học Pháp rất là quan trọng trong sinh hoạt văn nghệ của thế giới mới.

Vì những lẽ ấy mà người ta thấy ở xóm La - Tinh rất nhiều sinh - viên ngoại quốc, và cũng vì thế mà việc đi kiếm một căn phòng ở xóm này rất là khó-khăn, mặc dầu hàng năm Bộ Quốc Gia Giáo Dục cất thêm nhiều nhà lưu trú học sinh, và yêu cầu tư-gia cho học sinh mượn rẽ tiền những gian phòng bỏ không.

Bây giờ nếu chúng ta chăm chú nhìn vào mấy con số, ta sẽ thấy một cuộc tựu-trường ở bên Pháp, nhứt là ở Paris, lớn lao biết chừng nào.

Niên khóa 1965-1966

— Số học sinh, từ lớp đồng ấu đến lớp tú-tài là 11 triệu 290 nghìn (11.290 000)

— Số sinh-viên tại các Đại-học và các trường lớn (Grandes Ecoles) là 454 nghìn (454.000).

Tổng-cộng là 11 triệu 744 nghìn (11.744.000). Như thế, theo dân số nước Pháp, thì cứ bốn người có một người đi học, tức là kể theo số dân toàn quốc thì ngót một phần tư (1/4) dân số hiện nay mỗi ngày đi học. Con số ấy so sánh với số tổng-kê trong thế-giới là lớn lắm; đó là chưa

kề bắt đầu từ năm 1967, học sinh bắt buộc phải đi học đến 16 tuổi mới được thôi. (hiện nay 14 tuổi).

Trong số 454.000 sinh viên, thì có đến 128.200 người theo học các Đại học và các trường lớn ở Paris, vì các Đại-học ở xóm La-tinh mỗi ngày càng thêm chật hẹp, mà vì vậy nên Chánh-phủ đã đề nhiều công, nhiều của về sự học. Từ năm 1958 cho đến bây giờ, một sự cộng-tác rất lớn đã thực hiện: Số ngân quỹ dành riêng cho nền giáo-dục là một phần năm (1/5) công quỹ của toàn quốc.

Chính ở Đại học Paris, sự mở mang xem ra rất lớn vì số sinh-viên mỗi ngày một đông: Chỗ chứa-rượu (Halles aux Vins) và chỗ chứa da (Halles aux cuirs) đã bị phá và tại đó hiện nay là những nhà lầu đồ sộ của Đại học khoa-học; Đại học văn chương cũng đã có những nhà lầu lớn lao ở ngoại-ô Nanterre. Trường Đại học Thương-mại (H. E. C.) đã dời khỏi Paris và hiện ở ngoại-ô Jouy-en-Josas; trường Bách-khoa (polytechnique) cũng sẽ dời ra ngoại-ô.

Ở những nơi đây, giữa những

cánh đồng bao-la, dưới bóng cây platane, hay dạng cây thông, sinh-viên đủ điều kiện về dụng-cụ, thể thao và sức khỏe đề học tập được thêm dễ-dàng.

Ngoài số lớp học và nhà lưu-trú, nhà chức trách còn phải lo đến số giáo-viên.

Đề rên tập 454.000 sinh-viên, hiện nay số giáo-sư và giảng-sư là 18.445; và Chánh phủ đã chuẩn-bị mộ thêm giáo sư năm tới, và đã trừ-tính, toàn thể các trường (từ đồng ấu đến tú tài và Đại học) số thầy dạy mộ thêm năm tới là 23.000, tức là sẽ có thêm 23.000 giáo-viên và giáo-sư đề dạy dỗ học sinh toàn xứ.

Niên khóa 1965-66, số sinh-viên được cấp học-bằng là 97.110. Ta nên nhớ cũng có một số sinh-viên Việt-Nam được cấp học bằng, và họ là những sinh-viên rất chăm chỉ học hành.

Nếu ta lại nghĩ rằng trong số 11 triệu 454 nghìn học-sinh và sinh-viên, phần đông đều ăn bữa cơm trưa ở trường — đề khỏi mất thì giờ và khỏi phải mệt đi đi về về — ta sẽ thấy tiền chi-phí và sự tổ-chức phải lớn lao chừng nào!

Nói đến đây, tôi không khỏi trạnh lòng nhớ đến trẻ em ở nước nhà: vì nước ta là xứ nóng, và nhứt là từ 12 giờ đến 2 giờ trưa thì mặt trời rất gay gắt, cho nên sự tổ-chức bữa cơm trưa ở trường phải có. Nếu học sinh dưới sức nóng, hay dưới mưa gió phải trở về nhà ăn cơm, rồi lại phải đến trường, thì không những mất thì giờ mà còn thêm mệt nhọc nữa; và như thế có hại đến sự học và sức khỏe.

Bây giờ ta thử xem, trong số 454.000 sinh-viên, số theo mỗi ngành học là bao nhiêu:

— Số theo văn khoa (lettres) 137.000

— Số theo khoa học (Sciences) 129.300.

— Số theo luật khoa (droit) 85.200

— Số theo y-học (médecine) 47.300.

— Số theo dược - học (pharmacie) 14.200

— Số theo các trường lớn (grandes Ecoles) 41.000

Tổng cộng: 454.000

Ta thấy số theo văn-khoa trội hơn các môn khác, nhưng ta nên nhớ là trong văn-

khoa, có rất nhiều sinh viên theo học sinh ngữ (đề tiện bề giao-dịch về thương mại, kỹ-nghệ, ngoại-giao v. v...) Họ theo học nào tiếng Anh, Tây-ban-nha, Ý, Nga, Đức v.v... Số theo học tiếng Tàu, tiếng Việt, tiếng Nhật, tiếng Ả-rập không được đông lắm.

Số phòng tại các nhà lưu-trú học sinh, năm nay là 48.000, nhưng sự xây cất vẫn còn tăng lên; số chỗ ngồi tại các quán cơm học sinh là 64.300, và số bữa ăn (repas) trong niên-khóa 1965 - 66 là 49 triệu 835 nghìn bữa ăn. Tôi cũng đôi khi được gặp sinh-viên Anh, Mỹ. Họ phần đông theo học văn chương Pháp, nhưng họ cũng theo học lớp Anh văn tại Sorbonne, như thế họ không bỏ văn-chương nước họ, mà vẫn theo học thêm Pháp văn. Những sinh-viên Anh, Mỹ này cũng đã theo học Pháp văn tại các trường Trung học ở nước họ như High School hay Grammar School, nên đã hiểu được tiếng Pháp, tuy giọng còn đơn đót; nhưng một năm sau, họ đã thông thạo, và

đôi khi lại dùng « argot » (tiếng lóng) nữa.

Bây giờ ta tự hỏi học-sinh Việt Nam học hành thế nào? — Phần đông họ theo học về kỹ-thuật, y-học, và học rất chăm chỉ, chứ không phải hư-hông, đánh bạc như người ta thường đồn ở bên nhà. Vẫn biết cũng có người nản chí, học lờ đờ, hay chơi bời, hư-hông,

nhưng đó là số ít. Phụ huynh ở bên nhà chớ nên quá lo ngại! Còn nữ sinh-viên mình? — Xin nói ngay là họ rất đàng hoàng, nề-nếp và chăm học. Họ vẫn giữ được đức hạnh của người đàn bà nước Việt và luôn luôn biết nâng cao danh-dự của Tổ-quốc.

Thân mến chào bạn và xin hẹn thư sau.



● *Đề lớn tuổi mới học thì khó nhọc mà khó thành.*

LÊ KÝ

người em sâu mộng

● HOANG-THẮNG

Em ngồi đây, mắt để phương nào?
Trời cao lắm tâm diêm vì sao.
Gió hiu hiu thổi lay làn tóc,
Tôi đến nơi này khổ biết bao

Em ở đây, tai để chỗ nào?
Trong khi tôi nói mắt nhìn sao
Lời tôi theo gió, tàn ly rượu
Thôi để hòm nào kiếm lại nhau

Đời em chiều dài, tôi người khách;
Tôi uống em nhìn nản biết bao!
Sẽ nói gì đây khi cách biệt,
Trở về cô quạnh với trăng sao!

Vô đề

● HOÀI-THƯƠNG

Gieo mình từ đỉnh đau thương.
Hồn tôi rơi xuống nỗi buồn vỡ toang
Gió ru nổi chết bàng hoàng.
Biên xanh, núi tím, trời vàng thân tôi
Chân không theo kịp luân hồi
Tôi ngu ngơ kiếm nụ cười cổ xưa
Trần gian sương gió dằng mù
Tàn đêm trắng lặn người chưa hiện về

NGAY buổi thiếu thời, chú cá Thu trẻ tuổi đã rơi vào một sự thúc đẩy khó kiềm chế :

giấc mộng viễn-du. Và cuộc đi tìm thánh-địa của nó đã là một trong những bí mật nhất của tạo-hóa. Việc nó đi đến đâu hay nó làm gì đã gây cho nhiều nhà khoa-học phải thắc mắc hằng bao nhiêu năm nay.

Cuộc đời của cá Thu khởi đầu trong một cái trứng — một hình đầu màu đỏ, to bằng viên đạn súng săn — nằm ẩn trong lòng cát ở những giòng sông

chảy lững lờ về phương Bắc. Kể đó một chú cá bé xuất hiện sau khi phá vỡ lớp vỏ trứng đã ràng buộc nó nhiều ngày trong bóng tối. Nhưng đây chỉ là một giai đoạn trong cuộc đời của cá Thu. May mắn ra nó có thể kéo dài cuộc sống đến 8 hay 9 năm nếu nó thoát qua được mọi sự hiểm nghèo.

Khi rời khỏi vỏ, chú cá bé nhỏ ấy bơi thẳng lên khỏi lòng cát và những sự hãi hùng của nó bắt đầu. Ngay khi mới lớn độ một vài phân, nó đã là mồi ngon cho một số hung thần háu đói như cá hương, cá vược, lươn, trạch, ngỗng trời, v.v... Trong vòng vài ngày mà đã có hằng trăm anh chị của nó bị nuốt chửng.

Đề trả thù, nó nuốt lại những

vật nhỏ bé hơn nó. Nó lớn rất chậm hơn loại cá hương và những người bạn láng giềng của nó. Sau gần hai năm sống quanh quẩn nơi chôn nhau cắt rún, chú cá Thu bé nhỏ ấy mới chỉ dài độ vài phân và nặng độ vài chục gờram.

Nhưng rồi vào một buổi sáng, bỗng một động cơ nào thúc đẩy nó và tất cả những cá thu đồng lứa với nó, chúng đồng khởi hành xuôi giòng sông ra biển cả.

ĐỜI SỐNG

CÁ THU

★ ĐỒ TRUNG THỊNH

Dường như chúng nó có vẻ miễn cưỡng ra đi. Trong lúc giòng nước đưa chúng đi xa, đầu chúng vẫn hướng về phía thượng-lưu sông như thể chúng đang muốn kháng cự lại sức nước đang

Từ hình dáng một con cá mới khi nó biến mình vào biển sâu, lúc trở về cá Thu đã có một hình thể không lồ nặng độ 25 kí hay hơn. Nhưng không ai hiểu nó đã ở đâu hay làm cách nào mà nó tìm được đường về đúng ngay chỗ mà nó đã được sinh ra.

mang chúng xuống cuối sông.

Những hiểm nguy liên tiếp xảy ra. Cá Thu bị cuốn thật nhanh vào những chỗ mà giòng nước trắng xóa đang rơi ào ào trên những tảng đá. Nó bị mang đi trên những thác nước cao và như thế, nó có thể đi hàng trăm dặm. (Từ phía hạ lưu sông Yukon, cá thu phải trải qua cuộc hành trình hàng hai ngàn dặm mới tới biển).

Sau cùng, sức nước chậm dần, dòng sông tản rộng ra trong những khoảng dài yên tĩnh. Nơi đây nước đã hơi mất mặn. Khi đã ném thấy chất nước mặn, không còn gì do dự nữa, chú cá bé ấy xoay mình đầu hướng về biển và biến mất.

Không ai biết là nó đi đâu. Nhưng nếu sống sót nó sẽ trở về. Sau khoảng thời gian độ một hoặc lâu dài là năm năm,

nó trở lại thường đứng ngay cửa sông nơi mà nó đã được ấp ủ lúc còn trong bọc trứng.

Một sự thay đổi lạ thường đã xảy ra. Khi ra biển nó chỉ lớn bằng một con cá mòi, thế mà chỉ sau có một năm trong nước mặn, bây giờ chiều dài của nó đã được độ nửa thước và cân nặng đến bốn kí. Nếu sống ở biển lâu hơn, nó có thể nặng đến 25 kí hay hơn. Trông nó sáng lóng lánh như bạc, đẹp cân đối và khỏe.

Nó phải cần đến sức khỏe, vì khi khởi cuộc khứ hồi đến lòng cát nơi mà nó đã được ấp ủ, nó phải tranh đấu với các loại kẻ thù mới của nó. Ngoài phía cửa sông thì có những thím cá heo, những bác hải-báo, những giống lươn miệng to và tròn.

Trong khi nó ngược giòng sông, loại rái cá và báo nước đang nằm đợi nó. Nếu nó dừng lại nghỉ trong một cái hồ nông nào thì biết đâu chẳng có một chú báo sám đang rình sau lưng nó.

Nhưng loài người mới chính là kẻ thù nguy hiểm nhất của nó. Xa về phía cửa sông, tàu đánh cá đang lướt nhẹ trên mặt nước với những chiếc lưới

khổng lồ. Trong mọi ao hồ trên đường về phía thượng-lưu sông, các ngư-phủ đang thả mồi như nó. Cá thu phải bơi không ngừng, mỗi ngày bơi độ từ ba đến mười dặm tùy theo cường độ của giòng nước. Nó cũng không ngừng tự cung cấp thức ăn dọc đường.

Nó có thể vượt qua một cái thác dốc thẳng cao đến hơn ba thước với một cái nhảy mạnh. Đôi khi gặp một thác nước cao từ mười ba đến mười bảy thước có rải rác những mòm đá ngầm, cá Thu phải vượt qua bằng cách nhảy từ mòm đá này đến mòm đá khác.

Trong những ngày ở biển, người ta không biết giữa các chàng và nàng cá Thu có xảy ra những mối tình làm cầm gì không, chứ khi về đến giòng sông cũ, các chàng cá Thu triệt đề tuân theo luật lệ cấm đa thê.

Trong lúc cá Thu lội ngược giòng sông, nhờ ở linh-khiếu, bây này đến bây khác, chúng tìm ra được những phụ-lưu sông nơi đã ấp ủ đời sống trứng nước của nó. Chúng bắt đầu tách ra từng cặp. Khi một cặp đến đúng chỗ « giòng cát »

ngày xưa, con mái bơi sát xuống đáy, nghiêng mình qua một bên và dùng đuôi quạt dữ dội. Cái quẫy đuôi này tạo thành một cái hố sâu độ từ ba tấc đến nửa thước.

Bây giờ đã đến lúc nàng sản-xuất trứng, từng tá một bận. Có lẽ ở dưới nước không có than nên con trống phải tiết ra chất tinh của nó. Chất tinh này chìm xuống đáy hố để bao phủ những cái trứng. Kế đó con cái đẩy cát phủ kín những chiếc trứng.

Và bằng phương pháp đó, chàng và nàng kế tiếp đào hố và sản xuất trứng. Công việc này có thể kéo dài đến 5 ngày. Con mái sản xuất đến trên 20 ngàn trứng. Sau đó nàng đã kiệt sức và chàng cũng trở thành bất lực.

Cá Thu miền Thái-bình-dương thường chết sau cuộc sinh sản. Nhưng cá thu vùng đại-tây-dương một đôi khi có thể còn đủ sức trở ra biển. Ở nơi nước mặn này, sau khi phục sức chúng lại trở về giòng sông xưa để sinh sản.

Rồi đến thời gian nhất định nào đó lại có một cuộc đời này nở trong lòng trứng. Vòng luân chuyển lại khởi đầu.

Nhưng đây chỉ là những điều mà người ta biết được về đời sống cá Thu. Còn những điều mà người ta chưa khám phá ra lại là những điều người ta say mê tìm hiểu hơn.

Điều bí mật thứ nhất : Cá Thu đã làm gì và đã ở nơi nào trong những năm ở biển. Một số cá thu đã được trông thấy từ ngày chúng rời cửa sông đến ngày chúng trở về. Thật là lạ lùng, vì ngày nay tất cả bãi tên biển đã bị khám phá từ mặt nước đến đáy sâu. Tàu đánh cá lai vãng trên các đại dương đánh được đủ các thứ cá, nhưng ít khi được cá thu. Người ta cũng không biết được do đâu và vật thực nào đã làm cho nó có thể này nở phi thường như thế.

Điều bí mật thứ hai.— Làm cách nào mà cá Thu có thể vượt hàng trăm ngàn dặm, xuyên qua đại dương không dấu vết để tìm về đúng giòng sông và lòng cát, nơi mà nó đã được ấp ủ.

Cho đến nay, vẫn chưa có những chứng minh cụ thể nào để giải thích những bí mật này, nhưng có vài lý thuyết khoa học đã được nêu ra. Mặc dù chưa ai

dám quyết đoán là cá Thu ở Thái-bình-dương đã dùng thời gian làm gì ở ngoài biển, nhưng George Rees — một nhà vật học người Anh — đưa ra một giả thuyết là cá Thu ở Đại-tây-dương đi đến Bắc-băng-dương và sống dưới những tảng băng ở đó. Theo nhà vật học này thì do đó mà ta thấy cá Thu mau lớn và ít khi người ta bắt được cá Thu ở biển. Tuy nhiên, người ta tự hỏi rằng đời sống sung túc ở biển cả có phong phú ở những miền băng giá không. Đời sống ở biển cần rất nhiều những chất muối bổ dưỡng từ những mạch nước ở dưới đáy biển tiết ra. Những mạch nước bổ dưỡng này cũng có rất nhiều ở miền bắc cực. Những chất bổ dưỡng này đã dinh dưỡng những tế bào của các loại rau biển đề rờ; những loại rau này biến thành những thức ăn cho hàng hà sa số những con vật nhỏ bé khác. Nhờ đó cá Thu ở miền bắc cực mới có thức ăn để sống.

Theo ông Rees, những chú cá Thu bé nhỏ từ những con sông miền bắc Mỹ và Âu châu, nhập thành đoàn dài như hai cột bạc

không lồ, đến tập hợp tại miền băng tuyết bắc cực. Nơi đây chúng sẽ tìm thấy một đời sống thần tiên, vì ở đó có đầy rẫy những tôm con. Khi một tảng băng lật lên, chỗ hững của mặt dưới có hàng đống những con tôm đang rẫy rụa, cá Thu chỉ việc nằm đấy mà thưởng thức một cách thích thú, khỏi sợ những kẻ thù tấn công mình.

Câu hỏi bí hiểm nhất là tại sao tìm được đường về. Chưa một giải đáp thỏa mãn nào đã được đưa ra. Tuy nhiên, người ta nhận thấy bản năng dẫn dắt chúng trở về chỗ cũ đã có ở những loại cá khác.

Một cuộc thí nghiệm đã được thực hiện tại một cái hồ chày ra nhiều lạch nước tại Gia-nã-Đại. Trong mỗi lạch nước có hàng trăm cá hương bị lọt bẫy ở tận phía thượng lưu sông, người ta đánh dấu những con cá đó rồi chờ chúng đến trung tâm đầm hồ nước và thả chúng ra.

Chỉ trong vòng 48 giờ tất cả những con cá đó đều trở lại trong bẫy, mỗi con đều trở về đúng lạch nước, nơi mà chúng đã lọt bẫy.

Ngày nay chỉ có hai hay ba con sông ở miền đông nước Mỹ là có một số ít cá Thu, còn phần lớn các sông khác đã bị vắn đục vì rác rến, các chướng ngại vật hay sự đánh cá bừa bãi. Tuy nhiên ở bờ biển miền tây, từ Gia-nã-Đại đến sông Yukon, cá Thu đã vượt tới hầu hết các sông lớn.

Đề cho số cá Thu tăng lên, người ta đã dùng đến phương pháp ấp trứng nhân tạo. Trứng thì đã do con cái cung cấp, tăng-trưởng nhờ ở chất tinh của con đực và được ấp trong những vũng cát, có hàng rào che chở để khỏi bị kẻ thù của chúng xâm phạm.

Có bốn mươi triệu cá Thu đã được ấp trong một sở ấp cá xây cất từ mười năm trước. Cũng như đời sống thường lệ của một con cá Thu khi sinh ra, những con cá Thu này đi ra biển, và một thời gian sau đó chúng lại trở về nơi đã ấp ủ chúng. Nhưng trong số một ngàn trứng ấp đó, chỉ một con cá Thu có hy vọng trở về lúc nó đã trưởng thành.

Đối với những nhà câu cá vì thú thể thao, cá Thu được liệt vào loại có giồng máu thích chiến đấu. Những người câu cá

bằng mồi thường đi câu ở các thượng lưu sông vùng Thái bình dương hay một trong những con sông nổi danh ở tận Brunswick như sông Rastigouche hay sông Miramichi.

Đến một hồ rộng, chỗ giồng nước xoáy chậm, họ thả mồi cho nước cuốn chậm chậm qua một tảng đá. Một hình thể như một cái bóng vụt tung lên khỏi mặt nước, rồi cái mồi cùng nó biến mất trong xoáy nước nhỏ. Đợi vài phút sau, người đi câu nâng cần và giật mạnh lưỡi câu. Lập tức có một sức phản ứng mãnh liệt. Cái cần câu cong vút xuống và tiếng chỉ chạy tuôn ra khỏi ống. Con cá đã lồi theo nó đến 50 thước chỉ rau cuộc chạy trốn đầu tiên. Kế đó, nó cong người nhẩy vút lên khỏi mặt nước, đầu vùng vẫy như muốn thoát khỏi cái lưỡi câu ác nghiệt. Và cứ thế, từng lúc nó nhẩy lên trong những bước nhẩy tuyệt đẹp.

Đôi khi phần thắng nghiêng về người, nhưng thường thì cá thắng cuộc bằng cách dứt đứt lưỡi câu. Và sau đó nó ngang nhiên ôn lại cuộc hành trình gian khổ của nó để về được tới đất mẹ, nơi mà cuộc đời của nó khởi đầu. ★

thăm nhà

• PHƯƠNG-DUYÊN

Bỗng như khách lạ,
Sáng mai thăm nhà
Vườn hoang người vắng
Bồi hồi xót xa

Bầy chó ngày đi
Còn nằm trong ổ
Giờ về thăm nhà
Chạy ra oà sủa

Những người láng giềng
Như người đầu đầu
Đứng lên bờ dậu
Nhìn ra chẳng chào

Mẹ già già thêm
Khắc khổ trang nghiêm
Còn như hờn giận
Phân vân bên thềm



Vá gà đón chào
Như thời thơ ấu
Ngã vào lòng già
Tâm hồn tê tái

Buồng xưa nhện giăng
Bụi đầy sách vở
Bình hoa tàn rữa
Bàng hoàng cơn mơ

Ôi! đây quê mình
(Ôi! đây nhà mình)
Ôi! đây hồn mình
Trời! khung cảnh cũ
Sao lòng buồn tênh!

buổi sáng

• HỒNG KHẮC | KIM MAI

Buổi sáng cắp sách lên trường
Lá me bay đầy trên mái tóc em
Hương cỏ tàn đêm còn ướt sương mềm
Trang áo vào đông lọt nét thiên thu
Người nhìn về đầu chân vẫn bước trên đời
Sách vở đầy tay thêm dài lối mộng
Hoa trắng rừng mơ
Giữa mây sầu bỏ ngõ
Đền đài vẫn khoa say gió e ấp cười.

thi hứng

Nửa vời trang giấy còn bay
Trắng rơi nghiêng mực, vung đầy giọt thơ
Hình ai khi tỏ lúc mờ
Nghe như tâm khảm thức chờ cổ nhân

tức là nhà văn ấy, mà nhà văn ấy lại chính là Phạm Cao Củng, là « *Cỏ Cà Mỡ* » thành Nam, người tình-nhân quen mà chưa biết của chàng Tú Mỡ báo Phong Hóa, như tôi đã trình bày trong sô trước.

Bài thơ « *Nhớ Chuyện Xưa* » của Phạm Cao-Củng đăng ra được giới văn-ngệ bấy giờ rất chú ý vì vấn đề của nó rất « mới ». Người ta mang nó so-sánh với bài « *Tình già* » (Hai mươi bốn năm xưa...) của Phan Khôi cũng mới được đăng trên báo Phụ Nữ Tân Văn và Đông Tây tuần báo, trước đây ít tháng.

Tình Già

*Hai mươi bốn năm xưa, một đêm
vừa gió lại vừa mưa :
Dưới ngọn đèn mờ, trong gian
nhà nhỏ,
Hai cát đầu xanh kề nhau than-
thở :
— « Ôi đời ta ! Tình thương
nhau thì vẫn nặng,
Mà lấy nhau hẳn là không
đặng,
Đề đến nỗi tình trước phụ sau,
Chỉ cho bằng sớm liệu mà buông
nhau ».*

.....

*Hai mươi bốn năm sau. Tình còn
đất khách gặp nhau*

Đôi cát đầu đều bạc.

*Nếu chẳng quen lưng đở nhìn
ra được,*

*Ôn chuyện cũ mà thôi ! Liếc
đưa nhau đi rồi,*

Con mắt còn có đuôi.

Phan-Khôi



Th.. Nh... hay Ch...

Trở lại câu chuyện của Phạm Cao Củng. Kể ra muốn nói kỹ về Phạm Cao Củng, tôi phải chia ra mà bình-phẩm cả ba Cao Củng : một thi-sĩ đa-tình, một ngòi bút trào-phúng chua cay, và một nhà viết truyện trinh-thám có biệt tài, nhưng ở đây, tôi chẳng muốn ra khỏi đầu đề : « Những cuộc tình duyên ly-kỳ, lãng-mãn sông bời mây thi-văn-sĩ có tiền... » Vậy tôi xin trở lại câu chuyện yêu đương... mơ mộng...

... Hồi còn học trường Thành Chung Nam Định, Phạm Cao Củng bỗng mắc bệnh đau tim. Có người bảo khi ấy nhà thơ trẻ tuổi đương hòa một bản đàn tình ái cũng

TH... ở phố C. T., nguyên là học-sinh trường Nữ Sư Phạm thì dây đàn bỗng đứt, mà nhà thi-sĩ đa tình đành chỉ thường thường vào Nghĩa Trang, ngồi bên năm cỏ, tưởng-tượng đến người yêu.

Câu chuyện ấy nhiều người còn chưa tin là thực thì căn-bệnh của Cao Củng, có kẻ lại nói là vì một nỗi buồn lãng-mạn không đâu. Hằng ngày cắp sách đi trường, Cao Củng thường đi qua phố Kh. Trong một cửa hàng tâm nhỏ, trước những tủ đầy vở, nhiều, cô NH ngồi coi hàng, người nhỏ nhắn, con mắt xa-xăm...

Ngày bốn buổi đi về, Cao Củng hình như để ý ngắm nhìn con người ngọc, cô bé mặc áo xanh ngồi sau một chiếc « quây » xanh. Ngoài bốn buổi đi học, buổi tối, Cao Củng cũng thường cùng một người bạn thân đi dạo qua đây. Bấy giờ thì đèn điện đã bật, dưới ánh đèn, cô em lại càng tăng vẻ kiều diễm nét hoa... Cô bé cũng nhìn, nhưng đó là một cái nhìn thực thà, một cái nhìn thơ ngây của cô gái mới nhớn lên. Mà Cao Củng đi qua luôn, cũng chỉ

để nhìn... thế thôi !

Rồi một hôm, NH.. bỗng đóng cửa, treo màn màn, xác pháo đầy hè. Thế là Củng buồn, rồi đau nặng, phải nghỉ học rất lâu.

Với hai câu chuyện tình kể trên, có người biết hơn nữa lại nói rằng : hai mối tình ấy có, nhưng chỉ đủ làm cho Củng buồn chớ chưa đến nỗi chán. Cao Củng mắc bệnh đau tim, thực ra chỉ vì một người bạn trai, đồng học tên là CH..., một người bạn chí thiết, thân hơn ruột thịt mà về sau nỡ quên lời và phụ nghĩa.

Vậy TH... NH... hay CH...? Sự thực họa chẳng có cô Cà Mỡ si tình tự hiểu ! Nhưng có một điều ai cũng đồng ý là từ đó Cao Củng viết, viết rất nhiều, tiểu thuyết và thơ...

Một điều tôi biết chắc chắn là khi ấy Cao Củng chán nản một cách lạ thường, trong một bức thư cho bạn, chàng có viết *au revoir et peut être adieu !* (Thôi chào anh, và có lẽ vĩnh quyết từ nay !)

Nhưng thời gian là một môn thuốc thần hiệu của sự thương đau, có lẽ Cao Củng đã dần

dẫn quên mà khỏi bệnh. Qua hồi đó, tại nhà văn trẻ tuổi đã rõ rệt lắm rồi. Câu trào-phúng thêm cay độc mà lời thơ cũng già dặn thêm lên đi đôi với nét mặt bỗng già sớm lên ba, bốn tuổi.

Từ đây, Cao Củng thành ra người ít nói, con mắt sáng quắc càng nhìn một vẻ xâu sa, mà cái miệng cười cũng thêm phần chua chát. Củng từ hồi đó, mở tóc xanh thêm nhiều điểm bạc; cách ít lâu, Cà Mốc xuất đầu, An Cao lên tiếng mà Phạm Cao Củng cũng bắt đầu mở một con đường mới về lối truyện trinh thám trong Văn học sử nước ta...

Bây nhiêu việc ấy phần lớn là nhờ ở những cuộc tơ duyên ly kỳ lãng mạn của một thời... nó đã gợi mỗi tình, gợi mỗi tình của người đầu bạc, kẻ tóc xanh!

Gần đây, trên tờ nhật báo *Phương Đông* (1954) do Hồ Hữu-Tường và Nguyễn Như-Cảnh chủ trương, trong loạt bài đi thăm « Gia đình Văn Nghệ ». Nhà văn Nguyễn-Ngu-Í

nhân « một buổi trưa với nhà văn trinh thám Phạm Cao Củng đã ghi những hàng dưới đây về « tiểu sử và sự nghiệp » Phạm Cao Củng :

Sinh năm 1913, tại thành phố Nam-Định.

Học trường Thành Chung tỉnh này (cùng một lớp với Nguyễn Xuân Huy, Lê Tràng-Kiều); sau khi thi ra, có theo học mấy năm tại trường Kỹ Nghệ Thực Hành Hải Phòng.

Bắt đầu viết từ 1932 cho nhiều tuần báo như Đông Tây, Loa, Việt-Đức, Phong-Hóa, Ngày Nay, v.v...

Có nhiều bút-hiệu. Không kể loại khảo-cứu khoa-học (ký tên Trần Lang), loại tiểu-thuyết giải-trí đại chúng (Dã-sử Võ Hiệp ký tên Văn Tuyền, trinh thám kỳ tình ký tên *Phượng Trì*) ông còn được độc-giả đặc-biệt chú-ý ở ba loại sau đây :

1) Truyện Trinh Thám mà Phạm Cao Củng đã tạo nên một nhân vật sống : *Thám tử Kỳ Phát*.

2) Thơ trào-phúng mà Phạm Cao Củng ký biệt hiệu là *Phạm thị Cà Mốc*, đã từng xướng-họa rất tương-đắc với



→
Phạm Cao Củng, dưới
nét họa Côn Sinh, báo
Loa năm 1935

chàng Tú Mỡ trong mục *Giòng Nước Ngược* (báo Phong Hóa, Ngày Nay).

3) Truyện và báo *Nhi Đồng*, mà tuần báo *Học-Sinh* (1939-41) do ông chủ trương so với các tạp-chí đồng loại cho đến ngày nay vẫn là một tạp chí *Nhi Đồng* nhiều độc-giả và sống lâu nhất.

La một nhà văn chuyên-nghiệp sống hoàn toàn bằng

cây bút, ông là biên tập viên của nhiều báo hàng ngày (như *Tin Mới*, *Dân Quốc*, *Công Tội*, *Tiếng Việt*, *Chánh Đạo*, v.v...) Những tác-phẩm của Phạm Cao Củng tất cả có trên 200 cuốn, nhiều bộ đã tái bản và tục bản.

Ông còn là một kỹ-thuật gia trong ban Điện Ảnh Giáo khoa Học-sinh và đã hoàn thành cuốn phim Lưu Bình Dương Lễ...

văn thơ thế hệ

★ TĂNG-KYA
Vĩnh Bình



Bừng mắt dậy vẫn thấy mình đang sống
Nghe con tim vẫn nhịp điệu sinh tiền
Hơi thở còn sức sống tuổi thiếu niên
Nhưng ý hướng lặng chìm sâu lạc lõng

Sắc thái tâm tư thấm màu ảo mộng
Vệt đêm buồn loang khắp nẻo đời
Khói bạo tàn dày đặc phủ tương lai
Những ánh mắt nhạt rồi màu lý tưởng

Loạng choạng bước biết tìm đâu định hướng
Tám thần gầy mang nặng mảnh hồn suy
Giọt lệ đời luyến đọng mãi đôi mi
Bao ảnh tượng đóng khung hình vô đạo

Màu chính nghĩa vẫn không phai màu máu
Nhịp sinh tồn mãi nhịp điệu hiện sinh
Nhoãn nụ cười, không lấp nét bất bình
Cất tiếng khóc, không tan niềm u uất

Lạy Thượng đế! Xin ban thêm nghị lực
Đề sống còn với ý nghĩa nhân sinh
Nghĩa nhân sinh tô thắm sắc thanh bình
Ý thức rõ trước danh từ **TRÁNH ĐẤU**

NGƯỜI
CHIẾN
Q U Ố C

* Thiệu-Sơn

PHẠM THƠ

PHẠM - THƠ là người có đại-tài đại-chí, người nước Ngụy muốn xuất thân ra phò vua Ngụy. Vì nhà nghèo không tấn-đạt được, nên Phạm-Thơ phải xin vào làm môn hạ quan Trung-Đại-phu là Tu-Cồ và được cho làm chức xá-nhân.

Gặp lúc Tề-Tương-Vương mới lên ngôi, Vua Ngụy bàn với tướng quốc là Ngụy-Tề sai Tu-Cồ qua Tề thông hiếu. Tu-Cồ cho Phạm Thơ đi theo. Vua Tề có lời phiến trách Ngụy đã phạm nhiều khuyết điểm trong mối bang-giao giữa

hai nước. Tu-Cồ trả lời không xuôi. Nhưng Phạm-Thơ ở bên đã đỡ lời chỉ mà ứng-đối một cách hết sức lưu-loát đề bào chữa cho nước mình. Tề-Tương-Vương kinh ngạc liền đứng dậy xin lỗi, rồi hỏi Tu-Cồ rằng: «*Vị ấy là người nào?*» Tu-Cồ nói: «*Đấy là xá-nhân của hạ-thần tên là Phạm-Thơ*». Vua Tề bèn ngó Phạm-Thơ hồi lâu rồi cho đưa Tu-Cồ ra nghỉ nơi công quán. Ông sai người nói riêng với Phạm-Thơ rằng: «*Chúa tôi thấy tiên-sinh có đại tài muốn cầm lại dãi làm chức Khách-khanh. Chúa tôi đã cần*

dùng xin tiên-sinh chớ phụ» Phạm Thơ chối từ và nói : «*Tôi đã đi với sứ giả mà bây giờ không về theo là bỏ mất tín nghĩa nên không dám nhận lời của nhà vua*». Vua Tề càng kính trọng. Ông sai người đem tặng 10 cân vàng và các thứ trân, rượu. Phạm-Thơ từ chối không chịu lãnh. Sứ Tề đem tới 3, 4 lần. Phạm-Thơ bắt đặc dĩ phải lãnh trâu, rượu, còn vàng thì nhứt định trả lại. Việc này có người báo tin với Tu-Cồ. Tu-Cồ hỏi Phạm-Thơ thì Phạm-Thơ cũng cứ tình thiệt khai ngay. Tu-Cồ nói : «*Vì có chi mà lại đem cho người, người chắc có ý riêng gì với Tề chăng ?*» Phạm-Thơ nói «*Tôi đâu có biết. Hoặc thấy tôi là tay chân của Đại-phu, Vua Tề có lòng kính trọng Đại-phu nên tưởng đến tôi chăng ? Trước vua Tề có khiến người cầm tôi lại cho làm Khách-khanh, song tôi đã chối từ, nào dám có tư tình chi với Tề mà bỏ mất điều tín nghĩa.*»

Về đến Tề, Tu-Cồ còn đem chuyện Phạm-Thơ phúc-trình cùng tướng-quốc Ngụy Tề. Ngụy-Tề cả giận bèn hội họp tân khách lại rồi khiến người điều tra Phạm Thơ, và khép vào tội tư-thông với ngoại-quốc. Mặc dầu Phạm-Thơ đã hết lời biện-minh Ngụy-Tề vẫn một mực lên án rồi

truyền ngục-tốt bắt trói lại đánh đủ 100 roi. Ngục-tốt đem roi ra đánh liên hồi, răng gãy cả hai hàm máu chảy đầy mặt. Phạm-Thơ kêu oan không thấu, đau đớn thấu tim. Tân khách thấy tướng-quốc còn đương cơn thịnh-nộ, không ai dám can-gián. Phạm-Thơ bị đánh từ giờ thìn tới giờ ty, thịt nát xương tan la khóc thất thanh, chết tức không thở đặng. Tả hữu nói : «*Phạm-Thơ đã tắt hơi rồi*». Ngụy Tề bước xuống xem thấy xác thịt nằm tro lại chỉ mặt mà mắng rằng : «*Đã bán nước mà ăn, đánh chết đi cũng đáng để làm gương cho người sau thấy đó mà e dè.*» Nói rồi khiến ngục-tốt lấy một manh chiếu bó thân lại đem bỏ xuống hầm cầu tiêu. Nhưng số Phạm-Thơ chưa chết. Tối chiều tối ông lần lần tỉnh lại, nằm trong manh chiếu dòm ra thấy chỉ có một tên ngục-tốt đứng gác một bên. Tên ngục-tốt thấy Phạm-Thơ thở dài một tiếng vội vàng xích lại gần để xem. Phạm Thơ nói với ngục tốt rằng : *Ta bị trọng thương đến thế này, tuy tỉnh lại nhưng rồi cũng không sống đặng đâu. Như nhà người liệu đem ta về nhà được thì ở nhà ta hiện còn ba lượng vàng xin sẽ đền ơn cho người.*»

Tên ngục tốt nghe có mối lợi thì sanh lòng tham, bèn bảo Phạm Thơ cứ giả đồ chết thiệt rồi thủ tốt vào bầm với Ngụy Tề rằng : «*Hiện tử thi ở trong cầu tiêu có mùi tanh hôi khó chịu, xin đem ra ngoài cho khỏi nhiễm độc*». Ngụy Tề và tân khách đang lúc quá say. Các vị tân khách đều nói : «*Phạm Thơ đã đáng tội, tướng quốc xử như thế cũng đủ rồi*». Ngụy Tề mới ra lệnh cho đem xác chết ra ngoài đồng cho điều tha, quạ mổ.

Chờ tới lúc hoàng hôn tên ngục tốt khiêng Phạm Thơ về nhà. Phạm Thơ biếu vợ đem vàng ra tạ ơn thủ tốt, lại giao manh chiếu cho nó bảo đem ra ngoài đồng cho người ngoài khỏi nghi ngại. Phạm Thơ bao vợ lập tức báo tin cho một người bạn tốt là Trịnh an Bình ở đường hẻm cửa Tây. Người bạn này sẽ giấu ông ta ở nhà để thuốc thang trong một tháng chờ lành bệnh sẽ trốn ra ngoại quốc. Ông cũng không quên dặn vợ làm lễ ma chay và cư tang như ông đã chết thiệt. Quả nhiên Ngụy Tề cho người tới xét nhà và xét luôn thi thể của Phạm

Thơ ở ngoài đồng. Thấy nhà làm ma chay và thấy ngoài đồng trống còn manh chiếu rách, Ngụy Tề in trí rằng Phạm Thơ đã chết thiệt và thi thể nội trong một đêm có thể đã bị thú dữ ăn thịt rồi.

Phạm Thơ qua ở nhà Trịnh an Bình thuốc thang gần lành, An Bình mới đem Phạm Thơ ở ẩn ở núi Cự Từ đổi tên là Trương Lộc, người ở trong núi không ai biết là Phạm Thơ.

Cách một năm sau sứ Tần là Vương Kê phụng mạng Chiêu Tương Vương qua sứ nước Ngụy. An Bình giả làm lính trạm theo hầu Vương Kê. Vương Kê thấy người lanh lợi bực thiệp liền hỏi qua nhân tài ở Ngụy. An Bình nói tới Phạm Thơ là một nhân tài hiếm có nhưng đã bị tướng quốc Ngụy Tề giết chết một cách oan uổng. Nhưng An Bình cũng nói thêm rằng hiện Trương Lộc tiên sinh cũng không thua gì Phạm Thơ. Vương Kê ao ước được gặp Trương Lộc thì An Bình cũng sẵn sàng đưa tới. Đàm đạo hồi lâu Vương Kê rất lấy làm kính phục và mời cả hai người qua chơi nước Tần. Cả hai đều nhận lời chờ ngày Vương Kê làm xong sứ mạng là đều đi

chung qua Tần. Trương Lộc và An Bình đều ngồi trong thùng xe chứ không dám chường mặt ra ngoài vì biết là tướng quốc nước Tần là Trương Hầu thường hay dòm ngó tới những phái đoàn sứ giả ở ngoại quốc về sợ có đem theo du khách là hạng người mà ông ghét hơn hết. Quả nhiên đoàn xe của Vương Kê gặp Trương Hầu tới chặn xét. Trương Hầu thấy không có người lạ cho đi. Nhưng Trương Lộc ngồi trong thùng xe đã thấy rõ tướng mạo Trương Hầu hai mắt nhiều tròng trắng biết là người đa nghi mà gặp việc hay trì trệ. Sau khi Trương Hầu đi khỏi Trương Lộc liền xuống xe kêu Trịnh An Bình chạy theo. Vương Kê cho xe đi trở lại sau ước xa chừng 10 dặm quả có hai mươi tên lính kỵ mã chạy tới như bay xin xét xe theo lệnh của thừa tướng.

Chúng mở cả thùng xe ra xét xem có du-khách giấu trong đó không. Vương-Kê phục Trương-Lộc mưu-trí hơn đời. Bị xét xong đoàn xe mới được đi thông-thả. Tới chừng 5, 6 dặm thì đã thấy Trương-Lộc và An-Bình chờ đón và thông-thả lên xe thẳng Hàm-Dương đi tới.

Về triều, Vương Kê cũng giới

thiệu Trương Lộc với vua Tần. Vua Tần cho đòi Trương Lộc tới nhưng sau một lần tiếp xúc ông cũng chẳng để ý gì tới trong suốt một năm trường. Triều đình nước Tần lúc đó trên thì có Thái hậu dưới thì có Trương Hầu nắm hết quyền chính, vua chỉ ngồi làm hư vị. Trương Lộc thấy rõ tình hình bèn làm một bức thư đệ lên Vua Tần và nói sơ qua về những kế hoạch làm cho nước Tần hưng vượng. Vua Tần lại cho mời Trương Lộc và lần này khoản khoản yêu cầu ông giúp việc và cho biết những việc gì phải làm để cải thiện chánh quyền, ích quốc, lợi dân.

Trương Lộc chỉ dạ dạ vâng vâng chứ không chịu nói ra những lời tâm huyết. Vua Tần khoản khoản quá, Trương Lộc thưa rằng: « *Xưa Khương Thượng cầu cá ở sông Vị khi gặp vua Văn Vương chỉ nói có một lời mà cho làm Thượng-phụ, rồi dùng mưu đánh lấy nhà Thương gồm cả thiên hạ. Còn như Cơ Tử, Tỷ Can, là dòng quý thích, Can nói hết lời mà vua Trụ cũng không nghe, người thì ở tù, người thì bị gia hình rồi nước Thương phát mất. Nghĩ như vậy thì at*

cũng nói được chỉ khác nhau ở chỗ tin hay không tin mà thôi ».

Vua Tần phải thề thốt nặng lời và một lòng tin tưởng ở người tài, lúc đó Trương-Lộc mới phan-phui hết những kế hoạch sai lầm của Trương Hầu và đưa ra những kế-hoạch sẽ thật sự đưa nước Tần tới phú-cường thịnh-trị. Trái với Trương Hầu ông đề nghị phải giao hiếu với những nước ở xa, đánh những nước gần để mở rộng lãnh-thò. Vua Tần vỗ tay khen ngợi vô cùng và lập tức phong cho Trương-Lộc làm Khách-khanh.

Có nhiều người thấy Trương-Lộc mới tấn lên mà đã được nhà vua tin dùng thì có ý bất-bình. Nhưng vua Tần càng ngày càng tin cậy càng trọng đãi, thường nửa đêm đòi tới nghị việc và tất cả những đề nghị của Trương-Lộc đều được nhà vua chấp thuận. Trương-Lộc biết nhà vua đã tin dùng liền đem việc triều chánh ra nói, nói Thái-Hậu ý thế Quốc-mẫu đã chuyên quyền trên 4 năm, Trương-Hậu ý thế Thái-Hậu lộng quyền một cách trắng trợn, nước Tần kể như không có vua và rất có thể xảy ra những chuyện không hay như việc Thôi-Tử thì Tề-quân hồi trước. Vua Tần

nghe nói, phát sợ rùng mình bèn tạ ơn Trương-Lộc mà nói rằng: « *May có tiên sinh nói tận tình, giận vì ta nghe quá muộn*. » Rồi vua thâu tướng ấn của Trương-Hậu, yên trí Thái-Hậu ở thâm-cung và cô-lập tất cả vị-cánh của phe đối lập. Trương-Lộc được phong làm Thừa-tướng, phong ấp tại Ưng thành gọi là Ưng-hầu. Sự Phạm-Thơ giả tên Trương-Lộc không ai biết, chỉ có một mình Trịnh-An-Bình biết mà thôi.

Điều trước tiên Trương-Lộc đề nghị với vua Tần là đánh Ngụy. Ngụy-Chiêu-Vương đã chết. Thái-Tử An nối ngôi tức là Ly-Vương. Ly-Vương hội đình-tiền đề bàn việc đó. Tín-Lãng-Quân nói nên nghiêm-minh phòng thủ chờ giặc tới sẽ hay. Nhưng tướng quốc là Ngụy-Tề thấy Ngụy không đủ sức đương-cự nên đề nghị sai người đem lễ vật qua lo lót với Trương-Lộc đề nghị-hòa. Ly-Vương dùng kế Ngụy-Tề và người được chỉ-định là sứ-giả lai chính là Tu-Cồ.

Tu-Cồ phụng mạng qua Hàm-Dương còn nghĩ tại nhà quán dịch thì Phạm-Thơ đã biết. Ông bèn thay đổi y-phục cải dạng làm

người nghèo đói tới nhà quán-dịch yết-kiến sứ Ngụy. Tu-Cồ nhìn thấy mặt cả sợ mà nói rằng : «*Ta tưởng mày bị tướng Ngụy đánh chết rồi, vì sao mà còn dặng toàn mạng đi tới đây ?* » Phạm-Thơ bèn kể cho biết tự-sự chỉ giấu chuyện đang làm tướng quốc ở Tần. Tu Cồ hỏi : «*Phạm thúc qua ở Tần làm nghề chi ?* » Phạm Thơ nói : «*Tôi qua đây chỉ làm mướn mà ăn cho qua ngày trước đã dặt tội với Ngụy bỏ trốn qua đây, sống dặng là may, trước lắm rồi, nào còn dám mở miệng nói gì dặng nữa.* » Tu-Cồ nghe nói não lòng cầm lại đem cơm rượu cho ăn uống. Hồi đó vừa tiết đông-thiên, Phạm-Thơ mặc một cái áo rách coi bộ lạnh run. Tu Cồ bèn cho một áo bằng tơ, Phạm-Thơ lãnh áo rồi cảm tạ ba bốn lần. Tu-Cồ nghĩ muốn vào yết kiến thừa-tướng thì Phạm-Thơ liền nói sẵn sàng giới thiệu giùm cho vì cũng được dự vào hàng xá-nhân của Thừa-Tướng. Tu-Cồ than phiền là xe hư ngựa mới chưa thể đi liền được thì Phạm-Thơ liền hứa sẽ đi mướn xe cho. Phạm-Thơ nói rồi bèn từ tạ về phủ đem một cỗ xe lớn và 4 con ngựa tới trước nhà quán vào

thưa với Tu-Cồ rằng : «*Xe ngựa đã đủ rồi, tôi xin ngựa xe cho Đat Phu.* » Tu-Cồ hơn hờ bước lên xe, Phạm-Thơ cầm cương gióng xe chạy qua đường chợ, người đi chợ trông thấy đều vòng tay tránh ra hai bên coi bộ cung kính lắm. Tu-Cồ tưởng là dân chúng có ý kính trọng mình, sự thật thì họ kính trọng thừa-tướng của họ là người đương đánh xe cho mình.

Khi xe tới trước cửa phủ Phạm-Thơ bèn nói với Tu-Cồ đứng chờ ở ngoài cửa để mình vào thông báo trước.

Tu-Cồ xuống xe đứng ở ngoài cửa chờ một hồi lâu chỉ nghe trong phủ giục trống, Thừa-Tướng đã ra khách, nào là xá-nhân, thuộc lại chạy tới, chạy lui, lảng xãng, không thấy hình dạng Phạm Thơ đâu cả. Tu-Cồ mới hỏi lính gác cửa rằng : «*Hồi này có một người bạn ta là Phạm-Thúc, vào thông tin với Tướng-công đã lâu không thấy đi ra, anh có thể nào vào nói với người ấy dặng chăng ?* » Người lính gác nói : «*Ông nói Phạm Thúc đi vào cửa phủ hồi nào ? Người cầm cương ngựa cho ông hồi này đó chính là Trương Thừa Tướng. Ngài đi riêng một mình tới nhà*

quán hỏi thăm bạn cho nên phải thay y-phục mà ra đi, sao ông dám nói Phạm-Thúc là người ấy? »

Tu-Cồ nghe nói khiếp vía, như giấc mộng mơ màng, thỉnh thoảng như nghe tiếng sét đánh, tự nói với mình rằng : Ta mắc mưu Phạm Thơ rồi, chưa biết chết sống ngày nào. Nói rồi bèn thay đổi y-phục tới quì trước cửa ngoài xin chịu tội. Một hồi lâu có người trong cửa truyền nói : «*Thừa-Tướng đòi vào.* » Tu-Cồ lại thêm khiếp sợ, cúi đầu đi thẳng tới trước thềm. Phạm Thơ ngồi trên ra oai sấm sét hỏi rằng : «*Mày đã biết tội chưa ? Mày có 3 trọng tội : Một là nói vu ở trước mặt Ngụy tướng là ta tư thông với nước Tề. Hai là Ngụy tướng phát giận ra hình đánh ta tới gãy răng, bề sườn mà mày không có một lời can gián. Ba là tới hồi ta gần chết, đem bỏ vào cầu tiêu, mày lại đem tân khách tới phóng uế ở trên mình ta, sao mà mày nhân tâm như vậy ? Bây giờ tới đây, nên cắt đầu xe thịt người mới người con giận của ta.* »

Nhưng mà mày dặng khời chết là vì ta nghĩ tới chiếc áo bằng tơ mày đã tặng cho ta có đôi tình cố nhân trong đó. »

Tu Cồ cúi đầu xưng tạ. Phạm Thơ bèn biểu đi ra. Từ đó người Tần mới biết Trương-tướng công chính là Phạm Thơ người Ngụy.

Phạm Thơ còn vào tâu với vua Tần và nhìn nhận là vì tình thế ép buộc nên đã phải thay tên đổi họ tới phục vụ nhà vua. Vua Tần rất cảm động về những nỗ lực của Thừa Tướng nguyện sẽ lấy đầu Ngụy-tề để trả thù cho Phạm Thơ. Trước đây tôi đã thuật chuyện Ngụy-Tề chạy trốn tới nhà Bình Nguyên-quân và rốt cuộc phải tự sát để tránh một cuộc binh đao với một cường địch. Đầu Ngụy-Tề đưa qua cho vua Tần. Vua Tần tặng cho Phạm Thơ. Phạm-Thơ đòi cho phơi khô đi để làm đồ đựng nước tiêu.

Tình cảnh của Phạm-Thơ lúc đầu bị nghi oan thật là đáng thương. Nhưng khi ông đã dặc

Đừng midol *trị các chứng đau nhức và cảm cúm*
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/B.Y.T./D.R.D.C.

thời đặc vị dựa vào thể lực của nước Tần để trả thù, trả oán thì kẻ thật là tàn nhẫn. Người làm khổ ông không phải là Ngụy-Tề mà chính là Tu-Cồ. Ông là xá-nhân của Tu-Cồ đi theo chủ qua Tề, nếu Tu Cồ không hồ đồ trong việc điều tra mà báo cáo cho Ngụy-Tề thì Ngụy-Tề tất nhiên không gia hình trừng phạt. Hơn nữa, tội tư thông với ngoại quốc chính là một trọng tội xử tử hình. Khi Phạm Thơ còn vì chiếc áo bằng tơ mà tha tội chết cho Tu-Cồ sao ông không nghĩ tới trọng trách của Ngụy-Tề là một ông tướng-quốc đầu phải vì

thù oán cá nhân mà chính là vì quyền lợi của đất nước mà phải trừng trị ông.

Về mặt khác, Phạm-Thơ quả là người có tài trí mà lại trọng tín-nghĩa khi vua Tề dụ ông bỏ Ngụy theo Tề mà ông đành cự tuyệt.

Tình thế bắt buộc ông sau này phải qua ở Tần, đáng lẽ ông nên quên tư thù mà đừng phản Ngụy. Nhưng ông là một người chiến quốc cũng như tất cả những nhân vật chiến-quốc khác đều cùng trong một khuôn khổ, ta không thể đòi hỏi hơn thế được. ●★



★ DANH NGÔN

- Thấy người hay, nghĩ sao cho bằng ; thấy người dở, thì xét mình xem có dở như thế không ?
- Chất phác quá thì ra quê mùa, văn hoa quá thì ra hào nhoáng.

LUẬN NGŨ



SIR Basil

ZAHAROFF

● 1849-1936

TỪ MỘT ĐỨA BÉ MA-CÔ 10 TUỔI, NGHÈO MẠT HẠNG, TRỞ NÊN MỘT NGƯỜI GIÀU NHẤT THẾ-GIỚI, BẠN VỚI CÁC VUA CHúa VÀ CÁC VỊ QUỐC-TRƯỞNG, LẤY EM CÁI VUA ESPAGNE — BẮC ĐÀU BỘI-TINH PHÁP. HUÂN-TƯỚNG ANH, CỔ-VẤN VUA HY-LẠP . . .

★ TÂN - PHONG

« Maria del Pilar,
tôi yêu bà »

Vì công-việc buôn bán khí-giói chiến-tranh, Zaharoff thường đi du-lịch từ xứ này qua xứ khác, và luôn luôn đi tàu-lửa thượng-hạng. Một đêm, trong chuyến tàu sang nhất đi từ Zurich (Thụy-sĩ) đến Paris, Zaharoff ngồi phòng ăn, đề ý đến một thiếu-phụ rất sang-trọng, nhưng nét mặt rất buồn rầu, đôi mắt ảo-não như muốn khóc. Nàng ngồi đối-diện với một người bạn gái ăn ngon lành, nhưng nàng không rớ vào một món ăn nào cả.

Zaharoff khẽ hỏi người bồi, được anh cho biết :

— Đó là nữ-công-tước Marchena, em họ của Vua xứ Espagne. Chồng của bà là Công-tước, nằm trong căn phòng, không muốn ra. Hình như ông ta hơi... loạn óc.

Ăn uống xong, Zaharoff trở về căn-phòng ngủ, và lúc đi ngang qua bàn của Nữ Công-tước, ông khẽ gật đầu chào, theo phép xã giao của các nhà quý-tộc, và làm như không biết nàng là ai.

Chuyến xe lửa tốc-hành vẫn chạy rầm-rầm, vùn-vụt. Đêm đã khuya, Zaharoff còn đứng ngoài hành-lang, tựa tay vào cửa sổ nhìn trời, mơ-màng xem phong cảnh chạy lùi trong đêm thắm.

Đồng có tiếng kêu la inh-ôi... Một cái tát tay... tiếng xô cửa. Một thiếu-phụ mặc đồ ngủ chạy vụt ra. Nàng chạy đến Zaharoff. Chính là nữ Công-tước buồn-bã mà ông đã thấy trong phòng ăn lúc này. Nàng run cầm-cắp, bảo :

— Ông ơi... ông... cứu tôi với!

Nàng nói không ra tiếng. Tóc nàng rũ xuống như một thác nước, chảy trên đôi vai trắng nõn.

— Ông làm ơn kiểm chỗ giấu tôi cho tôi trốn, mau lên. Chồng tôi muốn giết tôi!

— Bà vào đây.

Zaharoff khẽ đẩy Nữ Công-tước vào căn phòng của ông, và đóng kín cửa. Xong, ông điềm-nhiên ra đứng yên nơi cửa sổ hành-lang, như ban nãy, giả-vờ như người hành-khách không ngủ được, đứng nhìn phong cảnh ban đêm, nhìn sao trên trời.

Vài phút sau, một người đàn ông cũng chạy ra hành-lang, bước không vững. Say rượu? Người nhỏ, mặt gầy, y tiến đến

ZAHAROFF

Zaharoff, nói giọng khê-khê :

— Tôi là Công-tước Marchena. Ông có thấy vợ tôi đâu không ?

Zaharoff điềm-nhiên trả lời :

— Thưa ông, không.

— Tôi có thể yêu-cầu ông mở cửa căn-phòng của ông được không ?

— Tôi có thể từ-chối chứ ạ ?

— À, Nếu ở Espagne, thì ông sẽ biết tôi !...

— Rất tiếc chúng ta đang ở Suisse và sắp sửa sang đất Pháp.

Công-tước do-dự một lúc rồi bảo :

— Hay là vợ tôi đã nhảy xuống đường rầy?... Ồ, mặc kệ ! Thôi, tôi đi ngủ. Chào ông.

Công-tước quay gót trở về căn-phòng của ý. Zaharoff mở cửa vào căn-phòng của chàng, rồi khóa chặt cửa lại. Nữ Công-tước đang đứng gục đầu vào giường khóc thút-thít. Zaharoff ôm lấy nàng và dịu-dàng đặt nàng nằm trên nệm.

Chàng khẽ an-ủi :

— Bà đừng sợ. Cứ yên tâm nằm nghỉ. Sẽ không có gì nguy-hại xảy đến cho bà đâu. Tôi xin hứa chắc với bà như thế.

Nữ Công-tước nhìn chàng. Đôi mi mắt của nàng chớp-chớp như e-lệ. Một giọt nước mắt rưng-rưng chạy quanh trong tròng con ngươi của Zaharoff. Lần đầu tiên chàng cảm thấy trái tim rưng-động mạnh liệt bên cạnh một người đàn-bà. Thoáng một ý-nghĩ hiện ra trong trí óc : chàng, một thằng bé mồ-côi ở Istantoul dạo nào, nghèo xơ xác, một tên phiêu-lưu quốc-tế, từ trước đến nay chỉ coi đàn-bà con gái như một phương tiện để làm « áp-pher », hoặc một món đồ chơi qua đường, bỗng đứng đêm nay do một ngẫu-nhiên hết sức ly-kỳ, được thấy một mỹ-nhân kiều-diễm tuyệt-vời, em một ông Vua, nằm mềm-mại trên giường của chàng trong một chuyến tàu-lửa quốc-tế ! Thật là một chuyện phi-thường vậy !

Zaharoff, cảm động quá, quỳ xuống cạnh giường, nắm lấy bàn tay ngà-ngọc của Nữ Công-tước, âu-yếm đưa lên môi hôn. Chàng khẽ hỏi :

— Phương-danh của bà là gì ?

— Maria del Pilar.

— Maria del Pilar, tôi yêu bà...

Nàng khẽ lấy tay âu-yếm vuốt tóc chàng, và nâng chàng lên giường.

Đêm ấy, lần đầu tiên Basil Zaharoff đề tình yêu chiếm trọn vẹn chàng, cả tinh-thần lẫn thể-xác. Người đàn-bà đầu tiên và cũng là người đàn-bà duy-nhất trong đời chàng: Maria del Pilar.

Basil Zaharoff đã trở thành một nhân-vật quốc-tế mà chính phủ nào ở Âu-Châu và Á-Châu cũng đều kính nể, vì ông nắm một phần nào vấn-đề an-ninh của các quốc-gia, nghĩa là vấn-đề hòa-bình và chiến tranh. Ông chỉ là một tay buôn khí-giới, nhưng ngoài hãng Krupp ở Đức chỉ có hãng Nordenfeld ở Thụy-Điền là sản-xuất khí-giới chiến-tranh tối-tân nhất và hiệu-nghiệm nhất trước Đệ-nhị Thế-chiến. Và hãng Nordenfeld mà trước kia ông chỉ là đại-diện, làm đại-lý ở Hy-Lạp, bấy giờ đã chuyển hết quyền sở-hữu-chủ cho ông. Ông đã trở nên một tỷ-phú, có uy-tín khắp các giới chính quyền quốc-tế. Ông có thể tặng cho người yêu duy nhất của ông tất cả những gì

nàng muốn: vàng bạc, châu báu, lâu đài ở khắp các thủ-đô. Nhưng chỉ có một thứ mà ông không thể nào trao tặng cho bà, là cái tên của ông. Đó là điều đau đớn nhất cho Basil Zaharoff, cả cho Maria del Pilar. Vì bà đã xin ly-dị với chồng, nhưng Công-tước Marchena từ chối. Ông còn bảo:

— Không bao giờ tôi chấp nhận sự ly-dị.

Ít lâu sau, bệnh điên trầm-trọng, Công-tước phải vào nhà thương điên, không biết bao giờ ông bình-phục được. Maria del Pilar tuyệt-vọng muốn vào nhà tu kín.

Nhưng Basil Zaharoff cương quyết bảo người yêu:

— Tôi sẽ chờ bà, mãi mãi.

Đồng-thời, nhờ thanh-danh của Nữ Công-tước, vừa là công-chúa của giòng dõi Bourbons của Pháp, Zaharoff làm được một vai « áp-phe » nhỏ-nhỏ: ông đã bán được cho chính phủ Madrid 100 triệu Đức-Kim súng-dạn đề tiếp-tế đầy-đủ khí-cụ chiến-tranh cho Quân-đội của Quốc-Vương Espagne.

Năm 1911, Basil Zaharoff, Tổng Giám-đốc hãng Norden-

feld, hùn vốn vào hai Công-ty lớn nhất sản-xuất khí-giới của Anh-quốc, **Vickers** và **Armstrong** và trở thành Tổng Giám-đốc Công ty mới.

Zaharoff khôn-khéo đem tiền ra làm các việc nghĩa to lớn, giúp các chính phủ Âu-Châu. Đối với Pháp, ông xuất tiền ra lập các cơ-quan giúp đỡ các Thủy-binh, và tặng cho Hải-quân Pháp rất nhiều khí-giới đề trang-bị các chiến hạm. Ông lại mở ra một trường Đại-học Hàng-hải không-gian và đài-thọ các phí tổn cho các giáo sư. Do đó, năm 1907, Tổng-trưởng Hải-quân Pháp tặng ông Tứ

đăng Bắc Đẩu Bội-tinh. Ngày 31-7-1914, Tổng-trưởng Ngoại-giao Pháp, tặng ông Tam-đăng Vinh-Dự Bội-Tinh. Vì những « công-đức đặc biệt », mà ông Basil Zaharoff đã giúp nước Pháp.

Không riêng gì với Pháp, Basil Zaharoff còn bỏ hàng tỷ bạc ra làm ơn-nghĩa cho các quốc-gia khác, và khi trận Đệ-nhất Thế chiến bắt đầu bùng nổ, Basil Zaharoff đóng một vai trò tối quan-trọng, có ảnh-hưởng lớn cho trận Đại-chiến ấy. (kỳ sau tiếp)



● DANH NGÔN

- Ngọc không dũa, không thành đồ đẹp; người không học, không biết lễ phải.
- Càng học càng biết mình còn kém.

LUẬN NGŨ

Đing midol

Trị các chứng đau nhức
và cảm cúm

CƠ BAN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1360/Đ.T.1/ĐDDC

chiều gặp gỡ

● ĐÀNG-NĂNG-GIÁO

(Sinh-viên ĐHSP — CHÀM)

Chiều hôm nay mây buồn giăng xóm vắng
Tôi dạo tìm ánh nắng mới mùa xuân
Dấn bước đi lòng ngây ngất bàng khuâng
Như linh cảm, tôi dừng chân ngoảnh lại :
Thấy người Chiêm-nữ... hồn dẽ mê tẻ tái,
Đôi mắt huyền... thuyền ghé bến yêu đương
Màu áo xanh, mặt sóng nước trùng dương
Làn tóc xõa, dáng yêu kiều duyên thắm.
Quả cầu hơi, ngừng xoay cho ta ngắm
Và tâm linh vui cạn suốt sâu đau !
Chiều dần đi tình dần đến nhuộm màu.
Nàng giục hỏi: — Anh từ đâu mới đến ?
— Anh là khách giang hồ không bờ bến,
Gieo đau thương tự gặt lấy đau thương
Đề chiều nay hát khúc nhạc đoạn trường
Chiêm-nương hỏi ! thấu chẳng lòng day dứt ?
Non nước trời thanh cùng anh thồn thức,
Ngắm chuyện đời lắm kẻ hiểu lợi danh
Anh kiếp nghèo một bạch diện thư sinh
Người thân thiết miệt kính không lai vãng
Chiêm-nương hỏi, vời anh ra ánh sáng !
Văng chiều dương đầu rơi cõi lòng anh

Đêm không sao, đâu bóng nguyệt xế màn ?
Đâu lối tỏ ? — Chỉ là hang vực thăm !
Tha phương mười năm dừng chân lại ngắm :
Thôi những là ma quỷ lũ yêu tinh
Hãy vời anh ra khỏi chốn ngục hình !
Chờ đêm xuống chúng mình xây lối mộng

Em thẹn ngược nhìn trời cao lồng lộng
Má ửng hồng, kể nỗi chuyện đờn đau :
— Bao nhiêu năm hẹn ước rồi biển dâu
Cánh hoa trắng thân dất đầu ứa nhụy
Con ong khốn nạn hút say bay về nghĩ
Đề đời hoa tươi tả cánh đau thương
Thế là hoa xa hẳn quăng đời hương
Ói mưa gió đêm trường hoa nức nở
Biết ai than thở giọt Tầm dương chan chứa !
Khóc đời hoa và túi kiếp vô duyên
Khách má hồng « mệnh bạc » lẽ tại thiên
Đừng khóc nữa nghe em, đời tan tác !
Nuốt sầu hận đi em, tình đời đen bạc !
Lạc loài đồng điệu, rách nát thương tâm
Anh trao cho em tình ngát hương trầm
Con tim rướm máu và hồn xuân thác loạn
Chuyến tàu hoàn hương hẹn hò giao cảm
Nổi nhịp cầu dang dở mộng ngày xanh
Em hãy choàng tay ôm lẽ sống yên lành
Gói hạnh phúc trong tình yêu lý tưởng !

ĐÀNG-NĂNG-GIÁO

(Sinh-viên Đ.H.S.P. CHÀM)

Mình ơi!

Hóa-Học

tiên-phong

tiên-phong

Luyện

Đá

hóa

Vàng

?

★ DIÊU-HUYỀN

MÌNH ơi, trong số đặc-biệt Đệ-thất chu niên vừa rồi, ông Thái-Bá ở Huế có làm bài thơ « Mừng Phổ-thông » trong đó có câu : « Theo bóng hoàng-kim thương nữ múa » là nghĩa gì, hờ Minh ?
— Có gì khó mà em không hiểu ?

— Không hiểu, em mới hỏi chớ bộ ! Nếu dễ thì em đâu cần làm phiền đến ông Tú, ông Tú cứ làm bộ với em hoài ! Liệu hồn nhe, ông Tú !

— Để quá xá mà không hiểu ! Theo bóng hoàng-kim, là ngụ ý đuổi theo bóng Kim Tiên, bóng đô-la, nghe chưa ? Thương-nữ múa, ngụ ý là Văn-nghệ thời đô-la này có phần nào giống như cô gái buôn, chạy đua theo bóng hoàng-kim, chứ không còn tận tụy phục vụ cho Văn nghệ. Tác-giả có ý than phiền về một vài giới Văn-nghệ nào đó chỉ ham-mê kiếm dollar, mà lãng quên nhiệm-vụ chân chánh thanh cao của Văn-nghệ.

— Thời buổi này, biết bao nhiêu giới sinh-hoạt xã-hội đang chạy theo bóng Dollar, riêng gì « Văn chương nghệ thuật ! ». Người ta cứ chê cười mấy cô gái Bar, mấy chú tài-xế taxi, vậy chớ Minh xem bao nhiêu những kẻ

khác không đua nhau hốt dollars đó sao ? kè cả giới trí-thức trí-ngủ, chánh-khách chánh khứa, văn-nghệ văn-già... v.v và v.v... Đâu có phải ai-ai cũng chịu cảnh thanh bần, cam phận bạch-bổ !

— Thời Pháp-thuộc, thời Ngô-đình-Diệm; còn có những kẻ chuyên làm văn nghệ con buôn, một vài giới bút Vệt còn đóng vai « thương-rữ bất tri vong-quốc hận », hưởng chi bây giờ sự lấy tiền của Mỹ đã thành một phong-trào khắp các thị thành. Nhưng hơi đâu than trách người ta !

Về phương-diện thực-tế, từ xưa đến nay loài người ở thời-đại nào mà chả ham muốn có nhiều vàng, nhiều bạc để tiêu xài cho cuộc sống vật chất được đầy-dủ, thoải-mái. Chỉ khác nhau ở cách làm tiền mà thôi. Ngoài tất cả các phương-pháp thông thường làm ra vàng bạc, ra tiền, như buôn bán, làm việc lương thiện, hoặc tổ chức ăn cướp những vàng bạc của kẻ khác, v.v.. lại còn có một phương-pháp bí-mật và rất có nghệ-thuật, là in bạc giấy giả để đánh lừa những kẻ tiêu thụ, và đánh lừa cả các nhà cầm-quyền.

Bà Tú phá lên cười :

— Ô ! Em cũng thích làm bạc giấy giả, Minh ơi ! Nghề đó tuy

liều-lĩnh, nguy-hiêm, nhưng chính vì liều-lĩnh và nguy-hiêm đó mà em thích làm. Đó là phương-pháp làm ra tiền lý-thứ nhất, và không có gì bất lương cả. Minh không có tiền thì mình làm ra tiền dễ xài, đó là lẽ dĩ-nhiên chứ sao ! Rất tiếc, ở nhà trường người ta không dạy mình học nghề làm giấy bạc giả. Vì thế, em rất phục những ông nghệ-sĩ tài-hoa đã lén-lút in được bạc giấy giả để cạnh tranh với bạc giấy thật của nhà cầm-quyền. Còn Minh ? Nếu Minh biết cách in bạc giấy giả giống hệt như bạc giấy thật, Minh có làm không ?

— Anh, thì anh muốn nghiên-cứu phương-pháp luyện đá hóa vàng như các nhà Bác-học thời Trung-Cồ. Đó là khoa-học, — nói đúng hơn là hóa-học, — không có gì giả-mạo, và không tội-tình gì.

— Thiệt hả Minh ? Đá mà làm sao luyện ra thành vàng được ?

— Thời Trung-Cồ, các nhà Bác-học Âu-châu đã đua nhau tìm kiếm phương-pháp huyền diệu đó.

— Sao em không nghe ai nói tới ?

— Tại em không đọc sách xưa nên em không biết đấy thôi.

Chính anh bây giờ đây vẫn muốn tiếp-tục tra-cứu các phép mầu-nhiệm mà hồi thế kỷ XIV, XV, cho đến XVI, XVII, và cả đến thế-kỷ nguyên-tử này, đã và đang có một số nhà thông-thái-học căn-cứ theo các tài-liệu từ xưa còn để lại và cặm-cui trong các phòng thí-nghiệm để tìm ra phương-pháp luyện đá hóa vàng.

Bà Tú vỗ tay reo lên :

— Ô ! Thiệt hả Minh ? Thế thì Minh nghiên cứu le-le phép luyện đá hóa vàng đi ! Chỉ cách-thức cho em nghiên-cứu với ! Nếu Minh cần bao nhiêu đá, em sẽ ra ngoài đường cái hốt về cho Minh mấy thúng đá cũng có. Để Minh nghiên-cứu phép mầu-nhiệm, nếu thành công thì sau này tại mình tha-hồ có vàng mà xài ! Ô, luyện đá hóa vàng ! Nấu đá thành vàng ! Ha ha ! Mà Minh nói thiệt hay nói chơi đó ? Hay chỉ là trò quý-thuật ?

— Không phải là quý-thuật. Phép luyện đá hóa vàng, thời Trung-Cồ ở Âu-châu các nhà Bác-học trứ danh đã thí nghiệm. Họ gọi phép đó là **AL-CHIMIE** (*Alchemy*), do tiếng A-Rập *Al-Kimiya* mà ra, tiếng Hy-Lạp là *Khemia*. Nó là một nghệ-thuật, và cũng là một khoa-học.

Nhưng thật ra mới chỉ là một ảo-tưởng, hướng về hai mục đích : 1) tìm một môn thuốc thần-diệu có thể chữa được hết thảy các chứng bệnh của loài người. 2) Nấu các loài kim-khí, sắt, chì, kẽm, đồng, v.v... thành ra Vàng, do một loại đá đặc-biệt, gọi là **Pierre philosophale**, tiếng Anh là *philosophers' stone*.

— Loại đá đó như thế nào hả Minh ?

— Theo nguyên tắc do vài nhà bác học Âu-châu đã đặt ra từ thời Trung-Cồ, thì mục đích của **khóa Luyện-Kim** (*Alchimie Alchemy*) là khám - phá ra một chất men huyền-bí, có tính chất trường xuân, chất men ấy làm cho cơ-thể con người không hao mòn bệnh hoạn, nghĩa là trừ được cái chết, và đưa con người ta lên đến trạng-thái bất-tử như thần - tiên vậy. Men ấy có hai loại : loại lỏng và loại đặc. Lỏng, là *thuốc nước trường sanh* (*Elixir de longue Vie*), uống vào là chữa được hết cả các chứng bệnh, «bách bệnh tiêu-tán, vạn bệnh tiêu-trừ». Đặc là loại *Luyện Kim Thạch* (*Pierre philosophale*). Đá này có tính chất luyện Kim. Bất cứ ta nấu một loại kim-khí nào, sắt, chì, kẽm,

thiếc, v.v... sôi đến nhiệt độ chảy ra thành nước, ta bỏ một viên đá luyện-kim vào; chỉ nhỏ như một viên đá lửa, tức khắc loại kim khí kia biến thành ra Vàng. Nghĩa là thỏi sắt hay thỏi chì đang chảy kia, có chút đá luyện-kim bỏ vào, sẽ đông lại thành ra thỏi vàng.

Bà Tú nở nụ cười khoái-trá rực rỡ như một thỏi vàng. Đôi mắt bà sáng rực lên, bà reo mừng :

— Ô ! Thỏi sắt biến thành ra thỏi vàng ! Cục chì cũng biến ra cục vàng !... Trời ! Nếu được như thế thật thì chúng ta sống trong thời-đại hoàng-kim thật sự rồi ! Nhưng loại đá luyện-kim đó, tìm ở đâu ?

— Toàn thể các phép mầu-nhiệm đó và các nguyên-tắc hóa-học sản xuất ra vàng, và phương pháp tìm ra đá luyện-kim đều có ghi chép trong một quyển pháp-thư bằng một thứ chữ kỳ-dị vô cùng và chỉ có các vị Đại Pháp-Sư, Đại Đạo-Sư mới hiểu nghĩa mà thôi. Nên nhớ rằng Thế kỷ thứ 3 sau T.C. nhà đại - pháp - sư Zosime le Panopolitain là một nhà hóa-học thông-thái trứ-danh chứ không phải là một tên phù-thủy. Sau đó, các nhà khoa-học

uyện-kim Âu-châu (alchimistes) Roger Bacon, Raymond Lulle, Paracelse, Van Helmont v. v... đều là những nhà bác-học chân-chính, uyên-thâm. Chính các vị đó là những nhà khoa-học tiên-phong, cho nên người ta cũng xác-nhận rằng khoa luyện-kim (alchimie) chính là tiên-phong của hóa-học hiện đại. (chimie moderne).

— Nhưng tại sao lại có các nhà đại Pháp-Su trong khoa luyện-kim? Thế ra khoa-học đó cũng là một khoa-học huyền-bí sao?

— Em nên nhớ rằng trong sách *«Van pháp qui tôn»* của Tàu thuở xưa dạy cho người ta các phép luyện con người thành tiên, thì pháp thư của Cồ A-rạp, và Cồ Ai-cập dạy phép luyện đá thành vàng, cũng đâu phải là huyền lạ!

Trở về nguyên-thủy, thời thượng cổ, xứ Ai Cập có thờ một vị Thần, tên là Hermès. Chính là vị Thần Mercure của cổ La-Mã. Vị Thần này có chép một pho Kinh rất huyền bí truyền tụng từ lâu đời, nhưng mãi đến thế kỷ III sau T.C. có một vài nhà đạo-sư thông-thái Âu-châu mới khám phá ra được. Quyền Kinh ấy nhan-đề là *«Cồ Ai-Cập oan-pháp qui-tôn»*, trong đó có

một chương giầy về khoa luyện-kim. Nhưng có điều rất lạ, là sách viết toàn bằng những câu tượng-trung, không ai hiểu nổi. Thần Hermès có nói đến *«đá Luyện-kim»*, nhưng người đọc sách không thể biết được làm cách nào tìm ra đá đó, hoặc chế tạo ra nó. Nhà vạn-vật học trú-danh của Pháp, Buffon, tác-giả bộ sách *«Histoire naturelle des Minéraux»* (khoán-chất học) nghiên-cứu lâu năm về các loài đá, cũng có đọc bộ sách *«Van pháp qui-tôn của Cồ-Ai-Cập»* để tìm lý-lich của đá-luyện-kim, nhưng tìm không ra. Ông có viết: *«Phải thú thật rằng người ta không rút được một bài học nào khi đọc quyển sách về Khoa Luyện-kim của Hermès. Tôi đã cố công tìm-tòi, học-hỏi nhưng vẫn ừ-ừ cạc-cạc, mù-mịt tối tăm chả thấy một chút ánh sáng, chả biết kết-luận ra làm sao cả... Chỉ có thể đoán được rằng người xưa đi tìm đá Luyện-kim đã coi thủy-ngân (mercure) là thành phần căn-bản của hết thảy các loài kim-khí»*. Thế kỷ VIII, nhà bác-học Geber, A-rạp, nghiên-cứu về khoa Luyện-kim, gọi Vàng là *Nhứt-kim*, loài kim-khí-mặt-trời (*Mé-*

tal-Soleil), và có chép: *«Nhứt-kim kết đọng bằng một loại thủy-ngân rất tế nhuyễn và một ít diêm sinh rất tinh-khiết, màu đỏ. Nhưng vì màu đỏ của diêm-sinh ấy không đều, có thứ đỏ tươi, có thứ đỏ lợt, cho nên Vàng cũng có thứ màu vàng đậm, thứ màu vàng lợt.»*

Thế-kỷ XIII, có bốn nhà bác-học chuyên môn sưu-tầm về Đá Luyện-kim: Arnaut de Villeneuve, Roger Bacon, Raymond Lulle, Albert le Grand. Căn-cứ trên quyển *«Van pháp qui-tôn»* của Hermès, và các pháp-thư của các nhà Đại Đạo-sư, họ cố công tìm cho ra phương-thức của Đá-luyện-kim. Trong lúc tìm kiếm loại đá linh-nghiệm huyền-bí ấy trong các phòng thí-nghiệm của họ, họ lại khám phá ra nhiều yếu-tố hóa-học mà ngày nay chúng ta rất quen thuộc, như *bi-oxyde de cuivre* mà lúc bấy giờ họ gọi bằng một danh từ nên thơ là *Chaux de Vénus* (Vôi của nàng Vệ-nữ); *Sulfate de soude* (họ gọi là *Foie de soufre*) *Perchlorure de mercure* (họ gọi là *Sublimé*), v. v...

Họ nấu các chất hóa-học do họ khám phá ra trong những lò lửa xây kín-đáo trong những căn nhà gạch

chật hẹp. Những "lò cừ" ấy ngày đêm lúc nào cũng đỏ bừng bừng và sôi sùng sục. Nơi đây họ đun đến một nhiệt-độ tối cao các loài kim-khí mà họ cho rằng mỗi loại đều có liên quan mật thiết với một hành tinh của Thái-dương-hệ:

Hỏa tinh (Mars) là Sắt
Kim tinh (Vénus) là Đồng
Mộc tinh (Jupiter) là Thiếc
Thổ tinh (Saturne) là Chì
Thủy tinh (Mercure) là Bạc

Tất cả các loài kim-khí đó đều có thể biến ra thành Vàng (Thái Dương) nếu đun trong các lò luyện kim, đến một nhiệt độ tối cao cho chảy ra thành chất lỏng, và bỏ vào đấy một ít bột Đá-luyện-kim (Pierre philosophale).

— Nhưng tìm ở đâu ra loại Pierre philosophale? Thứ đá Tiên đó có thật hay chỉ có trong óc tưởng tượng của các nhà Pháp-sư Trung-cổ Âu-châu?

— Nó phải có thật, vì Thế kỷ XVI, nhà hóa học Paracelse có tả nó như sau đây:

«Nó là một chất cứng, màu đỏ xám như ngọc lưu-ly, trong sáng như pha-lê, mềm dẻo nhưng bẻ thì gãy như thủy-tinh».

Trái lại, cũng một nhà bác học khác, người xứ Espagne, Ray-

mond Lulle thì thận trọng hơn và bảo rằng Đá luyện kim là một 'cục than nhỏ'. Nhưng trong Kinh Tam Ngôn (*Tratté des Trois Paroles*) thì chỉ bảo rằng: 'Đá luyện kim gồm hết thầy các màu sắc. Nó trắng, đỏ, vàng, xanh-da-trời, xanh lục'. Thế kỷ XVIII, nhà bác học trứ danh Đức Kunckel có viết: 'Đá luyện kim có thể biến một khối kim khí thành ra khối vàng nặng gấp hai lần'.

Nhưng có điều rất lạ kỳ, là theo pháp thư về khoa luyện - kim, người nào tìm ra được Đá-luyện-kim, thì không được tiết-lộ bí-mật cho người ngoài biết. Tiết-lộ thiên-cơ sẽ bị chết một cách khủng-khiếp. Vì thế nên một số rất hiếm các nhà bác-học kiêm pháp-sư của khoa-luyện-kim, từ các thời-dại trước không hề nói rõ về phương pháp tìm đá pierre philosophale và bí-quyết của khoa-học Alchimie. Thế-kỷ XV, nhà Luyện-kim Nicholas de Valois đã ghi trong quyển sách huyền-bí của ông nhan đề là «Ngũ-thư» (*Les Cinq Livres*):

«Chúa đã ban cho tôi bí mật thiêng liêng của khoa Luyện kim, do tôi đã cầu-nguyện và giữ-

gìn đạo-đức. Nhưng tôi không có quyền lợi-dụng và tiết-lộ bí-mật của Chúa...» Và lại, theo các kinh-sách về khoa Luyện kim, người nào tìm ra được cái bí-mật của đá pierre philosophale và phương pháp luyện đá hóa vàng, chỉ có thể dùng số vàng ấy vào các việc từ thiện, bác-ái, cứu giúp nhân-loại đau khổ, nghèo đói, chứ không được dùng vàng để hưởng các lạc-thú vị-kỷ cho cá nhân mình.

Bà Tú cười:

— Nếu Chúa cho em tìm được đá pierre philosophale và phương pháp luyện đá hóa vàng, em sẽ nguyện lấy vàng đó xây một triệu cái bin-din chọc trời có đầy đủ tiện nghi tân tiến, để cho dân nghèo ở, không trả tiền.

— Thế kỷ XIV, đã có một người được Chúa ban cho diễm phúc đó, tên là Nicolas Flamel, sinh năm 1330 ở Pontoise, Pháp. Ông nghèo nhưng rất ham đọc sách, và tính cốt rất hiền-lành. Ông lấy vợ, một quả-phụ 40 tuổi, tên là Pernelle, rất ngoan và ưa cứu giúp người nghèo khổ. Có bao nhiêu tiền, vợ chồng giúp đỡ hết cho kẻ cơ hàn. Flamel làm

nghề bán sách cũ, để được đọc sách. Ông mê sách và nhờ đó trở nên người thông-thái. Một đêm ông nằm mê, có vị Thần báo mộng: «Flamel, con sẽ đọc quyển sách đó, con sẽ không hiểu gì hết, và bất cứ người nào đọc sách đó cũng chẳng hiểu chi cả. Nhưng chỉ có mỗi một mình con đọc kỹ và sẽ tìm thấy những gì mà không một người nào khác tìm thấy.»

«Quyển sách ấy» là sách gì? Ba hôm sau một người lạ đem đến bán cho Flamel một quyển sách cũ-mèm, đóng bìa theo thời Thượng cò, mà tác-giả là Đại-sư Abraham người Do-Thái. Flamel mua liền và cắt kỹ trong tủ, vì đọc mãi mà chẳng hiểu chi hết. Mãi 21 năm sau, thời-gian thử-thách tu-luyện, bỗng Flamel gặp một cụ già xa-lạ, giảng cho ông hiểu các chương sách nói về Đá luyện kim và khoa luyện kim. Từ đó, Flamel sống cuộc đời vô-cùng bí mật, và làm ra rất nhiều vàng. Ít lâu sau, ông ta trở nên giàu có, xây cất trên 30 ngôi nhà cho những người nghèo ở, và rất nhiều bệnh-viện, cô-nhi-viện, dưỡng-lão-viện, nhà nuôi dạy các người câm, mù, điếc, v.v..



Nicolas Flamel

Vua Charles VI có phái viên Lục sự Cramoisi điều-tra về đời sống của Nicholas Flamel, thì thấy vợ chồng ông ăn khổ-sở trong các đĩa bằng đất, và sống rất giản-dị trong một căn nhà cũ chật hẹp. Lúc ông chết, năm 1418, trong tủ tiền của ông chỉ còn 2.200 quan tiền. Từ biên-bản chính thức ấy về gia-sản của Flamel hiện nay còn giữ trong Thư-viện quốc-gia Pháp, ở Paris..

Flamel chết, có để lại bản thảo một quyển Hồi-ký nhan đề là « Livre des Figures », trong đó có một đoạn như sau đây :

« Ngày 17 tháng Janvier, là ngày Thứ Hai, gần 12 giờ trưa, ở nhà tôi chỉ có vợ tôi là Perrenelle, tôi lấy bột Đá-luyện kim rắc lên lò Thủy-ngân (mercure), thì thủy-ngân hóa thành ra Bạc, (argent). Chất bạc tinh-anh hơn chất bạc thiên nhiên. Rồi sau đó, ngày 25 tháng Avril, lúc 5 giờ chiều, cũng ở căn nhà đó, cũng chỉ có Perrenelle giúp tay, tôi rắc bột Đá luyện-kim màu đỏ vào lò thủy-ngân thì thủy-ngân bỗng hóa ra Vàng, chất vàng này trong hơn và đẹp hơn vàng thiên-ạo. Tôi nói sự thật rằng tôi đã làm thí nghiệm 3 lần như vậy, và cả 3 lần tôi đã làm ra Vàng..

Sách viết bằng lối Pháp-ngữ Trung-cổ: « ... je le fis avec la pierre rouge sur semblable qualité de mercure, en présence de Perrenelle seule en la mesme maison, le 25 quitieme jour d'Avril, vers les 5 heures du soir, que je transmuy véritablement en quasi autant de pur or, meilleur très certainement que l'or commun, plus doux

et plus ployable... »

Không cần nói, ai cũng biết rằng quyển « Livre des Figures » của Nicolas Flamel, và « Lion d'Abraham » của Đại Đạo-sĩ Do Thái rất được các nhà Bác-học và khoa-học Âu-châu đặc-biệt khảo-cứu, từ Thế kỷ XVII. Vua Louis XIII coi theo đó thí-nghiệm để tìm Đá-Luyện-kim suốt mấy năm trời, nhưng không có kết-quả. Có lẽ tại nhà Vua ham tài hơn là ham đạo đức.

Năm 1440, vua nước Anh, Henri VI cho phép hai nhà bác-học Luyện-kim thí-nghiệm khoa ấy, Fauceby và Kirkeby, nhưng không thành. Năm 1449, John Coblér, nhà Đại-sư tư danh, cũng có thí-nghiệm nhưng mất công toi. Vua Bavière, Maximilien II cũng khuyến khích thuật luyện đá hóa vàng, nhưng không có kết-quả. Phong-trào Luyện-đá hóa vàng lan-rộng khắp Âu-châu suốt thế kỷ XVIII, XIX, và hiện nay cũng còn tận-tụy suốt tháng suốt năm tìm Đá-Luyện-kim.

Có nhà Thi-sĩ Tiếp-khắc, Franz Gassman, làm thơ trào-phúng sau đây, trong tập thơ *Exammen Alchemisticum* của ông xuất

bản tại Prague, kinh-dô Tiếp-khắc, thế kỷ XVI :

Hầu hết thiên-hạ ai cũng thành Nhà Bác học Luyện Kim !
(Alchimiste)

Thăng khờ, đứn con nít, ông cụ già.

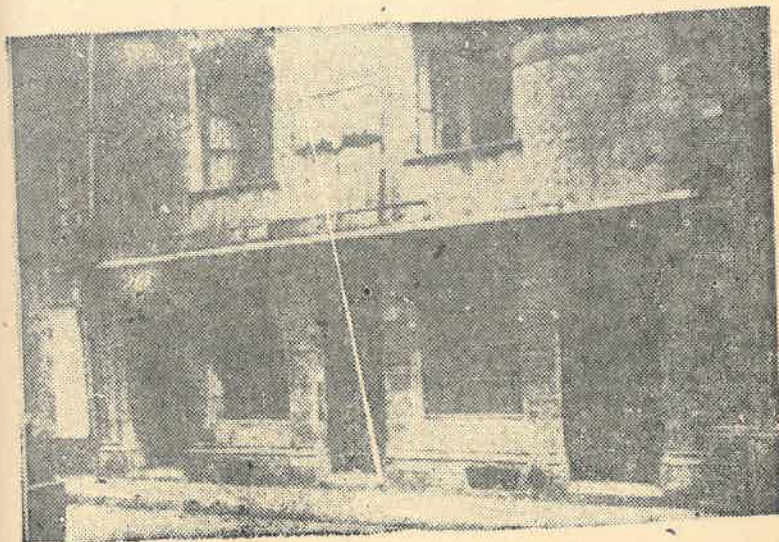
Anh thợ cạo râu, bà lão móm, ông Nghị-sĩ háo danh, háo lợi, Ông Cố-đạo trọc đầu, ông Vua đầy kim cương chú lính say rượu, Đều cầu nguyện Chúa ban cho đá hóa Vàng
Tôi cầu Chúa ban cho tôi Vàng hóa đá !

Bà Tú lắc đầu, tỏ vẻ thất vọng :

— Thôi ! Em hồng cầu Chúa cho đá hóa vàng đầu. Coi bộ khó quá. Em chỉ cầu cho em trúng số vài ba trăm ngàn để em đủ mua gian nhà nho-nhỏ để ở thôi. Thời buổi chó chết, người ta có nhà để cho Mỹ thuê, mình là Việt-nam mà chạy trốn chết một tháng nay không muốn được một cái nhà Việt-nam để ở cho yên. Phải chạy vô ở trọ trong nhà Chùa !

Diệu-Huyền

Gian nhà của Nicolas Flamel nơi luyện đá hóa Vàng hiện nay vẫn còn ở đường Montmorency ngoại ô Paris





* Thủy Dương Tử

1.

Nhà khách yên lặng buổi chiều tâm chầm dứt. Tôi xoay cốc nước trên bàn — chú Tâm dòm chừng thầy trụ trì và trao tôi điều thuốc.

« Thả tôi ra, thả tôi ra! » Tiếng gào vang lên, tôi đứng dậy... Hai người thanh niên đang khiêng một người đàn bà đi ngang qua trước mặt tôi và đi sâu vào sau nhà khách.

— Cái gì đấy, Tử? Tiếng Thầy trụ trì trên sân thượng hỏi xuống.

— Dạ... Dạ...

Tôi không biết đáp sao nhưng trực giác đã thúc dấy tôi nói:

— Có lẽ điên Thầy ạ.

Tiếng gào thét lại vang lên, mọi người bu quanh. Tiếng khóc dờ chừng tiếng la dứt quãng. « Anh Mươi, sao anh bỏ tôi anh đi theo... kia... chúng nó bắt tôi cởi áo. Thả tôi ra, tôi đi xuống Long-Xuyên... Hủ... Hủ... Tôi không ham giàu sang... Ha... Ha... 5 ông Ngũ Hành kia... kia... Đi qua trước mắt tôi ».

— Im đi, ngồi xuống. Tiếng Thầy trụ trì. Người con gái ngoan ngoãn. Bây giờ tôi mới nhìn thấy rõ nàng, còn trẻ lắm — trắng, đẹp.

Người đàn bà đứng tuổi hư một mắt tiến lên: « Thưa thầy, Thượng tọa Q.L. giới thiệu con đem cháu

kuống nhờ thầy trị chữa ».

— Á. Á... trời! Tôi mới 17 nhốt tôi làm chi, thả tôi đi... nàng vừa la vừa múa tay chân ngư người say rượu.

Các sư bắt ấn gõ mõ tụng kinh, người điên ngồi điệu Yoga, nhưng sai kiểu. Nàng cũng đọc kinh... mô Phật nhưng dứt quãng... thỉnh thoảng nàng ré lên, như có vật gì khiếp đảm đeo đuổi phá nàng.

Nàng chạy ra sân la, múa, khóc, trề con xúm lại nhìn. Tôi và Mạnh diu nàng vào giảng đường, mẹ nàng buồn rầu bước theo. Nàng nhảy lên bàn ca múa, kêu than thảm thiết. Bỗng nàng đứng sừng trước bức hình cổ họa thượng Quảng-Dức đang tự thiêu, nàng chấp tay niệm Phật. Tôi rất ngạc nhiên khi nàng đứng trên 15 phút im lặng đọc kinh.

Rồi cơn điên trở về cào xé thân xác nàng, nàng kêu la bi thiết. Tôi không chịu nổi cái đau đớn, cái gào thét đang diễn ra trước mắt tôi — tôi trở thành bị đau như chính nàng đau vậy. Tôi lánh vào nhà khách cố tránh hình ảnh bi thiết ấy.

Nhưng không, Thầy trụ trì gọi và nhờ tôi cột tay nàng — tôi hốt hoảng. Trời ơi, có thể nào mình đi cột trói một người con gái ư? « Không. Tôi không sợ đau anh, cột đi ». Nàng bảo thế. Bỗng dưng tôi lại nghe lời sai khiến của nàng và lúc đó tôi chả biết tôi đang nghĩ gì? Bàn tay nàng mềm mại quá, cánh tay nàng thanh mát quá — Sao nàng lại điên được? Tôi vừa nghĩ đến đó là đã cột xong nàng, tôi lại mở ra... — này, tôi cột cho cô nhẹ-nhẹ nhè, cô đừng phá, tôi sẽ nói với thầy khỏi ra lệnh cột trói cô.

Bỗng dưng nàng khóc òa, bước đi nghiêng ngữa, miệng ca hát, kêu gào.

Nàng ngồi dưới đáy chuông công-phu ông cụ tu trong chùa đóng từng tiếng chuông trên đầu nàng như xua đuổi oan hồn, ám khí tà ma hãy để cho nàng yên, hãy thả nàng về thanh tịnh với tiếng chuông này. Nhưng không, thỉnh thoảng nàng kêu lên, ré lên như bị cái gì ám ảnh làm nàng khiếp sợ. Mỗi lần như vậy là mỗi lần tôi muốn trốn thoát ra khỏi âm thanh đó, âm thanh của một người điên.

Tôi dỡ nạng, tôi bỏ cam cho nạng ăn như một người tình sẵn sóc cho một người tình. Tôi muốn tạo một không khí như vậy là mong nạng vui đi cơn điên loạn nó đương hành xác nạng... Than ôi, cô gái điên 17 tuổi!

Buổi trưa chùa Quán-thế-Âm nóng bức, tôi ngồi nói chuyện phiếm trong tiếng la hét của nạng. Tôi muốn đuổi âm thanh thê thảm ấy đi, tôi không muốn nhìn ngó mặt nạng. Tôi bịa nhiều chuyện để nói cho các chú tiểu nghe, để cho mọi người quanh bàn tôi nghe tôi nói chuyện. Ấy thế mà âm thanh thê thảm của nạng vẫn lọt vào tai tôi. Nó đang làm trò xiếc trong đầu óc tôi, nó đương làm đám tang trong đầu óc tôi, tôi muốn gào to lên, la hét lên, tôi muốn đâm tất cả mọi người đang hiện diện trước mặt tôi — trời ơi! nhưng đề rồi tôi bất lực, tôi yên lặng đứng đưng.

Buổi chiều tôi vào nhìn nạng lần cuối, tôi bỏ cam nạng ăn, tôi bung nước nạng uống... Cơn điên lại về trong nạng, hình ảnh

thê thảm lại về trong tôi — tôi muốn lánh xa đi tất cả cái bi thương dồn dập hiện có, tôi đứng lên: Định thị Đàm, người điên ơi, ở lại nhé, ta đi thôi.

2

Chuyến xe buýt Gia Định chở tôi về Trương minh Giảng — chuyến Lãng cha Cả chở tôi về Huyện thanh Quan.

Trời đã tối, đường Phan đình Phùng, đêm nay không điện, khu chợ Vườn-chuối còn lại xe nước đá và quán nhậu dưới đất.

Tôi thất thểu đi như kẻ mất hồn. Việc gì đêm nay mình lại về đây? Phải rồi ghé Trần Tuấn Kiệt (ba ngày rồi mình không gặp).

Cửa đóng. Tôi dòm vào cửa sổ. Bốn cái chân nằm thò ra ngoài đi-văng. Kiệt ngồi trên ghế thò tay móc vào túi trên lấy một vật gì. Hình ảnh Đàm, cô gái điên, lui về trong trí tôi, tôi không đẩy cửa bước vào như

mọi lần, yên lặng ra đứng ngoài đường định quay về khu Kiến Thiết Trương minh Giảng.

— Từ. Tôi quay lại: À, Kiệt! Kiệt nắm tay tôi qua bên này uống café. Bốn bước chân chưa qua khỏi lề đường, tôi hỏi Kiệt:

— Miên bớt chưa?

— Thằng Miên chết rồi!

Tôi đứng dựng thẳng người:

— Sao?

— Chết rồi.

Tôi trợn mắt, ngã lưng dựa vào cột đèn. Trời ơi! Tôi sững người đi. Kiệt rung rung nước mắt: buồn quá Từ ơi! Tôi nghe giá lạnh cả hồn. Tay chân tôi rợn da gà, tôi ngồi thờ người ra, trời ơi! Đầu thế được hơi Kiệt.

Kiệt thờ dài ảo não: «Nó chết rồi mình chả muốn làm gì hết, bao nhiêu cực khổ, bao nhiêu hy vọng mình đặt vào nó thế mà bây giờ...»

Tôi sững sờ như Kiệt sững sờ lê lếch trên con đường Phan đình Phùng. Tôi muốn xua đuổi, tôi muốn lẫn trốn như tôi đã xua đuổi, lẫn trốn người điên khi chiều. Tôi định bỏ Kiệt đi ngay, tôi định không về nhà.

Nhưng không Miên ơi, hình

ảnh của cháu đã lưu bước chân của chú.

Miên ơi, trước mặt chú, bà cố của cháu đương méo-mó kê lê từng tác động, cử chỉ của cháu trong miệng trầu dầm lệ.

Mặt mày của má cháu xanh xao nhìn chú, chú sững người chỉ nghe thôi: Từ biết không, bà bác sĩ chích kim cho nó — nó không khóc, nhưng nó nói mà bà bác sĩ cảm động, «bà chích cho con nhẹ nhẹ, con không khóc đâu, con muốn bà chích cho mau lành để con về con chơi với em con, em con hay đánh con nhưng con không đánh em con, con thương em con, bà chích nhẹ nhẹ nghe, con không khóc đâu, con muốn mau lành về chơi với em».

Trời ơi, trẻ thơ chưa đầy sáu tuổi sao có ngôn từ này? Miên ơi, chú tự nghĩ như vậy. Chú yên lặng sững sờ, mắt chú sáng ngay chiếc xe mà chú thường sửa bánh cho cháu đi nằm bên cạnh đi-văng, chiếc ghế cháu ngồi, chiếc giường cháu nằm mà cháu và chú thường dờn vật lộn còn đây. Cháu đi đâu? Giờ này, phút này không về dờn đùa với chú đóng tuồng cho chú,

cho ba cho má cháu xem. Miên ơi, giờ này phút này chú cũng vẫn chưa tin là cháu chết.

Miên ơi, chú nhớ những ngày sống ở Vạn-kiếp, gia-đình chú đói, ba má cháu đói, cháu gặm mẩu bánh mì khô trừ cơm sao không chết? đến bây giờ cha cháu tạm tạo cuộc sống đầy đủ này cho cháu, sao cháu chết? cha cháu cũng đương lý luận lẫn quần như chú vậy đó, Miên ạ.

—Kìa, ba cháu đập tay xuống bàn gục đầu, chú nằm ngửa trên ghế vắng nhìn trần nhà — ánh sáng của đèn điện lổ cáo ba gương mặt đau thương vì cháu đó cháu Miên ạ.

À, chú nhớ rồi, má cháu nói là khi trưa (lúc này chú đương ở Gia định cạnh một người điên) Nhiên em gái cháu trong lúc ăn cơm hỏi: «Anh Miên đâu má, sao không ăn cơm với con».

Trời ơi! Chú không muốn nói nữa Miên ơi! Vì lời trẻ thơ rất hồn nhiên, nhưng chính cái hồn nhiên đó có thể làm cho người lớn điên đầu.

Kìa... đôi mắt đen nháy tròn xoe của Miên, chú không quên. Vầng trán rộng thơ ngây của cháu chú không quên. Đôi tai to dựng ra ngoài thỉnh thoảng đầu tóc nâu vàng của cháu chú cũng

không quên. Trời ơi, mỗi lần giận chú hay ba má cháu, miệng cháu bậm lại môi trên nhô ra, tay trái đưa ngang tai cấn gục xuống đôi mắt thiên thần trợn lên — trời ơi! chú làm sao quên được hơi Miên — hơi Trần-triều-Miên. Chú làm sao quên được những ngày Miên đứng ôm cột đèn chờ ba cháu hay chờ chú về.

Quán cà phê bên lề đường Phan-đình-Phùng chú và cháu đã từng ngồi nhăm nháp lai rai.

Những đêm ba má cháu hốt hoảng vì cháu lên cơn sốt. Mưa tầm tã ba cháu vẫn đập chiếc xe đạp già men đi tìm tiền mua thuốc, còn chú, chú dờ sờ trường đi bộ xin thuốc người quen về cho cháu.

Đêm nay ngồi đây với ba cháu mà chú cũng không tin rằng cháu đã chết, sự chết xảy ra bất ngờ quá. Chú không nghĩ được gì hết. Chú sững sờ nằm bên ba cháu. Ba cháu ngồi dậy nói với chú «sẽ làm kinh cầu hồn cho TRẦN-TRIỀU-MIÊN». Chú gục đầu không nói, không góp ý vì nói hay góp ý có khác gì khơi đau thương dữ dội cho ba cháu.

8 giờ sáng rồi Miên ạ, chú thức dậy thấy 8 trang giấy đầy chữ với tí đề:

«Kinh cầu hồn Trần Triều Miên», chú đã đọc và chú đã khóc. — Vâng, chú đã khóc sau người viết nó là ba cháu sau mấy tiếng nửa đêm về sáng.

Chú đọc lên ba cháu úp mặt vào gối — Miên ơi, nửa chừng chú Nghiêu Đề lại vào, cái chú họa sĩ nửa ngông, nửa giỡn nửa thiệt, nhưng thương cháu vô cùng.

Miên ơi, Nghiêu Đề lại, ba cháu vẫn úp mặt vào gối — Đề đặt tay lên lưng Kiệt. Bỗng âm thanh đau khổ của người cha từng chịu vịnh nhục vì con thắm ước chiếc gối đầu.

Chú không chịu nổi Miên ơi, chú đành bỏ ra ngoài.

Vẫn quán cà phê này, vẫn chiếc bàn gỗ xám đen này, chú, ba cháu và Nghiêu Đề lại bàn đến cháu.

Ba cháu và chú cũng như Nghiêu Đề cùng đưa ra một lý luận một sự an ủi có lý:

«Đành rằng nó chết là mình khổ sở đau đớn, nhưng sợ đề nó lớn với trí thông minh của nó, nó lại sớm nhìn cái đau khổ, cái bi thảm của loài người —

nó lại khổ đau bao nhiêu», đại khái lý luận vậy đó cháu ạ. Nhưng ở trên đời này ai sinh con ra không mong cho con khôn lớn, thành đạt. Đó là cái niềm ao ước duy nhất của những người làm mẹ làm cha. Chẳng qua nói đề mà trấn tĩnh tinh thần giao động và tự an ủi đẩy thôi. Đành rằng thời gian sẽ vui đi và sẽ được lo hay bi lo những chặn đường khác của kiếp người còn cử động.

Mười một giờ trưa rồi chú không muốn nhìn hay bị nhìn, những thế thảm của cuộc đời, chú muốn tránh xa.

Miên ơi, suốt đời chú sẽ không quên một ngày một đêm vào mỗi tháng mười này, cái ngày mà chú cố trốn những hình ảnh thế thảm bi đát của cuộc đời mà lại không trốn được.

Cháu biết không, trong khi cháu tắt thở, trong khi thân xác cháu đặt sâu vào huyết lạnh thì lúc đó chú đương đầu với người con gái trẻ đẹp đang diễn trò thế thảm cuộc đời mà chú bị mục kích suốt 9 tiếng

đồng hồ, Chú đã trốn thoát về nhà cháu mong yên tĩnh phần nào. Nhưng sự trốn người diên chưa đầy nửa tiếng lại gặp ngay cái bất chợt đột ngột là cái chết của cháu làm đau chú diên lên đăm ra đờ đăm. Trời ơi cố trốn diên lại gặp chết.

— Chú biết làm sao đây? Nói cái gì và không nói cái gì, chú im lặng, trốn ba má cháu. Đi nơi khác đề khỏi nhìn thấy những gương mặt khổ ải đau đớn.

2 giờ rồi chú đã về tới căn gác ở công số 6, cái căn gác

mà chú đã chịu nhiều điều linh của đời.

Chú kéo chăn lên tận cổ cố ru tâm linh vào giấc ngủ... ngủ đi con. Nhưng không. Tất cả đều sợ, hiện cái chết đang giăng tơ trong đầu chú. Chú lại nghĩ đến chiến tranh hiện tại, cái chiến tranh gây bi thảm cho dân tộc. Chú lại nghĩ đến cái chết của chị chú bị Tây bắn. Chú lại nghĩ đến cái chết của em chú. Phải rồi Miên ạ, nó cũng bằng tuổi cháu, nó chết về mưa lạnh ở Miền Trung năm 1957 vì bệnh kiết. Ngày ấy chú hay đánh nó



lắm vì chú ham chơi mà phải giữ nó. Nó đau nó khóc mà chú đâu có ngờ đến sự đau ấy, chỉ biết đánh cho đỡ tức vì phá rầy không cho chú rảnh tay chơi.

Bây giờ chú nghĩ, đến nó chú hận cả gia-đình, chú hận cả cái thằng người của chú. Nó đau mà đêm đêm phải nằm một mình trên giường tre nhỏ, trời lạnh như cắt ruột thể là nó chết khô queo. Chú và anh chú cùng với người đào huyết đi chôn ở tận đồng xa. Thôi, chú không gám kể nữa nghĩ nữa còn nhiều nhiều bi thiết lắm của một đời mà chú đã thấy tận mắt đã nằm trong cuộc của giường máy hiện tại.

Miên ơi, hiện giờ này, phút này chú đã tránh được người đên, chú đã tránh được gia đình cháu — nhưng sau những phút này chú còn tránh nữa được không? Chú ăn hận lắm giờ cuối cùng của cháu chú không nhìn tận mắt. Miên ơi! đời chú toàn là vậy không, tất cả bất chợt ra đi rồi chú mới biết sau.

Cũng như họ yêu chú, chú lại khi khơi khơi nghĩ đến họ đã có chồng, đôi lúc chú yêu họ chú định mở lời đề huề tương giao thì hơi ơi họ đã có mối. Đời chú là vậy. Khi có không nghĩ đến khi nghĩ đến thì đã mất rồi.

Thôi cháu chết như vậy là trong sáng lắm rồi, là tinh khiết lắm rồi. Chứ còn sống lớn lên nhìn đời bằng sự thật như vậy thì bi đát biết mấy phải không Miên?

— Ủa cháu chết rồi mà hỏi cái chi? Thôi thôi hỏi với ba cháu vậy.

— Phải không Kiệt?

— Anh buồn cái gì? Nó chết là khai phá cho anh một chân trời mới.

— Anh buồn cái gì? Nó chết để lại cho anh kính cầu hồn — nó chết anh có « kính cầu hồn Trần Triều Miên » được chứ. Như vậy là công bình lắm. Đừng buồn nữa, đừng buồn nữa.



Hỡi người diên nếu mai sau người có được lành bệnh người hãy đọc lại những trang này, của ta. Hỡi Trần-triền-Miên linh hồn (nếu có) ở cõi chết hãy đọc những trang này của ta. Hỡi cõi Trinh yên trong hư vô ta đương tìm chân lý bằng sự chết và sự sống ta đang nhảy vào bằng nỗ lực của loài người. ★

Chú thích: Trước cái chết như vậy, có những kẻ khốn nạn (cũng tự xưng là thi sĩ) đã mỉa mai bảo: — Nó đói chết! Cái t m hồn đốn mặt đó không hiểu làm thơ với ý nghĩa gì?

SÁCH BẢO MỜI

✧ Những ngã đường

Truyện dài của **Võ đình Cường**, Nhà xuất bản Lá-Bối.

Tiểu-thuyết mô-tả một vài trạng-thái của Xã-hội V. N. dưới thời chiến-tranh Việt Pháp, và vai trò cao-quý của một vị Sư chọn tu trong đời sống đau khổ của hai nhân vật chính trong truyện: Dung, một cô giáo trường làng, và Vinh, một sinh viên cán-sự y-tế. Bản đặc-biệt không hề giá.

✧ Mặt trời

Tạp-san « thể hiện tình thương và bác-ái » của Hương Kiều Giang, Ngọc Thùy Dung, Nguyễn Lệ Tuân, Thoại Thủy, Tâm Lệ Vân Tâm, Diễm Thy và Trần-Thị Cồn-Cát. 16 trang 5\$

● Bán nguyệt san « Siêng Học »

Tạp-chí giáo-dục luyện thi, khảo luận văn-chương, xuất bản mỗi tháng 2 kỳ vào ngày 1 và 15 tây. Số ra mắt phát hành ngày 15-11-65, giá 7đ. Giáo sư Trịnh-văn-Thanh chủ nhiệm.

✧ Dấu Chân Du-Mục

Thơ của C.H.V.A, Vĩnh Long. Thi-phẩm toàn bằng thơ Lục-bát, quây ronéo. Tặng, không bán. Địa chỉ liên lạc: Ô. Chung-văn-A, 24 (cư-xá Công-chức) Nguyễn Huệ, Vĩnh Long.

✧ Khi Đoàn Quân Tung Cánh

« Câu chuyện về Bộ chỉ-huy không-quân chiến-lược Hoa-Kỳ ».
Tác giả: **Martin Gaidin**. Thời-Nay xuất bản.

✧ Các vấn đề trọng đại của con người.

(Entretien avec Krishnamurti).

Do **Krishnamurti** soạn (Trích trong tạp chí Planète số 14).

Bản dịch của Nguyễn Minh Tâm và Đào-hữu-Nghĩa. Trung-học kỹ thuật Vĩnh Long.

✧ Chọn lọc

Tuần-báo văn-nghệ, trào phúng, sưu tầm, học hỏi.

267 Phạm Ngũ Lão, Saigon. Chủ nhiệm: Tử vi Lang, Thư ký tòa soạn: Tô Ngọc. Giám đốc: Lê Tâm Việt. Số 1 ra ngày 14-11-65.

✧ Bùng sáng

Thơ của **Hoàng Thiên Phương**.

Bìa và phụ bản Nguyễn Khai. Nhiều câu thơ hay. Bản đặc biệt trên giấy blanc-fin. Tác-giả xuất bản.

✧ Bất hạnh

Thơ của **Hoàng thị Thủy Tiên**, một nhà Thơ của thế hệ trẻ, có nhiều triển-vọng.

Nhà xuất bản Vũ Thúy Thụy Ca, 254 Phan bội-Châu, Qui Nhơn.

● Những người xây dựng nền kỹ nghệ thế giới

Nguyên tác của Sigmud A. Lavine, do **Nguyễn Quý Ích**, **Nguyễn Công Nam**, và **Phạm viết Lịch** của nhóm Transpen dịch ra Việt ngữ.

Một quyển sách có giá trị đặc biệt về môn khảo cứu, và rất bổ ích cho các giới kỹ nghệ, kinh doanh, nhất là giới trẻ đang cầu tiến, theo gương các nhà kỹ thuật trứ danh của thế giới Tây-phương.

225 trang. Giá 32 đồng.

Nhà xuất bản Xây Dựng, 9B/15 đường Thánh Mẫu, Chí Hòa Saigon.

● Tân thiếu Niên

Tuần san thông tin Văn hóa Xã hội, do Tam Khôi, Thái Bạch, Phương Hữu, chủ trương biên tập. Số ra mắt độc giả: sáng Chúa nhật 21-11-65.



TRUYỆN DÀI

* Trần Tuấn-Kiệt

DUNC trả xong tiền xe đi vội vào quán. Bên Thuyền. Buổi xế trưa. mây tràn ngập nền trời. gió lật từng bãi rác tung cao lên với lớp bụi mù hơi há m rải xuống khu chõ đông. Nàng ngó quanh như sợ có người theo dõi. Khi chắc chắn không ai. Dung ngồi về một góc quán, gọi nước uống. Một cô gái trạc mười tám, môi son, áo lóng ngực, tóc uốn rối tung lên, mau mắn bước lại hỏi :

— Gì đó cô hai ?

Dung nói :

— Cho tôi xin chai nước cam. À, mà cô cho tôi hỏi chút việc.

— Việc gì thưa cô ?

Dung ngó về phía chợ, vừa nói với cô gái :

— Có có biết người ký giả nào tên Phan Danh hay tới đây hay không ?

— Có hỏi để làm gì ?

— Tôi là bạn.

Cô gái chiêu đãi cười ngất lên :

— Là bạn hay là... người chủ nợ ? Tôi xem bà không phải bạn ông ta đâu.

Dung ngạc nhiên :

— Sao vậy ?

— Vì trông bà ít ra cũng chủ một tiệm buôn bán gì đấy.

— Không phải đâu. Có làm ơn chỉ đường địa chỉ của ông, tôi cần gặp để nhờ ông một việc.

— Việc gì, tôi nói lại cho.

— Việc riêng mà. Dung hơi cúi lên.

LỬA TÌNH

Cô gái vẫn điềm nhiên :

— Nếu là việc riêng tôi chỉ cho. Ông ta ở đường Phạm Ngũ Lão đấy. Dung vội vàng trả tiền nước, đi đến tòa báo.

Ký giả Phan Danh đội mũ, quàng một chiếc áo lạnh xám, bước ra chào đón Dung. Nét mặt chàng xúc đi, hai má cốp lại, và mắt sâu hoắm vào trong. Dung lạnh lùng hỏi :

— Thưa ông, thật là ký giả Phan Danh.

— Dạ, tôi là bạn của bác sĩ Triệu chông bà đó, Thưa bà có việc gì cần tôi.

— Anh Triệu có dặn lúc ra đi. Nếu ở nhà có việc gì thì đến nhờ Ông. Nay tôi mắc một việc hơi nguy hiểm nhờ ông giải quyết dùm.

Phan Danh dắt Dung lại một nơi kín hơn. Chàng nghe dung kể đầu đuôi câu chuyện một cách thật khó nhọc. Dường như chàng đang mắc bệnh. Dung vô tình, chỉ lo kể công việc của mình, cho đến lúc thấy nét mặt bệnh hoạn đó. Dung hỏi thăm và biết Phan Danh đang mắc bệnh phôi đến thời kỳ nguy hiểm. Trong lúc lo sợ, thì Phan Danh đề ý biết được nói ; giọng nói say sưa đến lạnh người :

— Bà đừng lo, tuy mắc bệnh như vậy nhưng tôi sẽ giải quyết được hết cho bà và cả cho tôi nữa bà ạ. Tôi đã gặp nhiều khốn nạn, ức hiếp, không phải chỉ cho tôi mà cho những người tôi yêu quý nhất đời. Và tôi thề dù đến hơi tàn, tôi cũng sẽ làm bọn đại gian ác đó tan nát tinh thần mới thôi. Tất cả bọn khốn nạn trưởng giả, bọn côn đồ giết mướn, bọn cướp phá trinh tiết người, bọn buôn người đó, chúng sẽ biết tay tôi mà Nhưng tôi xin phiền bà, trước khi tôi giăng lưới, bà hãy ra khỏi căn phòng bà buổi sáng mai, đến bốn giờ đi, nhưng chỉ đi có trong giờ phút chúng bắt đầu gặp tôi tại phòng bà. Và bây giờ bà về hẹn với bọn chúng, bảo là làm tiệc mừng anh em, tiện việc trao tiền 50 ngàn luôn cho chúng rồi tôi sẽ thay bà mà tiếp kiến bọn chúng. Bà đừng lo ngại gì, tôi đã quyết định hết rồi. Và bà về hẹn đi, mười giờ sáng mai, tôi sẽ gặp chúng tại phòng bà để trao tiền mua cái phim đó. Nhớ bảo chúng mang phim theo nhé. Nói đến

đây Phan Danh cảm thấy mệt mỏi, ho một hơi dài, và nhò ra một bãi nước ngàu đỏ. Chàng lắc đầu. Đứng lên tiễn Dung ra về.

Phan Danh ngồi im trên ghế bành, nhìn thẳng ra ngoài ngõ nhà Dung chờ đợi. Thiếu mười lăm phút nữa thôi bọn bút máu tanh sẽ đến. Và giờ này Dung đã ra gần đến bót cảnh sát. Đây là phút quyết định. Tốt, xấu thế nào, yếu đuối hay mạnh khỏe thế nào, con người chỉ có phút này. Cái sự chết và chia ra làm hai sự việc. Đón đợi sự chết một cách bình thản và chờ đợi thành tựu thật quyết liệt. Mười phút, năm phút, và cuối cùng tiếng xe thắng lại trước thềm. Phan Danh lặng lẽ đảo mắt nhìn xuống gói chắt nỏ dưới chiếc ghế tròn nhỏ đặt giữa hai hàng ghế tiếp khách.

Khách thật uyên áo, đủ nét mặt hung hãn, lì lợm và cũng có nét mặt lừng lững dự cuộc một cách vô tình. Tất cả đều đến dự tiệc. Phan Danh bật cười. Chúng ta đều chung một hội một thuyền. Một lát sẽ ra khơi tất cả. Kề ra tấm thân tàn của ta cũng làm được việc. Tiếng gõ cửa mạnh, dồn dập. Phan Danh bảo lớn :

Mở ra đi, có tôi chờ. Cửa không có khóa.

Cánh cửa bật mở. Năm cặp mắt nhìn thẳng vào mặt Phan Danh rực lửa. Phan Danh nghĩ thầm : Những ngọn lửa này sẽ tắt. Sẽ tắt như ngàn đêm thâu. Và ta tiếc cho lũ này, còn đầy sinh lực mà tắt cùng với ta đang kiệt sức vì lao phổi. Tội ác đáng số.

— Mày là ai ?

Một bọn cùng hỏi. Phan Danh đứng lên chào :

— Cũng như các anh.

— Nghĩa là làm tiền Dung hả ?

— Không. Đề tiếp và trao tiền dùm cho Dũng.

— Đưa đây.

Phan Danh nhìn thẳng tên mặt đen lông lá nói :

— Ngồi xuống tất cả đi. Chỉ có phân nửa thôi.

Hắn ném mũ xuống bàn :

— Sao ? Không đủ năm chục ngàn hả ?

Phan Danh đáp :

— Đủ hay không gì cũng vậy. Ngồi xuống hết đi, rồi tôi đưa tiền cho nhưng đừng có uyên não nghe.

— Tiền ở đâu ?

Phan Danh nhìn bọn chúng vây quanh mình, rồi nhìn lại chiếc đồng hồ, chỉ còn nửa phút.

Chàng bật dậy, hét lên, chỉ xuống bàn :

— Tiền đó... tiền đó. Lấy đi, tiền đó các bạn ơi...

Năm cặp mắt châu xuống rực lên tia lửa. Và một tia lửa khác xoẹt ra, tiếp theo một tiếng nổ tung ầm vang đến tận phố xa. Rồi không còn gì cả.

Lúc đó mười giờ năm phút. Mọi vật như ngừng thở vì tiếng nổ, rồi thở đều trở lại. Người vẫn như người, vật vẫn như vật. Cuộc sống vẫn tiếp diễn trong tất cả ý nghĩa bình thường của nó.

(Còn nữa)

Xổ Số Kiến-Thiết Quốc-Gia
Giúp đồng bào ta làm nên cửa nhà

3 LÔ ĐỘC - ĐẮC

1.000.000 \$

BÁN GIÁ CHÍNH THỨC :

9\$60 : CHO NGƯỜI BÁN LẺ

10\$: CHO NGƯỜI TIÊU THỤ

TẠI : TỔNG NHA NGÂN-KHỐ

TỔNG NHA THUẾ-VỤ

SỞ XỔ SỐ KIẾN-THIỆT



★ **Phạm-công-Thiện**

*International House (Room 358)
500 Riverside Drive New York U.S.A.*

Greenwich Village, ngày 18-10-1965

Đang lúc ngồi uống cà phê Espresso tại quán Figaro ở Greenwich Village, bỗng nhiên tôi nhớ đến bài thơ « Gửi Trương Tửu » của ông. Không có lý do gì cả, bỗng nhiên những câu thơ của ông bỗng hiện lại trong trí tôi — giữa không khí mờ tối của hầm cà phê đầy khói thuốc, với những bộ mặt đầy râu và đầy chán, mứa của những nghệ sĩ ở vùng Greenwich Village này —, ở đây, dù bất cứ ở phương trời nào, tất cả những con người nghệ sĩ đều chung số phận, đều giống nhau: thất vọng, chán chường, đau đớn, nghèo đói, bơ vơ... Họ là những con chó lè thê què quặt giữa những vỉa hè hoang vắng này. Tôi muốn ông đốt hết mấy tập thơ của ông và chỉ chừa lại bài « Gửi Trương Tửu » thôi. Tôi muốn ông đốt tòa soạn P.Đ-Thông đi. Bỏ làm chủ báo để làm anh chàng Nguyễn Vỹ nghèo rách như lúc hai mươi tuổi ngậm bánh mì để ngồi đọc sách tại thư-viện Hà-Nội... Tại sao ông lại từ bỏ cái chất nghệ sĩ nhất của ông? Tôi vẫn nhớ lúc tôi sống đói rách lang thang ở Sài-gòn; lần cuối cùng, ông đã cho tôi hai ngàn đồng.

Và lúc bỏ làm phó giám đốc Hội Việt Mỹ ở Nha-trang, trở về Sài-gòn, tôi lang thang thất nghiệp đói lên đói xuống vào những ngày cuối năm, ông đã vội tìm cho tôi một chỗ làm lại tòa soạn « Dân Ta », nhưng được một thời gian, tôi lại bỏ việc vì tôi muốn được tự do chết đói, tự do ăn xin mấy thằng bạn, tự do sống cuộc đời nhỏ bé của mình, tự do lang thang trên những vỉa hè Sài-gòn lúc nắng đã tắt — Và sau cùng, tôi đã đi tu — vì sợ tự tử. Và bây giờ tôi đang lang thang ở Mỹ châu này và đang nhớ tất cả những thằng bạn của tôi. Tôi nhớ đến Nguyễn vạn Hồng và

Trần tuần Kiệt và tất cả những thằng bạn khác — Ông có gặp Nguyễn vạn Hồng và Trần tuần Kiệt — nhờ ông bảo chúng nó viết thư cho tôi. Và thỉnh thoảng, ông cũng *nhớ cho chúng nó tiền đề xài*, vì chúng nó nghèo lắm. Tôi biết ông rộng lượng lắm; ông đã cho K: tiền đề in thơ. Đó là một cử chỉ bất diệt trong đời ông. Tôi đang ngồi đây trong quán cà phê này, bây giờ là nửa đêm, máu đang chảy bên kia bờ Việt Nam, tôi bắt đầu chán đời sống Mỹ châu này và đang muốn trở về quê hương để được nhìn những đám mây không máu ở Đà Lạt.

PHẠM CÔNG THIỆN

★ **Trung úy Nguyễn Phúc — Quảng Trị**
KBC 4895, ngày 22-10-65.

Kính thưa bác... không biết bác đã nghe gì về chiến thắng Ba Lòng lần thứ 2 của chiến sĩ Sư đoàn 1 chưa. Rất tiếc là trong dịp này bác lại không có ở Ba Lòng để chứng kiến tận mắt những cảnh chết chóc của chiến trường. Nơi văn nghệ là nỗi buồn của dân Việt Nam. Cháu sơ lược đề bác rõ.

Đêm 19-10-65 khoảng 0g55' địch tấn công căn cứ Ba Lòng với lực lượng khoảng một Trung đoàn mà theo tài liệu gồm 3 tiểu đoàn 804, 806 và 808 là những tiểu đoàn chủ lực của Ba Lòng trước đây đã thất bại trong cuộc HQ Lam Sơn 190 tái chiếm Ba Lòng của SĐ 1 mà bác có dự.

● Địch cho 1 tiểu đoàn tấn công các tiền đồn và chặn đánh các lực lượng bên ngoài, còn 2 tiểu đoàn chia nhau tấn công 3 mặt nhưng nỗ lực chính là quét 2 cây đại liên ở mặt trước. Và có lẽ cũng vì quá chú trọng triệt hạ 2 ð đại liên của ta mà địch đã thảm bại. Chung quanh ð đại liên xác địch có trên 75 tên; chưa kể trên giấy kẽm gai, dưới hố. Theo anh em binh sĩ kể lại địch đã ð ạt xung phong vào 2 ð đại liên, nhưng không thể nào chiếm được vì anh em bắn rất quá và ném lựu đạn. Trong trận đánh này, VC đã dùng Plastic để phá rào kẽm gai, và mỗi lần xung phong chúng chạy vào theo một hàng dọc bởi một sợi giây trắng cột vào tay nhau, và cũng vì thế khi đã chết thì chết hết, có 3 tên lên vào được trong đồn ném lựu đạn giết chết 1 thiếu úy Pháo binh và 2, 3 binh sĩ của ta. Nhưng chúng cũng bị hạ ngay

tại chỗ bằng một loạt tiêu liên, giao tranh khoảng gần 1 giờ thì máy bay đến thả đèn soi sáng. Và trận chiến trở nên có lợi cho ta. Đến gần 6g địch rút lui. Kết quả chính xác cho biết địch chết trên 130 tên ta thu 3 thương liên, 1 đại liên, 1 súng phóng hỏa tiễn 75 ly, 5 súng chống chiến xa B40, 25 súng trường, 33 tiêu liên, 1M79, 1 súng lục... bắt 2 tù binh. Ta 10 chết 24 bị thương.

Nếu dịp này có bác, chắc độc giả Phò Thông sẽ được thưởng thức một bài ngon lành, nhất là thành phần binh sĩ.

Các số Phò Thông vừa rồi có nói về Ba Lòng, Chuồn tướng Chuồn và các sĩ quan và anh em binh sĩ đều có đọc, thỏa mãn lắm.

● TB: Trong số Phò Thông có hình, bác có ghi lộn: bức ảnh ô Tướng, ô Khoa, bác và cố vấn Mỹ và 1 quân nhân VN: không phải là Đại úy chỉ huy mà là T/U Lộc.

Bức bác và 1 quân nhân không phải là 1 anh binh nhì mà là 1 chuẩn úy trung thành với Phò Thông.

Kính,
T/U NGUYỄN PHÚC

● G. H. P. G. V. N. T. N

Gia đình Phật tử Việt Nam

Gia đình Nghĩa Trùng

Điện bản — Quảng Nam

Thưa ông,

Nhân ngày vía đức Từ mẫu Quan Thế Âm 19-9 61, Gia đình chúng tôi xin nhờ ông vui lòng cho đăng mấy giờng đề làm công đức đối với nhà Phật.

Năm ngoái, sau trận lụt to 7-8-10 Giáp-Thìn, qua ngày mùng 9, anh em Phật tử chúng tôi có tìm thấy và mai táng một nạn nhân: em bé gái, trạc 7-8 tuổi, mặc cặp đồ hàng bông trắng, ngoài mặc một áo cánh len và một áo veste cũng bằng len.

Được biết chắc chắn, em là một nạn nhân của chiếc ca-nô đồ Nông Sơn—Vĩnh điện bị tai nạn chìm tại chân cầu Vĩnh điện chiều ngày 2-10, trước đây một tuần, sau nhiều ngày trôi giạt, vì lụt lớn, ròng liên tiếp.

Cũng tưởng một vài tháng sau, thân nhân của em sẽ hỏi thăm tìm kiếm được em. Nhưng đã một năm qua, mà em còn hoang lạnh, thảm thương thay!

Vậy kính nhờ ông Giám đốc vui lòng cho đăng đề thân nhân của em, nếu đăng hay tin, hãy hỏi thăm lên chùa Nghĩa Trùng phía dưới, cách quận lỵ Điện Bàn (tỉnh Quảng-nam) 200m, chúng tôi sẽ chỉ giúp.

Cầu xin đức Từ mẫu Quán Thế Âm gia hộ và chân thành cảm ơn ông Giám đốc.

P.L. 2509, Nghĩa Trùng, ngày 13.10.65

TM. Gia Đình Phật Tử Nghĩa Trùng

Như Hạnh Nguyễn đình Hiến

HỖ TÍN

Được hồng-thiệp của Ông Bà Ngân Hà, Hoa-sĩ ở Saigon, báo tin lễ đính-hôn của thứ nữ là cô Nguyễn-Bích-Thủy cùng cậu Trần-văn-Rạng, thứ nam của Ông Bà Trần-văn-Điền Châu-Độc, in thành thật mừng cho hai họ.

Nguyễn-Vỹ



Quảng midol
1360/BYT/DPDC

Tri các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY



GLUCOCÉ
TÉVÉTÉ

KEO SINH TỐ
CHỐNG MỆT-MỎI THỂ XÁC và TRI-ỨC
NGỪA KHIÊM-ĐỘC VI-TRÙNG

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆN TRƯỞNG ĐƯỢC

Số 252 BY . QCDP/18-10.62

ĐÁP BẠN BỔN PHƯƠNG

* **Bạn Lương trọng Minh, giáo sư Bồ đề, Quinhơn**

Thành thật cảm ơn về những đề nghị của bạn liên-quan đến giải Tao-Đàn Bạch nga 1966.

— Hiện các bản thảo dự thí đều được lưu trữ tại tòa soạn.

— Giải thưởng Tự lực văn đoàn năm 1961-62, Ô. Nhất Linh cũng đã phải bỏ vì những lý-do riêng.

— Hội Bút-Việt là một chi-nhánh của Hội Văn-Bút P.E.N. quốc-tế do tiền trợ-cấp của ngoại quốc nên có đủ phương tiện tài-chánh.

— Chúng tôi không có xin vào hội Bút Việt, và vì vậy nên không có tham gia vào các hoạt động của Hội ấy. Mọi công tác văn nghệ của chúng tôi đều do những phương tiện cá-nhân của chúng tôi, vì thế nên tài chánh không được dồi-dào. Đó là một lý-do khiến chúng tôi tạm ngưng giải thưởng Bạch Nga 1965.

— Một vài người đã kích giải thưởng Bạch-Nga, vì ganh-tỵ, hay vì lý do gì, chúng tôi không được biết. Nhưng chúng tôi mong họ làm gì hay hơn là công kích suông.

— Ở Pháp hàng năm có gần 10 giải thưởng văn-nghệ của tư nhân đề khuyến khích những nhân tài mới, chẳng có một tờ báo nào hay một nhà văn nào đã kích, như ở Việt-Nam!

* **Thiếu Úy Tr. Ng. Xu KBC 3111**

Cô Hoàng thị Thủy Tiên, tác giả bài thơ « Giòng nước mắt » ở 254, đường Phan-bội-Châu — Qui-Nhơn.

* **Cô Lê-hoàng-Anh, Đại-học Y-khoa**

Địa chỉ của « Phong Trào Sinh-viên Quốc-gia Việt-nam » ở Pháp:

76 rue J. P. Timbaud
Paris XI^e

* **Ô. Hồ-công-Danh, giáo-sư Trung-học Trần-quí-Cáp, Hội-an.**

Đồng ý với ông và quý bạn, chúng tôi sẽ cho xuất bản thành sách các chuyện Thần thoại đã đăng trong P.T. Thành thật cảm ơn những ý kiến của ông.

* **Bạn Ng. văn Mến, Tân binh, Cam-Ranh**

Bạn cho biết địa chỉ thật rõ ràng đề chúng tôi gửi báo đến bạn. Ngân phiếu đề tên ông Giám đốc.

* **Chị Lê-thị-Rót, Xã Hương-Long, Thừa-Thiên** Chị làm đơn đến Nha Quân-nhu — Huế.

● **Một nữ độc-giả, Saigon**

Lời người ta đồn rằng Ô. Nguyễn Vỹ có một người con trai làm kỹ-sư ở Nga, là hoàn toàn vô căn cứ.

● **Bạn Thùy-lan-Tử, Qui-Nhơn**

Tòa soạn không nhận được thư của bạn hỏi mua báo cũ.

AI TÍN

Được tin ông Phan văn Giáo, cựu Thủ hiến Trung Việt đã tạ thế ở Pháp ngày 13-11-65, tôi xin thành thật chia buồn, gùg tan quyến.

NGUYỄN VỸ

Nhà hàng ĐAI - LA - THIÊN

Điện thoại số 36.893

31-33 Đường Lãn-Ông CHOLON

- Đặc-biệt các món ăn Tiều
- Sạch-sẽ, vệ-sinh và ngon lành
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép
- Có máy điều hòa không-khí

Ở lầu 3 lộ-thiên có không-khí thiên-nhiên
trong một khung cảnh huy-hoàng diễm-ảo

LE SECOURS

Công - Ty Bảo - Hiêm và tái Bảo - Hiêm những tai nạn, hỏa-hoạn, hàng-hóa trộm cắp và tất cả các rủi ro

Trụ sở chánh :

30 - 32, đường Laffite — Paris (9ème)

Chi-Cuộc Viễn-Đông

16, đại - lộ Nguyễn - Huệ — Saigon

Điện-thoại : 20.461

● Bồi thường mau lẹ

● Nghi thức giản tiện

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liền chớ ngần ngại — Mọi sự dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiêm,

Thuốc bổ huyết điều kinh của Phụ-Nữ

PHỤ-NỮ **HỒI - XUÂN - TỐ** DI-AN-HÒA

Trị : **Kinh nguyệt bất điều**, tháng trời tháng sụt; khi có ít khi có nhiều, hay dây dưa hoặc mới có hay đau bụng, tử cung hư hàn nhiệt, giây chằng yếu, bạch đới hạ khí huyết suy kém xanh xao mặt nhợt, khó thọ thai, hay bị tiểu sản. Quý Bà dùng Phụ-Nữ : **HỒI-XUÂN-TỐ** để mau lại sức, ăn ngủ ngon, điều kinh sửa huyết, có tháng đúng ngày, trị hết bệnh bạch đới tử cung và đau bụng. — (C bán ở các tiệm thuốc Bắc.

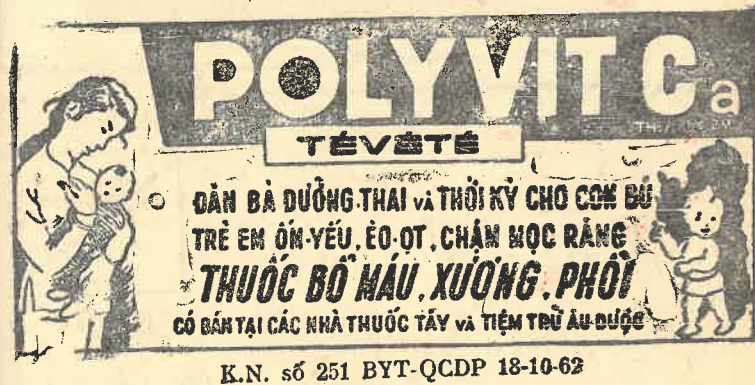
Tổng Phát Hành : **Nhà thuốc : DI-AN-HÒA**

252 A Lê-thánh-Tôn Saigon

K.N. B.Y.T. Số : 1.188 Ngày 9-6-65

Cần Đến kinh kỳ, Bần thần đã dợt, hay là đang hành kinh mà đau bụng, uống : **Lối Công Hoàn « ÔNG TIÊN »**. Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt Saigon 228 **Lê-thánh-Tôn**. Nhà thuốc **« Ông Tiên »** Phú-Lâm Cholon K.N. BYT. số 1 — 9-5-63

Thong Ngứa, Ghê chốc, lở loét, gãi tới đâu lan tới đó không phải thoa phết sơ sài ngoài da mà hết, uống **Giải Phong Sát-Độc-Hoàn « ÔNG TIÊN »** 30 năm sáng lập. Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt. Nhà thuốc **Ông Tiên** Phú-Lâm Cholon (K.N. BYT. số 3 — 9-5-63)



POLYVIT C_a
TÉVÉTÉ

DẪN BÀ DƯỠNG THAI và THỜI KỲ CHO CON BÚ TRẺ EM ỒN-YẾU, ÉO-OT, CHẬM HỌC RĂNG
THUỐC BỔ MÁU, XƯƠNG, PHỔI
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRƯỞU ÁU-ĐƯỢC

K.N. số 251 BYT-QCDP 18-10-62

Bệnh Kiết

Đau bụng trần thốn khó chịu, Kiết lỵ dùng **Kim Xiên-Đơn** hiệu « con Ve » mau hết.

● **AI BỊ BỆNH HO :**

Ho cảm, Ho khan tắt tiếng, Ho rang tức ngực, uống thuốc ho **Chỉ Khái Hoàn hiệu Con Ve Ve** trừ đàm bở phổi dứt cơn ho.

Phát hành : **DI-SANH-ĐƯỜNG**, số 153 đường Lê-văn-Duyệt Saigon, các tiệm thuốc bắc có bán. ○



K.N. số 260 ngày 20-6-63

KINH - LÝ VĂN - PHONG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ — Saigon
Điện-thoại 23.187

Phạm - văn - Lạng

Giám-Định Trắc-địa-sư
Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản

SAIGON

Số K. D. 2.308 ngày 17-11-65

Giấy phép số 292 CDVIT/ND ngày 9-10-1961

Quản nhiệm : **NGUYỄN-VỸ**

In tại **THƯ LÂM ÁN THƯ QUÁN**
231-231, Phạm Ngũ-Lão — Saigon